BÁCH KHOA

SỐ 41 — NGÀY 15-9-1958

Trong số này :

PHẠM-DUY-LÂN — Thị trường chung Âu-châu.

HOÀNG-MINH-TUYNH — Chế độ dân chủ mác-xít.

DƯƠNG-TUYÊN DÃ-PHU, PHAN-VỌNG-HÚC — Hải-Thượng Lãn-Ông Lê-Hữu-Trác.

TRẦN-VĂN-KHÊ — Các loại nhạc Việt-Nam.

ĐOÀN-THÊM — Hai cái Hồ.

NGUYỄN-HUY-KHÁNH — Lược khảo về Tam-quốc.

NTMTD và SÀO-PHỦ-VIỆT — Nửa giờ với anh Khóa.

THÁI-VĂN-KIỂM — Suối nước nóng.

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIÊN-NGU-Í — Tiếng Địa phương.

LÊ-VÂN — Con quốc mồi.

ĐỖ-TẤN — Đợi chờ — Mười chuyến tàu (thơ).

LAN-ĐÌNH — Người đi tìm (truyện ngắn).

Á-NAM, TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch) — Hành lộ nan II (thơ Lý-Bạch).

KIỀU-YIÊU — Tiên ăn mày (dịch Liêu-trai).

B. S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN — Từ điển y ngữ.

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch) — Khói lửa kinh thành.

RƯỢU : — Rượu Âu mạnh " *Eau de Vie củ* " 40° và 50°

— Rượu Tàu "*Lão-Mạnh-Tửu*"

— Rượu Tàu " *Tích-Thọ-Tửu* "

SI-RÔ " *Verigoud* " :

— Si-rô Cam, Quít, Chanh, Bưởi.

DẤM THẬT NGON 6° :

— Dấm " *Distarome* "

DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

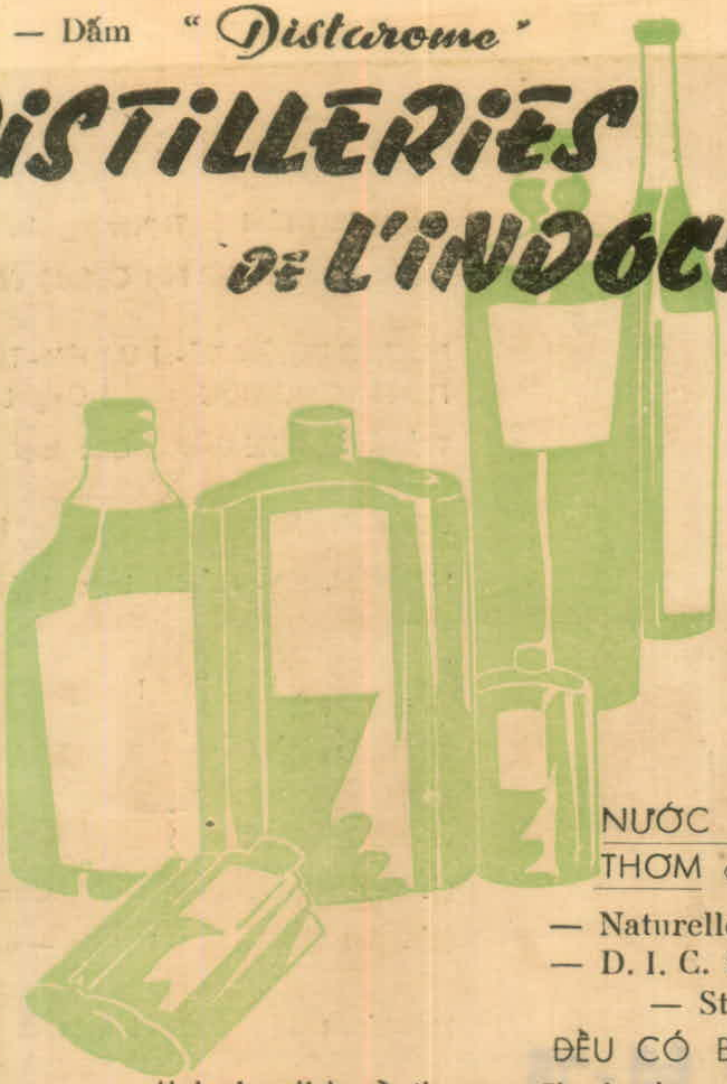

NƯỚC HOA và DẦU THƠM « **D.I.C.** » :

— Naturelle — Fougère

— D. I. C. 5 — Lavande

— Stella

ĐỀU CÓ BÁN KHẮP NƠI

Mọi giao dịch về thương mãi, xin do :

ở **NAM-PHẦN** : HÃNG RƯỢU BÌNH-TÂY (**S.F.D.I.C.**)
135, đường Pasteur — SAIGON

ở **TRUNG-PHẦN** : CÔNG TY THƯƠNG MÃI, KỸ NGHỆ và TIỂU CÔNG NGHỆ (**S.I.C.A.**) — *32, Bến Bạch-Đằng — ĐÀ-NẴNG*

HÃNG RƯỢU **NHIÊU-BÁ**
6, đường Hoàng-Hoa-Thám — NHA-TRANG

SẢN PHẨM CỦA HÃNG THUỐC

MIS
CHOLON

COTAB

VIRGINIE

GIÁ BÁN
18 $

VIỆT - NAM HÀNG - KHÔNG

SAIGON — PARIS

(Chuyến bay "THANH-LONG"
bằng phi-cơ « SUPER G »)
cất cánh 16 giờ 30 mỗi thứ Hai

SAIGON — VIENTIANE

mỗi thứ Hai, bằng DC 3
— Tư } bằng DC 4
— Bảy }

SAIGON — HONGKONG

mỗi Chúa-Nhựt và thứ Năm
bằng Super G (chung với Air France)

Xin hỏi **VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG**
116, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — SAIGON
Đ.T. 22.446-47 — 21.624-25 26

Société Indochinoise de Documentations et de Représentations Commerciales

(S. I. D. E. R. C. D.)

Agents des Fabriques :

Métallurgiques DAVUM
Matériel technique

Exclusivités :

Whisky « BALLANTINE'S »
Cognac « COURVOISIER »
Sardines « Les Océanides »

18, Bến Bạch Đằng — *Tél : 20.055*
SAIGON

La Société Urbaine Foncière

(S. U. F. D.)

18, BEN BACH DANG — SAIGON

"33"
EXPORT
"33"
EXPORT
BRASSERIES & GLACIERES DE L'INDOCHINE

CALTEX (ASIA) LIMITED

Phát hành ở Việt-Nam
tất cả nguyên liệu có giá trị

CALTEX
REG. T.M.

và đặc biệt nhứt là dầu

RPM

THE PREMIUM MOTOR OIL
H.D.

AIP 57

Nhatrang

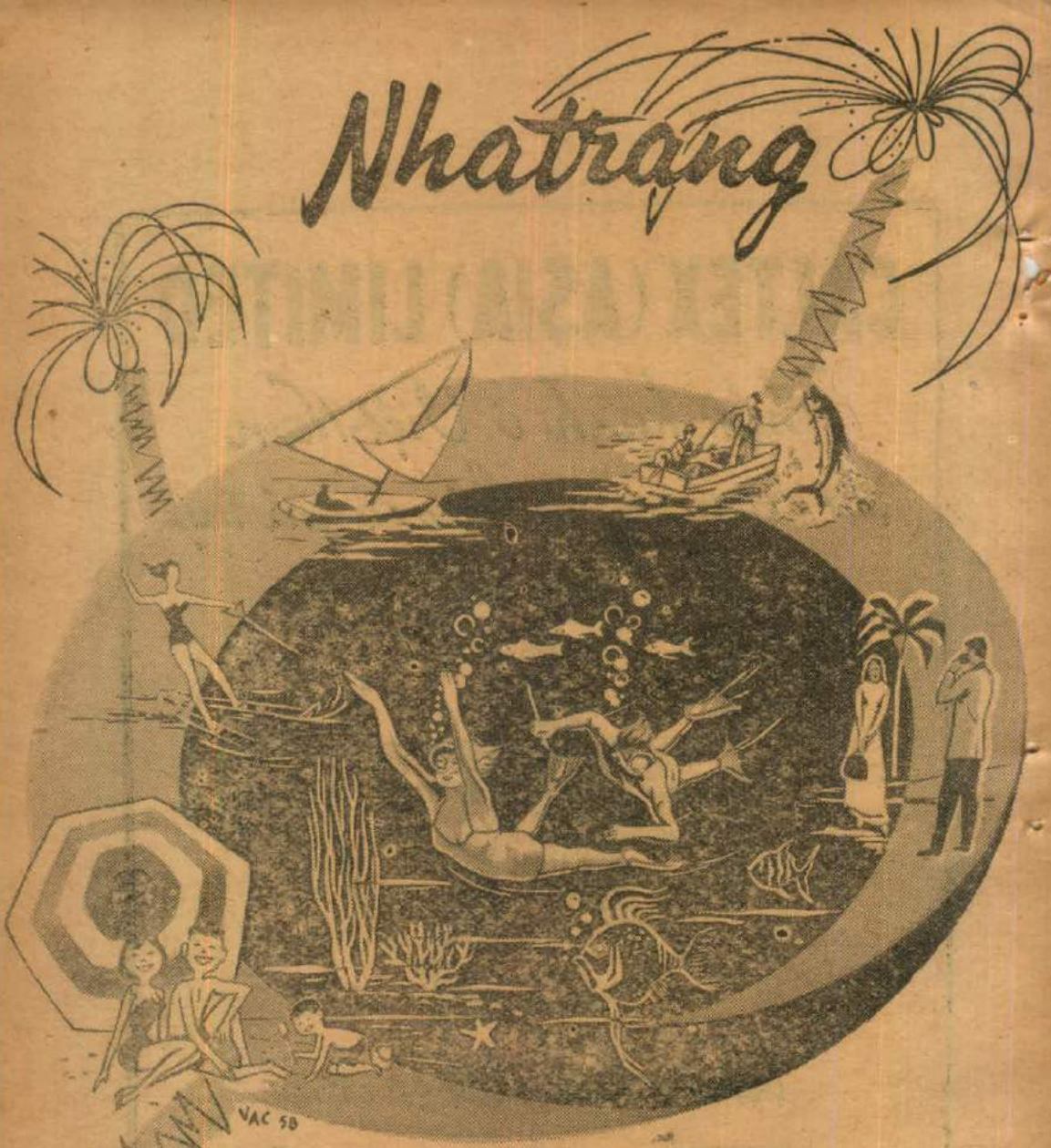

Với những du-khách thích ra biển, hoặc để bơi lội, đi thuyền, nhào lộn trượt nước, hay để hóng gió và ngắm cảnh, NHATRANG quả là một nơi bãi biển quyến-rũ nhất, với làn nước trong xanh hơn tất cả những bờ biển khác, với phong-cảnh mê-ly hữu tình của miền duyên-hải Trung-Việt.

Là nơi lý tưởng cho các môn thể thao trên mặt nước, NHATRANG cũng là nơi có Viện Hải-Học Việt-Nam, trưng bày hàng trăm loại hải ngư còn sống, cùng nhiều thứ kỳ-quan của biển sâu. Tại đây, du-khách sẽ thấy tận mắt những loài cỏ và loài cây sống đùm bọc lẫn nhau, mỗi khi gặp nguy cả chỉ việc núp vào cho lá cây cụp lại thành một thứ thành trì bất khả xâm-phạm.

Ngày nay du-khách có thể đi xe hơi đến Nha-Trang một cách dễ-dàng và thích-thú — nếu trước khi đi du-khách đem xe đến hãng **STANVAC** xem lại, lấy đầy xăng và cho dầu mỡ, và nếu dọc đường du-khách để ý đến những bảng hiệu Con Ngựa Bay để dừng xe lại mỗi khi cần thiết.

STANDARD - VACUUM OIL COMPANY

BÁCH-KHOA

Số 41 — Ngày 15-9-1958

PHẠM-DUY-LÂN. . . . . *Thị trường chung Âu-Châu.*

HOÀNG-MINH-TUYNH . . . . . *Chế độ dân chủ mác-xít.*

DƯƠNG-TUYỀN DÃ-PHU / PHAN-VỌNG-HÚC . . *Hải-Thượng Lãn-Ông Lê-Hữu-Trác.*

TRẦN-VĂN-KHÊ. . . . . *Các loại nhạc Việt-Nam.*

ĐOÀN-THÊM . . . . . *Hai cái Hố.*

NGUYỄN-HUY-KHÁNH. . . . . *Lược khảo về Tam-quốc.*

NTMTD và SÀO-PHỦ-VIỆT . . . . . *Nửa giờ với anh Khóa.*

THÁI-VĂN-KIỂM. . . . . *Suối nước nóng.*

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í . . . . . *Tiếng địa phương.*

LÊ-VĂN. . . . . *Con quốc mồi.*

ĐỖ-TẤN . . . . . *Đợi chờ — Mười chuyến tàu (thơ).*

LAN-ĐÌNH . . . . . *Người đi tìm (truyện ngắn).*

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI (dịch) . . *Hành lộ nan II (thơ Lý-Bạch).*

KIỀU-YIÊU. . . . . *Tiên ăn mày (dịch Liêu-Trai).*

B.S. NGUYỄN-TRẦN-HUÂN. . *Từ điển y ngữ.*

VI-HUYỀN-ĐẮC (dịch). . . . . *Khói lửa kinh thành.*

BÁCH-KHOA

Trong những số tới

HUỲNH-VĂN-LANG	:	*Nâng đỡ người Việt.*
HOÀNG-MINH-TUYNH	:	*Chế độ dân chủ Mát-xít : Hiến pháp 1936.*
NGUYỄN-THIỆU-LÂU	:	*Trung-quân Đoàn-Thọ.*
PHAN-KHOANG	:	*Mùa thu với người Á Đông.*
NGUYỄN-HIẾN-LÊ	:	*Quản-Trọng.*
ĐOÀN-THÊM	:	*Hai cái Hố.*
PHÙNG-BÁ-KHANH	:	*Nguyên tắc tạo thành Hán-tự.*
CÔ-LIÊU	:	*Hỏa tiễn.*
TÂN-FONG-HIỆB	:	*Alexandre de Rhodes người có công to với chữ Việt.*
TRẦN-VĂN-KHÊ	:	*Hát Hội.*
NGÀ-NGÀ	:	*Tôi cũng nhớ Tản-Đà.*
VƯƠNG-HỒNG-SỂN	:	*Lại chơi chim.*
SÀO-PHỦ-VIỆT và N.T.M.T.D.	:	*Vào Đại-ẩn-am thăm thi-sĩ Đông-Hồ.*
HUY-SƠN	:	*Hôm nay ! Ngày mai ? (truyện ngắn).*
VÕ-PHIẾN	:	*Băn-khoăn (truyện ngắn).*
LAN-ĐÌNH	:	*Về chỗ (truyện ngắn).*
KIỀU-YIÊU	:	*Cầm sắt (dịch Liêu-trai).*
CÔ MỘNG-TUYẾT	:	*Thu Phương Nam.*
YÃ HẠC và TRINH-NGUIÊN	:	*Tình thu (dịch).*

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số : **90$00** — *1 năm 24 số :* **180$**

Ở ngoại quốc xin gởi thêm cước phí.

BÁO QUÁN : 160 Phan-đình-Phùng — SAIGON

Nhà in : 412-414, *đại lộ Trần-Hưng-Đạo — SAIGON*

Thư từ và bài vở xin gửi cho : Tòa soạn BÁCH-KHOA
hộp thư số 339 Saigon

Bưu phiếu xin đề tên : Ô. Huỳnh-văn-Lang
160 Phan-Đình-Phùng — SAIGON

« THỊ TRƯỜNG CHUNG »

ÂU CHÂU

PHẠM-DUY-LÂN

THỜI KỲ CHUYỂN TIẾP

Cộng đồng thị trường không thể một ngày mà lập nên được. Tất nhiên phải một thời kỳ chuyển tiếp khá lâu để sửa đổi dần dần nền kinh tế riêng biệt các nước hội viên, hướng về sự sản xuất cộng đồng.

Thời kỳ chuyển tiếp được ấn định tối thiểu là 12 năm, chia ra làm ba giai đoạn 4 năm, Hội đồng Tổng Trưởng quyết định tiến hành từ giai đoạn thứ nhất qua giai đoạn thứ hai, hoặc từ giai đoạn thứ hai sang giai đoạn thứ ba, nếu được toàn thể chấp thuận. Thời hạn biến chuyển, có thể chậm lại hai năm. Nhưng, dầu sao, tất cả thời kỳ chuyển tiếp không được quá 15 năm.

A.— Giai đoạn thứ nhất.

1) Nhân công.—

Hội đồng cố gắng đảm bảo sự công tác giữa các Chánh-phủ về vấn đề nhân công, hủy bỏ những sự phân biệt về quốc tịch, thực hiện luật lệ an ninh xã hội.

2) Quyền thiết lập xí nghiệp.—

Cấm đoán sự hạn chế chặt chẽ thêm về quyền thiết lập xí nghiệp. Hội Đồng hoạch định một chương trình chung để hủy bỏ dần các sự hạn chế sẵn có.

3) Sự vụ.—

Cấm đoán hạn chế thêm về lưu thông sự vụ. Hội Đồng hoạch định một chương trình chung để hủy bỏ các sự hạn chế sẵn có.

4) Vốn liếng.—

Các Quốc gia hội viên cố gắng không hạn chế lưu thông vốn liếng. Hội Đồng biểu quyết về các chỉ thị chung, sẽ gửi cho các Chánh phủ. Hết giai đoạn đầu, phải hủy bỏ sự hạn chế trả nợ, giữa các nước hội viên.

5) Lưu thông hàng hóa.—

Không được đặt thêm các quan thuế mới. Phải giảm bớt lần lần giá biểu quan thuế và cuối giai đoạn đầu, mức giảm là 26%.

Từ 1/1/1959, các sự hạn chế nhập cảng giữa hai nước, phải đổi thành hạn chế chung giữa 6 nước hội viên và nới rộng lần lần số hàng nhập cảng. Thuế xuất cảng hàng hóa giữa các nước hội viên, phải hủy bỏ hẳn về cuối giai đoạn đầu, đồng thời với sự hủy bỏ hạn chế xuất cảng.

Về hàng rào quan thuế chung, đối với các nước ngoài, nếu giá biểu quốc gia, không chênh lệch với giá biểu chung quá 15% thời hết giai đoạn đầu, phải áp dụng giá biểu chung. Nếu giá biểu quốc gia chênh lệch với gia biểu cộng đồng nhiều quá, thời sẽ giảm bớt 30% sự chênh lệch.

B.— Giai đoạn thứ hai.

1) Nhân công.—

Hội đồng tiếp tục công việc giai đoạn trước.

2) Quyền thiết lập xí nghiệp.—

Hội đồng quyết định theo đa số (12 phiếu) các biện pháp để hủy bỏ sự hạn chế thiết lập xí nghiệp.

3) Sự vụ.—

Hội đồng quyết định theo đa số, các biện pháp thực hiện chương trình đã đặt ra.

4) Vốn liếng.—

Hội đồng quyết định về các chỉ thị giữ cho Quốc-gia hội viên.

5) Lưu thông hàng hóa.—

Giá biểu quan thuế các quốc gia hội viên giảm thêm lần lần cho tới mức 50% giá biểu căn bản (tính theo năm 1957). Khối lượng hàng hóa hạn chế nhập cảng, được nới rộng thêm.

Sự chênh lệch giữa giá biểu quan thuế chung của khối Cộng-Đồng và giá biểu quan thuế riêng của mỗi quốc gia, được giảm thêm 30% nữa.

C.— Giai đoạn thứ ba.

1) Nhân-công.—

Tự do lưu thông, và hủy bỏ mọi sự phân biệt.

2) Xí-nghiệp.—

Tự do thiết lập xí nghiệp, và hành nghề tự do.

3) Sự vụ.—

Tự do lưu thông.

4) Vốn liếng.—

Sự lưu thông vốn liếng của nhân dân cư ngụ trong Khối Cộng-Đồng, không bị hạn chế. Các sự phân biệt đều hủy bỏ.

5) Lưu thông hàng hóa.—

Giá biểu quan thuế được giảm bớt thêm đợt nữa. Giữa giai đoạn, khối lượng hàng hóa hạn chế nhập cảng phải nới rộng tới mức 20% sản phẩm quốc gia. Tới cuối giai đoạn hoàn toàn hủy bỏ các sự hạn chế và quan thuế, trong sự giao dịch giữa các nước hội viên. Đối với nước ngoài, áp dụng giá biểu quan thuế chung.

Sớm là 1 tháng giêng năm 1970, và trễ lắm là mùng một tháng giêng năm 1973, Cộng-Đồng thị trường phải được thực hiện hoàn toàn.

★

BÀI HỌC VỀ THỊ TRƯỜNG CHUNG ÂU-CHÂU.

Các kinh tế gia, thường chỉ chích hiệp ước La-mã phức tạp, một món tả-pi-lù về các nguyên tắc, và trường hợp đặc biệt, nguyên tắc chuyển tiếp. Bản văn không sáng sủa, và xếp đặt không thứ tự, khiến cho sự giải thích rất khó khăn, nếu không nói là sai lệch.

Xét đến cùng, hội nghị La-mã đã không thể nào làm hơn được, để dung hòa quyền lợi các nước hội viên, mà chính sách về tài chánh, kinh tế, xã hội canh nông, kỹ nghệ, khác xa nhau một trời một vực.

Hiệp ước La-mã, không thể là một sản phẩm của trí tuệ thuần túy, bởi phải giải quyết các thực tế khó khăn.

Trước khi rút một bài học về Cộng đồng Thị Trường, chúng ta cần phải biết các trở ngại lớn lao nhất, mà hiệp ước La-mã giao cho ủy ban Âu-Châu nghiên cứu.

1) Vấn đề canh nông.

Trong phạm vi một nước, vấn đề này cũng đã khó giải quyết, vì không thể nào ước lượng cho chắc chắn các sản phẩm canh nông. Thời tiết có thể làm cho mùa màng thất bát, dịch tễ, khiến cho loài vật chăn nuôi, bị chết chóc. Quốc gia thường phải giúp đỡ các nông dân, bằng cách phụ cấp tiền và bảo vệ hàng rào quan thuế, hạn chế nhập cảng v.v...

Trên phương diện cộng đồng thị trường càng khó hơn nữa, vì mỗi nước sẵn có khách hàng xuất nhập cảng quen thuộc. Nếu để cho tự do thông thương tất có nhiều đảo lộn kinh tế làm biến chuyển đời sống nông dân.

Theo hiệp ước La-mã, phải ấn định và thực hiện một chính sách canh nông chung. Nhưng hiệp ước đã không đặt ra được một chính sách rõ ràng, chỉ tuyên bố giới hạn của chính sách và các phương tiện thực hiện đại cương. Chính sách chung nhắm mục đích :

— Tăng gia năng xuất nhờ sự cải tiến kỹ thuật, và dùng nhân công cho có lợi.

— Giữ vững các thị trường.

— Đảm bảo sự tiếp tế.

— Đảm bảo giá cả phải chăng đối với người tiêu thụ.

Các chỉ thị hoặc lời khuyên cáo, do hội đồng Tổng Trưởng quyết định, theo đề nghị của Uỷ Ban Âu-Châu, và có sự tham gia ý kiến của Đại hội đồng.

Ủy ban Âu-châu, liên lạc chặt chẽ với Ủy ban kinh tế xã hội, và khi lập dự án quyết nghị, phải lưu ý tới sự giằng co giữa các vấn đề canh nông và các khu vực kinh tế khác, đồng thời lưu ý tới sự so sánh các chánh sách canh nông riêng biệt và lập bảng kê khai nhu cầu và tài nguyên mỗi nước.

Một nhiệm vụ khó khăn của Ủy ban Âu-châu, là đặt những tiêu chuẩn để tính giá tối thiểu về nông phẩm. Sự áp dụng nguyên tắc tự do cạnh tranh vào địa hạt canh nông, có thể gây ra những hậu quả trầm trọng đến nỗi phải đặt ra các điều khoản bảo vệ

nông nghiệp các nước hội viên trong thời kỳ chuyển tiếp. Mỗi nước hội viên, tạm thời, có thể đình chỉ nhập cảng, hoặc ấn định một giá tối thiểu. Hiệp ước không nói tới sản phẩm nào được hưởng điều khoản bảo vệ, chỉ qui định giá biểu tối thiểu, không được dùng để làm lợi cho một nước hội viên, và cản trở sự trao đổi hàng hóa.

Khởi sự giai đoạn đầu, các nước hội viên được tự do quyết định giá tối thiểu. Khi Ủy ban Âu-châu đã đề nghị, và Hội đồng chấp thuận các tiêu chuẩn, thời giá biểu tối thiểu phải tính theo tiêu chuẩn.

2) Vấn đề thuộc địa.—

Đất đai hải-ngoại (Pays d'outre-Mer) của các nước hội viên cũng đặt ra nhiều vấn đề khó khăn phải nghiên cứu. Thuộc địa thường chỉ có sản phẩm canh nông và nguyên liệu. Ngân sách thăng bằng được, nhờ các thuế gián tiếp, nhất là quan thuế. Trình độ kỹ nghệ rất thấp kém, cần phải được bảo vệ mạnh mẽ. Đất đai hải-ngoại đòi hỏi nhiều vốn liếng để khai thác các khả năng.

Vài nét đại cương trên đây, chứng tỏ, vấn đề thuộc địa phức tạp, Ủy-ban Âu-châu phải nghiên cứu kỹ càng để có thể đề nghị các giải pháp mềm dẻo.

Đất đai hải-ngoại, không thể họp với các nước hội viên thành một khối quan thuế, mà chỉ có thể có những sự trao đổi tự do. Sự tiêu thụ sản phẩm của đất đai hải-ngoại, cũng cần được giải quyết như sự tiêu thụ các nông phẩm. Các chi phí về hành chánh và quân sự vẫn do mẫu quốc đài thọ, nhưng chi phí kinh doanh sẽ được các nước hội viên góp phần giúp đỡ.

3) Tài chánh và tiền tệ.—

Lịch sử cận đại chứng tỏ các nước Âu-châu đều trải qua nhiều cơn khủng hoảng về kinh tế và tiền tệ. Những sự cố gắng quốc tế để cải tiến tình trạng, không đạt được kết quả, bởi các quốc-gia thường để quyền lợi cá nhân trên quyền lợi chung. Hiệp-ước La-mã, tôn trọng chủ quyền quốc-gia, không thể can thiệp vào chính sách tài chính và tiền tệ của mỗi quốc-gia. Nước nào cũng vẫn giữ riêng lợi tức, và phải đối phó với nhu cầu ngân sách. Nếu chi nhiều hơn thu tất nhiên hệ thống tiền tệ chịu ảnh hưởng không hay.

Xét trong khối Cộng-Đồng, riêng có nước Đức và Bỉ là giải quyết đẹp đẽ vấn đề tiền tệ. Ngay trong giai đoạn chuyển tiếp, việc trao đổi hàng hóa sẽ tăng nhiều, các mối liên lạc về tiền tệ cũng nảy nở mạnh mẽ, và kết quả là các hệ thống tiền tệ xấu xa sẽ lây bệnh sang tiền tệ tốt lành.

Hội nghị Alpbach ở Tyrol năm nay, có nghiên cứu về các biện pháp cần áp dụng trong khu vực tài chánh công và tư để thực hiện Cộng-Đồng thị trường.

Các chuyên viên danh tiếng như ông Kamitz, Tổng trưởng Tài chánh nước Áo, Holtrop, chủ tịch Nederlandsche Bank và Abs, Tổng giám đốc Deutsche Bank, kết luận, cần phải áp dụng ba nguyên tắc căn bản:

1) Nên phối trí các hệ thống hiện hữu về tài chánh và tín dụng hơn là thống nhất dưới hình thức một hệ thống mới.

2) Sự phối trí chỉ có thể thực hiện lần lần, trong khoảng thời gian lâu dài.

3) Chỉ có thể đề ra một chính sách chung về kinh tế và tài chánh, nhưng không thể áp dụng một hệ thống và các phương pháp giống nhau trong tất cả các nước hội viên.

Tất cả những sự khó khăn mà Ủy ban Âu-châu phải nghiên cứu và Hội đồng Tổng Trưởng quyết định, lớn lao đến nỗi nhiều người hoài nghi sự thực hiện Hiệp ước La-mã. Cũng có kẻ cho rằng Cộng đồng Thị trường chỉ là một danh từ suông, một lá cờ phất lên để tấn công Liên-xô Cộng-sản, vào giờ phút quyết liệt. Người không phản đối, cũng coi là chuyện xa xôi chưa cần bận tâm đến: 15 năm nữa, chắc gì Hiệp ước đã tồn tại được!

Tháng năm, năm nay, khi khủng hoảng chính trị bên Pháp trải qua những phút trầm trọng nhất, người ta tưởng chừng tướng De Gaulle, nếu nắm được chính quyền sẽ phủ nhận tất cả các hiệp ước Âu-châu, và Cộng đồng Thị trường không còn một phần nào tồn tại được.

Sự mâu thuẫn quyền lợi bên trong đã gây bao trở ngại cho việc trưởng thành thị trường chung. Hoàn cảnh bên ngoài cũng không thuận lợi nữa. Khối Anh-cát-lợi, không thể nào quan niệm được một thị trường chung Âu-châu không có bóng dáng người Ăng-Lê.

Hiện nay nước Anh tranh đấu gay go để khối Cộng-Đồng thị trường, hợp với khối Anh-cát-lợi và các nước Âu-châu thành một vùng mậu dịch tự do. Hàng rào quan thuế được xóa bỏ giữa các nước hội viên, nhưng đối với các nước ngoài, mỗi hội viên được quyền ấn định giá biểu quan thuế riêng biệt. Như vậy, khối Cộng-đồng thị trường không thể cạnh tranh nổi, vì nước Anh mua được nguyên liệu của Liên-hiệp-Anh với giá rẻ hơn, nên giá sản xuất cũng hạ hơn

các nước Âu-châu. Nếu không tiến tới được sự thỏa hiệp, nước Anh có thể làm tan vỡ thị trường chung.

Cộng-đồng thị trường có thể vượt qua tất cả các sự trở ngại, đối nội và đối ngoại hay không? Chúng ta chỉ có thể trả lời được, khi xác định quá trình tiến triển của Cộng-Đồng. Hiệp-ước La-mã là một sản phẩm ngẫu nhiên, hay là một kết quả bó buộc? Nói cách khác, 6 nước Âu-châu đã kết hợp theo ý chí tự do, hay đã bị hoàn cảnh kinh tế chính trị trên thế giới dồn đến chỗ phải đấu lưng chung sức, nếu muốn sinh tồn? Sự sản xuất trên thế giới, không còn tính cách tự túc và nhìn về phía Cộng-sản, hoặc phía các Quốc-Gia tự do, chúng ta cũng thấy, kỹ thuật cải tiến, mậu dịch bành trướng, đưa đến chỗ phân công sản xuất, và kết hợp chặt chẽ giữa các quốc gia. Tất nhiên, các nước kỹ nghệ hóa lâu năm, thiếu nguyên liệu, thiếu thị trường tiêu thụ, lâm vào khủng hoảng kinh tế, tiền tệ, cần phải kết hợp đầu tiên. Đó là trường hợp của 6 nước: Pháp, Đức, Ý, Hòa-lan, Bỉ, Bảo. Dầu muốn, dầu không, sớm hay muộn, các nước Tây-Âu, rồi cũng phải lập một thị trường chung, phân công sản xuất, phá bỏ quan thuế, và giúp sức nhau để khai thác triệt để các khả năng của mỗi nước hội viên.

Thị trường chung Âu-Châu chỉ là một dấu hiệu của thời đại. Hiệp ước La-mã chỉ bắt đầu một hàng những hiệp ước tương tự. Sự kiện lịch sử và kinh tế này, là một điều đáng cho chúng ta phải để tâm suy nghĩ. Các dân tộc nhược tiểu Á-Phi, vừa dành được nền độc lập chánh trị, phản ứng đầu tiên là đề cao chủ quyền quốc gia, nên rất cứng rắn về phương diện độc lập kinh tế. Nước nào cũng muốn trở thành một đơn vị sản xuất hoàn toàn, và chủ trương kỹ nghệ hóa với bất cứ giá nào. Khi phản ứng đầu tiên trôi qua, chúng ta sẽ thấy cần thiết phải hợp tác chặt chẽ với nhau, để cải tiến nền kinh tế, nâng cao mức sống xã hội của nhân dân. Ngay từ bây giờ, chúng ta phải biết rút kinh nghiệm về những tấn bi kịch đương diễn ra ở Âu-châu. Tại sao ở Pháp, nhiều người phản đối Hiệp ước La-mã nhất? Vì sự sản xuất và tổ chức xã hội Pháp không hợp lý. Nhiều xí nghiệp của Pháp, dụng cụ cũ kỹ quá, và kỹ thuật lạc hậu, nhưng nhờ sự bảo vệ về quan thuế, vẫn tồn tại được, và chủ nhân chỉ gom tiền lời, mà không cần nghĩ đến chuyện thay đổi máy móc, cải tiến kỹ thuật. Nếu bỏ sự giúp đỡ của Chánh quyền tất không thể nào, trong thời gian ngắn, đương nổi với sự cạnh tranh của xí nghiệp ngoại quốc. Tổ chức An ninh xã hội bị lạm dụng nhiều quá, gánh nặng ngày một tăng, nên giá sản xuất cũng bị ảnh hưởng lây. Nhiều công nhân không cần làm việc, miễn có 5, 6 đứa con là đủ sống lười biếng rượu chè bê tha.

Hơi đau ốm là dùng thuốc đắt tiền, hoặc nghỉ dưỡng bệnh. Các xí nghiệp phải chịu thêm 50% công xá, để đóng góp An ninh Xã Hội, chưa kể phụ cấp của Ngân sách Quốc Gia. Như vậy, nên giá cả về nông phẩm quá cao, và ngay trong khu vực kỹ nghệ, cũng không thể nào nghĩ đến chuyện cạnh tranh được.

Bước chân vào cộng đồng thị trường, nước Pháp sẽ gặp nhiều sự khó khăn. Nhưng không phải vì thế mà cộng đồng thị trường Âu-châu không thành hình. Kế tiếp đó, rất có thể một Cộng đồng Đông-Nam-Á cũng được thiết lập. Chúng ta hãy so sánh thử về hoàn cảnh địa dư của hai khối, Tây - Âu và Đông-Nam-Á.

Khối cộng đồng Tây-âu gồm 162 triệu dân, sản phẩm canh nông dùng trực tiếp khá quan trọng, sản phẩm canh nông dùng vào kỹ nghệ, thiếu thốn; sản phẩm kỹ nghệ rất quan trọng quặng mỏ, than v.v... sức sản xuất so sánh được với Hiệp-chúng-quốc, hoặc Liên-xô.

Đông-Nam-Á gồm Việt-Miên-Lèo, Miến-điện, Thái-lan, Mã-lai, Nam-dương, Phi-luật-tân, với một diện tích 4.500.000 cây số vuông và 185 triệu dân. Canh nông là hoạt động chính và nuôi sống 80% nhân dân. Ruộng nương gồm 25 triệu mẫu, sản xuất mỗi năm 35 triệu tấn gạo. Trồng tỉa kỹ nghệ gồm có cao-su, 1.600.000 tấn — 90% sức sản xuất hoàn cầu — dừa, 2 triệu tấn, gai, chè và cafê. Ngư nghiệp khá quan trọng: 1.500.000 tấn cá.

Kỹ nghệ còn đang trong buổi phôi thai: Mỗi quốc gia gắng sức động viên nhân công và tài lực để nâng cao mực sống và củng cố nền độc lập.

Đông-Nam-Á gồm những quốc gia chuyên về nông nghiệp. Nhưng chung một nền kinh tế, không phải là không kết hợp được, vì Tây-âu cũng gồm sự hợp nhất của 6 quốc gia, chuyên về kỹ-nghệ.

Nếu chúng ta nhìn rộng, thấy trước sự kết hợp của các quốc gia Đông-Nam-Á, trong một phạm vi, rộng hay hẹp (tỷ dụ toàn khối, hoặc Việt-Miên-Lèo-Miến-Thái-Mã). Chúng ta phải lợi dụng ngay bài học Cộng đồng Thị trường Âu-châu, để ấn định một chính sách kinh tế hợp lý Đại cương, có thể tạm phác như sau:

1) Không nên kỹ nghệ hóa bất cứ giá nào.

Nước Việt-nam tự do chỉ có 12 triệu dân. Thị trường tiêu thụ hẹp hỏi, không cho phép thiết lập kỹ nghệ với bất cứ giá

nào. Nên mở mang tiểu công nghệ, và phát triển ngành kỹ nghệ nào, chịu đựng được sự cạnh tranh và có cơ dành thị trường Đông-Nam-Á.

2) Cơ giới hóa nông nghiệp.—

Dân số trên thế giới tăng rất mạnh, nên các nước nông nghiệp, nhìn thấy tương lai vững chắc. Cần phải cải tiến kỹ thuật, dùng cơ giới, để bành trướng đất đai trồng tỉa, và năng xuất. Không những chúng ta thúc đẩy sự sản xuất lúa gạo, mà còn phải tăng gấp đôi, gấp ba diện tích trồng cao xu, café, chè.

3) Phát triển nguyên tắc tự do cạnh tranh.—

Các xí nghiệp phải sản xuất trong điều kiện kỹ thuật tiến bộ, công cụ tối tân, tổ chức hợp lý, ngõ hầu giảm được giá sản xuất tới mức tối thiểu. Sự giúp đỡ của chính quyền chỉ là một biện pháp tâm thời, sau này cần hủy bỏ lần lần.

4) Chế độ An-ninh Xã-hội.—

Cần được nghiên cứu kỹ càng để tránh sự lạm dụng và thích hợp với khả năng đóng góp của nhân dân và trình độ kinh tế quốc gia.

5) Chính sách tận dụng nhân công.—

Nhằm mục phiêu vận dụng nhân công, từ các vùng thành thị, nông thôn lên khai thác các vùng cao nguyên phì nhiêu.

✱

Hiệp-ước La-mã, là một ngọn đuốc soi sáng cho các nước nhược tiểu đương chập chững tìm đường đi, để theo kịp đà tiến của thế giới. Sự thành hình của thị trường chung Âu-châu chứng tỏ, muốn tồn tại, các quốc-gia nhỏ bé phải kết hợp thành một đơn vị sản xuất vững chắc. Bên trên chính sách kinh tế, tài chánh quốc-gia, phải nghĩ tới một chính sách chung cho mỗi vùng địa dư trên hoàn cầu. Cộng-Đồng thị trường sẽ là sự kiện quan trọng nhất của lịch sử kinh tế ngày mai.

PHẠM-DUY-LÂN

CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ MÁC-XÍT

NHỮNG ĐỊNH CHẾ CHÍNH TRỊ PHỎNG THEO CHỦ NGHĨA MÁC-XÍT

HOÀNG-MINH-TUYNH
(biên khảo)

Cho tới cuộc đại chiến 1939-1945, duy những định chế chính trị của Liên-xô là có thể coi như những định chế tổ chức theo chủ nghĩa mác xít. Từ sau cuộc đại chiến, những nước thuộc ảnh hưởng của Liên-xô mới bắt đầu phỏng theo Liên-xô và chủ nghĩa mác xít mà thiết lập chính thể của mình.

Những định chế chính trị của Liên-xô (1)

1. — Liên-xô và chủ nghĩa Cộng-sản

A. — Nhớ lại một vài sự kiện lịch sử.

Mặc dầu mới thiết lập được bốn mươi năm, chính thể xô-viết đã gây được một lịch sử chính trị rất phong phú, nếu kể lại tất cả thì rất dài dòng, nên ngay cả trên phương diện hiến pháp, chúng tôi cũng chỉ xin nhắc lại ở đây một vài sự kiện thiết yếu, quan trọng mà thôi.

Ngày 16 tháng 3 năm 1917, do bởi nhiều nguyên do, mà nguyên do chính là tình thế quân sự, Nga Hoàng thoái vị.

Một chính thể lâm thời lập nên, thành phần và khuynh hướng mỗi ngày một tiến hóa. Đồng thời, những Xô-viết (nghị hội) công nhân và binh sĩ cũng được tổ chức mỗi ngày một nhiều. Lê-nin, trước đấy bị phát lưu, trở về Nga ngày 16 tháng tư năm 1917. Ông là lãnh tụ đảng « bon-sơ-vích », đảng này lần lần nắm giữ tất cả quyền bính trong Ủy ban chấp hành Trung ương Xô-viết. Nhờ hành động đúng vào lúc nguyện vọng hòa bình tha thiết của quần chúng Nga, bấy giờ đang có chiến tranh với Đức, Lê-nin thải trừ được chính phủ lâm thời và vị nguyên thủ Kerensky và thực hiện được cuộc cách mệnh tháng mười (tháng mười một theo dương lịch).

Sau đó ít lâu, Đại Hội Xô-viết công bố trao chủ quyền Nhà nước cho các ủy viên nhân dân, trong số có hai yếu nhân đáng chú ý là

(1) Tiếng gọi tắt Liên bang Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Xô viết.

Lê-nin và Tờ-rốt-ky. Nhờ vậy, Hòa ước Nga — Đức ký kết xong ngày 3 tháng ba năm 1918 tại Brest-Litovsk.

Thời kỳ vô sản chuyên chính và chế độ Cọng-sản thời chiến tranh, khởi sự cùng một lúc với cuộc nội chiến ngày càng rối rắm do sự can thiệp của Đồng minh. Chính thời kỳ này là thời kỳ ban hành Hiến pháp mùng 10 tháng Tám năm 1918. Hiến pháp này về sau còn bị sửa đổi rất nhiều.

Rồi, trong năm 1921, khi nội chiến kết thúc, nước Nga bị đặt trước một tình trạng chính trị và kinh tế rất mực trầm trọng. Lê-nin, bởi biết rằng « khi hoàn cảnh đổi thay thì phải đổi thay phương pháp », liền bỏ chính sách xã hội chủ nghĩa cứng rắn vẫn thi hành từ trước và mở một kỷ nguyên mới, gọi là kỷ nguyên chính trị và kinh tế mới.

Chính giữa lúc ấy, ngôi sao của Xít-ta-lin bắt đầu lóe rạng: ông được cử làm bí thư đảng Cọng-sản (tên các cựu đảng viên bon-sơ-vích đã dùng) năm 1922.

Ngày 30 tháng mười hai năm 1922, Hiến pháp liên bang thứ nhất đã được Đại hội Xô-viết liên bang thông qua, sau khi sửa chữa một vài điều khoản và được công bố ngày 31 tháng 1 năm 1924, coi là pháp luật cơ bản. Người ta công nhận Hiến pháp này thực ra chưa được hoàn toàn dân chủ, song đó là bởi tại còn đang ở trong thời kỳ vô sản chuyên chính, Hiến pháp phải trù liệu những biện pháp tiến hành việc giáo dục quần chúng và tiêu trừ triệt để những kẻ thù của chế độ.

Lê-nin mất ngày 21 tháng giêng, năm 1924. Ngay sau đó liền xảy ra cuộc tranh giành quyền vị giữa Tờ-rốt-ky và Xít-ta-lin. Mặc dầu được nhiều uy thế và có công lớn với Cách mệnh, Tờ-rốt-ky lần lần bị thải trừ và bao nhiêu quyền bính đều lọt vào tay Xít-ta-lin, tuy bấy giờ ông này, chính thức, mới chỉ là Tổng bí thư Trung ương đảng bộ. Chủ trương của Xít-ta-lin cố nhiên phải cùng thắng với ông. Đó là chủ trương xây dựng « xã hội chủ nghĩa trong một nước » trước đã, nghĩa là phải củng cố vị trí chủ nghĩa cọng-sản cho thật chắc chắn tại Liên-xô, trước khi phát triển chủ nghĩa ấy tại các nước khác, đối lập với chủ trương của Tờ-rốt-ky muốn gây « Cách mệnh thường trực trong khắp hoàn cầu ».

Bấy giờ, chính là thời kỳ phát động những kế hoạch năm năm, có mục đích 1°) trang bị cho nước Nga và phương diện kỹ nghệ hiện đang thua sút các nước khác rất nhiều; 2°) tập thể hóa kinh tế nông thôn.

Những năm sau, chương trình trên vẫn được xúc tiến đều, cho tới khi Hitler lên nắm chính quyền tại Đức thì chương trình lại lần lần ngả về kinh tế chiến tranh.

Vào tháng 12 năm 1936, Hiến pháp mà ngày nay hiện đương thi hành được biểu quyết và ban hành, cho mãi tới ngày 26 tháng 12 năm 1955 mới do Xô-viết tối cao Liên-xô (khóa thứ bốn) sửa đổi và bổ sung. Vậy nên bản Hiến-pháp hiện hành tại Liên-xô chính là bản Hiến-pháp năm 1936 trên đã sửa đổi và bổ sung ngày 26 tháng 12 năm 1955 vậy.

B.— Liên-xô và chủ nghĩa Mác-Lê-nin.

Tranh luận để coi Xít-ta-lin đã áp dụng chủ nghĩa Mác-Lê tại Liên-xô đúng đắn tới mức độ nào là một việc

lớn lao và phức tạp, chúng tôi không muốn đề cập trong phạm vi của thiên biên khảo này.

Tuy nhiên, trong vấn đề rộng rãi ấy, chúng tôi cũng xin dựa trên những văn kiện chính thức của Liên-xô mà thử đối chiếu hệ thống chính trị và hệ thống kinh tế của những xứ ấy với chủ nghĩa mác-xít chúng tôi đã trình bày trong những số báo trước đây, để quí độc giả có dịp coi giữa định chế và chủ thuyết của họ có những quan hệ và liên lạc thế nào.

Giai đoạn vô sản chuyên chính tại Liên-xô đã chấm dứt. Trước hết bởi tại xã hội Liên-xô không còn giai cấp nữa : giai đoạn chuyển tiếp từ tư bản chủ nghĩa tới xã hội chủ nghĩa đã vượt qua rồi. Sau nữa, bởi tại những chống đối của phe tư bản đã bị bẻ gẫy trong nội bộ và cả phe tư bản cũng đã bị tiêu trừ. Liên-xô là một « Nhà nước xã hội chủ nghĩa của công nhân và nông dân ». Tuy nhiên, đó chỉ mới là « giai đoạn hạ tầng » của chủ nghĩa Cộng-sản », và từ giai đoạn ấy bước sang « giai đoạn thượng tầng », con đường còn thấy quá xa. Thật vậy, ta có thể nói mà không sợ cải chính rằng cái lược đồ kinh quá mác xít từ « giai đoạn hạ tầng » bước « sang giai đoạn thượng tầng » còn bị kéo dài ra mãi và như bị biến dạng đi bởi hai lý do đặc biệt sau đây :

1°) Cuộc cách mệnh Cộng-sản thứ nhất đã xảy ra tại một nước vốn còn đang ở trong thời kỳ rất lạc hậu về phương diện kỹ thuật, là nước Nga, hồi năm 1917. Bởi vậy, điều cần thiết cho nước Nga khi ấy, cũng như bây giờ, là phải xuất toàn lực ra để trang bị cho nước được cường thịnh về mặt kỹ nghệ và canh nông, điều mà trong tư tưởng của Mác, có thể tránh được, nếu cuộc cách mệnh xảy ra tại một nước đã được kỹ nghệ hóa tới một mức cao. Xít-ta-lin đã biết đáp lại nhu yếu ấy, khi ông đặt những kế hoạch năm năm. Song những kế hoạch ấy muốn hoàn thành, tự nhiên cần phải duy trì một bộ máy Nhà nước vĩ đại để đôn đốc và kiểm sát, mà duy trì một bộ máy Nhà nước như vậy thì chính lại là đi ngược với chủ trương làm « suy yếu Nhà nước » của chủ nghĩa Mác-Lê mất rồi.

2°) Liên-xô hiện đang chọn con đường « chủ nghĩa xã hội trong một nước trước đã » của Xít-ta-lin, chống lại với con đường của Tờ-rốt-ky.

Như vậy thì tất nhiên Liên-xô phải lo đến việc nuôi sống dân trong một hoàn cảnh quốc tế gồm những nước tư bản chủ nghĩa bao giờ cũng là thù địch của mình tự căn bản. Liên-xô còn phải trù liệu, chẳng những từ trước mà nhất là ngày nay, một bộ máy quân sự khổng lồ. Tất cả những điều này đều chống đối lại chủ trương làm « suy yếu Nhà nước » cả. Ta cũng không nên quên chủ trương thiết lập « chủ nghĩa xã hội trong một nước trước đã » chỉ là một chủ trương có tính cách chiến lược, có nghĩa là trước hết phải gây dựng cho thật vững chắc chủ nghĩa xã hội tại Liên-xô, nhiên hậu sẽ đem áp dụng một ngày kia tại khắp các nước trong hoàn cầu.

HOÀNG-MINH-TUYNH
biên khảo

Kỳ sau : **Hiến-pháp 1936**

HẢI-THƯỢNG LÃN-ÔNG

LÊ-HỮU-TRÁC

DƯƠNG-TUYỀN dã phu PHAN-VỌNG-HÚC

ÔNG Lê-Hữu-Trác (1725-1792) hiệu là Hải-Thượng Lãn-Ông, tự là Chân-Như, là người ở thôn Văn, làng Liêu-Xá, huyện Đường-Hào (nay là Mỹ-hào) tỉnh Hưng-Yên (xưa thuộc tỉnh Hải-Dương).

Ông là con trai thứ 9 cụ Lê-Hữu-Mưu, hiệu Phác-Trai, tự là Thụy Đôn-Nhã, đỗ Tiến sĩ khoa Canh-tuất đời Lê-Vĩnh-Thịnh thứ 6, nhà Hậu Lê, bà thân mẫu là Bùi-Thị-Thưởng, hiệu Diệu-Huệ là thứ thất cụ Mưu.

Ông tổ nhị đại là con trai thứ 9 cụ Hoàng-Giáp Lê-Hữu-Danh.

Vốn thông minh từ nhỏ, ông Hải-Thượng Lãn-Ông thi đỗ Tam-trường khoa Quí-Hợi, tài văn chương lừng lẫy khắp nơi. Thời đó trong nước gặp cảnh đại biến, chúa Trịnh uy hiếp Vua Lê, Thiện hành phế lập Hoàng tử Lê-Duy-Mật và các quan đại thần trốn vào Thanh-hóa mưu sự diệt Trịnh phù Lê. Ở Sơn-tây có Tổng đốc Nguyễn-Mại, ở Hải-dương có các thổ hào : Nguyễn-Cừ, Nguyễn-Tuyền, Nguyễn-Hữu-Cầu, ở Hưng-yên có Hoàng-Công-Chất đều trưng binh nổi lên đánh lại Chúa Trịnh. Ở phía Nam có họ Nguyễn giữ giải Hoành sơn, thế lực đã hùng cường, thỉnh thoảng lại mang quân ra cướp phá vùng Thanh-Hóa, Ninh-Bình.

Ở phía đông bắc còn con cháu họ Mạc ở Cao-Bằng cũng muốn khôi phục lại nghiệp cũ. Nhân dân khắp nơi chịu cảnh chiến tranh, lại thêm vào các thiên

tai khác như : lụt lội, tật dịch, năm 1741 đê Văn-Giang thuộc tỉnh Hưng-Yên vỡ 18 năm liền, nhân dân nhiều vùng chết đói gần hết. Đại khái thời cuộc như vậy, Hải-Thượng Lãn-Ông sinh vào buổi đại biến, trông thấy nỗi thống khổ tật bịnh của nhân dân muốn ra giúp nước cứu dân nên đã ra làm quan võ. Nhưng sau ông phải về phụng dưỡng mẹ già tại quê ngoại ở làng Tĩnh-Diệm, huyện Hương-Sơn, tỉnh Nghệ-An. Ở đó Ông có theo học thuốc của một vị danh y là Trần-Độc, và Ông đem hết thì giờ nghiên cứu y học. Nhân thấy cuộc đời đang biến đổi trong cảnh tranh giành quyền tước, ông rũ hết tư tưởng vinh hoa, danh lợi lui về chốn thảo lư, phụng dưỡng mẹ già và chuyên làm thuốc cứu người. Bà mẹ Ông mất năm 1760, ông ở luôn quê ngoại làm thuốc, và mở trường dạy về y lý. Ông có soạn bộ sách thuốc nổi danh là bộ Hải-Thượng Y-Tông Tâm-Lĩnh gồm có những cuốn kể sau đây, và hiện bộ sách này còn lưu trữ tại Trường Viễn-Đông Bác-Cổ.

HẢI-THƯỢNG Y-TÔNG TÂM-LĨNH
gồm có :

— *Y-Nghiệp thần-chương* : Sách kê khai các chương mục.

— *Nội-Kinh yếu chỉ* : Sách y học toát yếu của Trung-Hoa.

— *Y-gia quan-miện* : Sách nguyên tắc về y học.

— *Y-hải cầu nguyên* : Sách bàn về y-lý.

— *Huyền-tẫn phát vi* : Sách bàn về bí mật của vũ trụ.

— *Khôn-hóa thất-chân* : Sách bàn về cách chữa tỉ, vị.

— *Đạo-lưu dư-vận* : Sách nói về sự suy nghĩ về y học.

— *Vận-khí bí-điển* : Sách nói về sự điều động của ngũ hành.

— *Dược-phẩm vựng yếu* : Sách kê khai, phân loại các vị thuốc.

— *Lĩnh-Nam bản thảo* : Sách các vị thuốc miền Lĩnh-Nam.

— *Ngoại cảm thống trị* : Cách trị bệnh ngoại cảm.

— *Bách bệnh cơ yếu* : toát yếu về việc trị các bịnh.

— *Y trung quan kiện* : cái thìa khóa của y học.

— *Phụ đạo sản nhiên* : chữa các bệnh phụ nữ.

— *Tọa thảo lương mô* : môn thuốc về đàn bà khi sinh đẻ.

— *Ấu ấu tu tri* : thuốc về nhi đồng.

— *Mộng trung giác đậu* : Môn thuốc trị bịnh lên đậu.

— *Ma chân chuân thằng* : Môn thuốc trị bịnh lên sởi.

— *Tâm đắc thần phương* : sách kê khai các vị thuốc và cách dùng.

— *Hiệu phỏng tân phương* : Sách thuốc quý dùng trong gia đình.

— *Bách gia trân tàng* : Kho thuốc quý của các lương y.

— *Hành giản trân nhu* : sách dạy trị bịnh giản dị bằng thuốc Nam.

— *Y phương nhật quyền* : Sách kê tên thuốc và cách dùng.

— *Dương án quyển* : Sách kê những bịnh mà Lãn-Ông đã chữa khỏi.

— *Ẩn án quyển* : Sách kê những bịnh mà Lãn-Ông chữa không khỏi.

— *Châu ngọc cách ngôn* : Sách ghi những ý nghĩ của Lãn-Ông.

— *Thượng kinh ký sự* : Sách ghi việc vào Kinh chữa bịnh.

Bộ sách thuốc này đã được Vua Tự Đức (1847-1888) ban chiếu chỉ cho đem giảng dạy các điều-hộ học tập ở trường học thuốc, lập tại chùa Đại-Tráng, cạnh tỉnh lỵ Bắc-Ninh. Ngoại trừ một vài thiên ngắn trong bộ Hải-Thượng Y-Tông Tâm-Lĩnh đã được các nhà nghiên cứu dịch ra Pháp hoặc Việt văn, mới chỉ có tập *Thượng-Kinh Ký-sự* là được ông Đồ-Nam-Tử Nguyễn-Trọng-Thuật dịch ra tiếng Việt và đã được đăng ở báo Nam-Phong số 69 và 70 năm 1923. Ngoài ra Giáo-Sư Huard cùng ông Durand có viết cuốn *Lãn-Ông et la médecine Sino-Vietnamienne* đăng trong tập kỷ yếu của Hội Nghiên-Cứu Đông-Dương năm 1953.

Không những là một danh y Hải-Thượng Lãn-Ông còn là một danh-sĩ. Ông đã viết tập thơ *Y-nhàn phú chí*, gồm nhiều bài thơ hay mà một số sẽ trích đăng dưới đây.

Khi ông làm thuốc nổi danh, vua Lê chúa Trịnh, cho vời Ông vào Kinh-đô để chữa bịnh cho Thế-Tử và có ý bảo ông giúp việc chính sự tại triều. Sau khi ông chữa khỏi, vua Lê chúa Trịnh ban cho Ông mũ áo, quan tước, nhưng Ông không nhận cáo từ ra về.

Sau đây là mấy bài thơ hay của Ông.

QUÁ THIÊN NHẬN SƠN DẠ HÀNH

Phù không nhất sắc bạch man man
Bạch phát vân căn bất biện nhan
Thụ ảnh tà phân, tri lộ kính,
Yên sam cao quyền, nhận sơn loan
Thành biên lân hỏa tri sương lãnh ;
Vụ lý quyên thanh khởi dạ hàn !
Thử tịch tân cầu vong sở khổ,
Tế nhân chi cấp nhiệm gian nan...

Dịch nôm của Dương-Tuyền Dã-Phu Phan-Vọng-Húc

Đêm, qua núi Thiên-Nhận.

Một màu trắng xóa ngất lưng trời,
Mặt đá chân mây chẳng rõ mười.
Mây tan đỉnh núi trông lồ lộ,
Khói tỏa sườn cây bóng tả tơi.
Khắc khoải đêm sương chim quốc gọi,
Lập loè thành cổ lửa ma chơi.
Đêm nay vất vả nào chi quản,
Bệnh gấp thời ta phải cứu người...

AN BẦN

Bất can vinh nhục sự,
Bảo đạo nhập cùng lâm,
Trái những nan sa tửu,
Nhàn cư cách cổ cầm.
Hoạt nhân ưng tích thiện,
Kế lợi khởi sơ tâm !
Lạc tại an bần sứ,
Hà cầu nhất phạm câm.

Dịch nôm của Dương-Tuyền Dã-Phu Phan-Vọng-Húc

YÊN CẢNH NGHÈO

Sá chi vinh nhục việc đời,
Đem thân Đạo-nghĩa vào nơi lâm tuyền.
Khi vui sẽ đạo cung đàn,

Rượu không mua chịu khỏi mang tiếng đời.

Lòng lành gọi chút thương người,
Sơ tâm nào phải mưu lời chi đâu!
Biết vui nghèo cũng như giàu,
Nghìn vàng bữa ấy có cầu chi ai.

Trong sách Thượng-kinh Ký-sự của Lãn Ông có chép: Ngày 29 tháng 11 năm Cảnh-hưng thứ 42, ông nhận được thư của quan Trấn - Thủ đất Nghệ - an, vâng chiếu nhà Vua vời Ông lại Kinh đô để phụng ngự dược và chữa cho Thế-tử của Vương-Phủ. Trong thư dặn phải cấp hành và theo thủy đạo mà đi, ông miễn cưỡng khởi hành, trong khi đi thuyền Ông có vịnh mấy bài thơ:

VỊNH CẢNH ĐƯƠNG ĐI

Lưu thủy hà thái cấp,
Hành nhân ý dục trì.
Quan san phân ngạn tầu,
Nhất trạo bích yên phi.
Sa nhạn thân như tống,
Du ngư cấp dục truy.
Vân gian Hương-lãnh thụ,
Thái bán dĩ trầm huy...

Dịch nôm của Dương-Tuyền Dã-Phu Phan-Vọng-Húc

Nước kia sao chảy vội vàng,
Người đi ý những muốn rằng thong dong.

Rặt lùi rặng núi bên sông,
Mái chèo thoăn thoắt trong vòng khói mây.

Tiễn đưa nhạn lượn đó, đây,
Theo thuyền cá cũng dương vây vẫy vùng...

Hương-Sơn mây núi mịt mùng,
Tà-dương thoắt đã nửa vòng ngậm gương.

VỊNH CHIỀU HÔM Ở THUYỀN HOÀI CẢM

Nhất giang yên thủy tĩnh,
Khách tứ mãn quan hà.
Phong trọng khinh phàm cấp,
Sương thâm khứ nhạn sa.
Hàn-sơn lai dạ khánh,
Viễn-phố xuất ngư ca...
Kim tịch do như thử,
Minh chiêu khả nại hà.

Dịch nôm của Dương-Tuyền Dã-Phu Phan-Vọng-Húc

Mặt dòng khói nước yên vui,
Quan hà dạ khách ngùi ngùi đầy vơi.
Gió đưa, buồm chạy như thoi,
Sương buông, chim nhạn tự nơi xa về.
Hàn san tiếng khánh canh khuya,
Tiếng ngư viễn phố như chia nỗi lòng
Chiều nay như thế là xong
Sớm mai có biết ở trong cảnh này!

CẢM HOÀI THÂN THỂ

Độn thế tùng y dưỡng nhất chân,
Bất tri vi phú, khởi tri bần.
Lâm tuyền dục liễu tam sinh đạo,
Luân bột nan từ vạn lý thân.
Bán đởm quan hà lao dịch mã,
Mãn sơn viên hạc tống chinh nhân.
Ủng danh tự chủy vô tha bí,
Hoàng khủng sơ cuồng đối thánh quân.

Dịch nôm của Dương-Tuyền Dã-Phu Phan-Vọng-Húc

Lánh đời, nghề thuốc đã theo,
Phải đâu ở chỗ giàu, nghèo, quan tâm.
Ba-sinh muốn gửi tuyền lâm,
Tấm thân muôn đặm Vương ân khôn từ.
Yên-hà nửa gánh ngựa thồ,
Trong non, vượn, hạc, đợi chờ tiễn, đưa.
Nghĩ mình học thiển, tài sơ,
Lo sao cho kịp đạo thờ Thánh-quân.

Ngày 12 tháng 10 năm Cảnh-Hưng thứ 43, Ông được phép của Chúa Trịnh trở về quê. Sáng sớm, Ông ra khỏi cửa thành theo đường thủy thuê thuyền đi, chứ không đi đường bộ như đã cáo biệt cùng các quan. Ngồi trên thuyền Ông tự nghĩ mình như chim đã thoát khỏi lồng, có làm thơ rằng:

Bái biệt long lâu cửu bệ hàn,
Mang hề cầm, kiếm, xuất đô quan.
Mã am cựu lộ hành trình dị,
Chu khứ trung lưu phản trạo nan.
Vân nhược đa tình lai khước thử,
Sơn như hữu ý vị khai nhan.
Tây biên vận trục giai xương thúy,
Duy hữu xong phan, tư ngã phan.

Dịch nôm của Dương-Tuyền Dã-Phu Phan-Vọng-Húc

Khấu đầu tạ trước bệ rồng
Tấc lòng luống những lạnh lùng bâng khuâng.
Gươm đàn thẳng ruổi bến đông,
Đô quan vừa thoát, thẳng dong dặm trường.
Lối xưa, ngựa đã quen đường,
Thuyền xuôi, hồ dễ ngược dòng nữa sao.
Ngẩm mây, mây lắm tình yêu,
Trông non, non sẵn như chiều đón ai.
Xa trông Hồng-Lĩnh phương đoài,
Xong phong kia hẳn ấy nơi quê nhà.

Hải-Thượng Lãn-Ông ở làng Tĩnh-Diệm cho tới lúc chết, nơi này rất đông con cháu ông ở, có nhiều người thi đỗ cao. Cho đến năm 1950, hãy còn có một ông cử nhân nho học là con cháu Lãn-Ông.

Dương-Tuyền Dã-Phu
PHAN-VỌNG-HÚC

Danh ngôn, danh lý

NHỮNG ĐỨC TÍNH CỦA THỦ LÃNH

TIN TƯỞNG Ở SỨ MỆNH

✶ Người thủ lãnh không tin tưởng ở sứ mệnh mình thì không bao giờ được thỏa mãn và chính tự mình đón lấy thất bại.

✶ Người thủ lãnh khi chủ trương chiến bại là đã bị đánh bại rồi.

CÁC LOẠI

NHẠC VIỆT-NAM (1)

TRẦN-VĂN-KHÊ

CHỊU ảnh hưởng hai lối nhạc Trung-hoa và Chàm, nhạc Việt-Nam, trải qua bao nhiêu thế kỷ, đã lần lần phát hiện được cá tánh. Ngày nay, tuy người ngoại quốc còn lầm nhạc Việt-Nam với nhạc Trung-hoa, người Việt, dầu không phải là nhạc sĩ, cũng phân biệt được nhạc Việt với nhạc Trung-hoa.

Nhạc Việt-Nam ngày nay, có quá nghèo nàn, so với nhạc ngoại quốc thì không thấm vào đâu như các bạn trẻ thường chê, hoặc có phong phú đến nỗi ta có thể dựa vào đó mà tự phụ như vài nghệ nhân trong giới cổ nhạc thường bảo chăng ? Theo thiển kiến của chúng tôi, thì hai thái độ đó đều không căn cứ vào thực tế. Bỏ qua tự ti mặc cảm và lòng tự hào, nhìn lại một cách khách quan, chúng ta thấy rằng, nhạc Việt tuy kém về lượng, tuy thiếu sâu sắc về mặt hòa âm, nhưng giàu về phẩm ; nhạc khúc uyển chuyển và tế nhị, tiết tấu phong phú và tinh vi. Nhạc Việt cũng có một lịch sử, một truyền thống, cũng lắm cung nhiều điệu. Xin mời các bạn cùng chúng tôi vào vườn Việt nhạc để ngắm vài thứ hoa thơm cỏ lạ. Chúng tôi không đề cập đến lịch sử âm nhạc, sự biến chuyển của mỗi điệu, mỗi loại theo thời gian và không gian, những đặc điểm trong âm giai, cung điệu, tiết điệu, mà chỉ nêu ra những điều cần biết trong mỗi loại, để các bạn có một cái nhìn tổng quát, bao trùm các lối nhạc Việt-Nam. Lần lượt chúng ta sẽ xem qua — và chỉ xem qua mà không đi sâu vào mỗi loại — các lối dân ca : hò, hát hội, hát chèo, ngang qua các lối nhạc mà ngày xưa ta gọi là « quan nhạc » : hát ả đào, ca Huế, đờn tài tử, hát tuồng và âm nhạc trong Cung điện, đến âm nhạc mới mà ta thường gọi là « âm nhạc cải cách »:

(1) Xin xem bài mở đầu : « *Âm-nhạc Việt-nam* » đăng ở số đặc biệt kỷ niệm đệ nhất chu niên (số 25 - 26).

A.— VÀI LOẠI DÂN CA

Dân ca là gì ?

Câu hát ru em, câu hò máy đầy, bài trống quân, quan họ hát buổi trăng rằm, bài hát xẩm hay mấy điệu chèo do anh mù hay đào kép một phường chèo hát lên giữa sân chợ, bài hát mộc mạc của trẻ em như « Cùm nụm cùm nịu » trong Nam hay « Chi chi, chành chành » miền bắc, đều là những bài dân ca. *Dân ca là những bài hát truyền khẩu phát sinh tự trong dân chúng, được truyền tụng và phổ biến trong dân chúng.*

Dân ca có những đặc tính gì ?

1.— Dân ca phần nhiều là những bài hát giản dị, hát không cần đàn phụ họa, hay là chỉ cần đôi ba nhạc khí cũng đủ, không phải như trong các lối quan nhạc (ngũ tuyệt, bát âm) phải có 5 cây 8 thứ, hay nhiều hơn nữa trong các giàn nhạc triều đình ngày xưa. Dân ca thuộc về loại « thanh nhạc » (musique vocale) chớ không phải về « khí nhạc » (musique instrumentale).

2.— Dân ca đi đôi với cuộc sống hằng ngày, thành ra tiếng hát thường đi đôi với công việc làm hay mùa màng trong thôn dã. Câu hát ru em hòa với tiếng võng kẽo kẹt bên chái nhà. Câu hò mái đẩy nhịp nhàng với mái chèo lướt trên mặt nước. Người ta hát trống quân, quan họ trong lúc được mùa, hay những đêm trăng, trong các hội hè hay buổi cưới xin, những dịp đặc biệt trong đời sống nông dân.

3.— Dân ca không phải loại nhạc « nghệ thuật vị nghệ thuật », một môn giải trí suông cho người nhạc sĩ, như loại ca Huế hay nhạc tài tử. Cũng không phải một loại lễ nhạc dùng vào các cuộc tế lễ như các lối nhạc trong triều đình. Dân ca cốt đem một ít tươi vui vào đời sống đầu tắt mặt tối của giai cấp cần lao.

4.— Không ai biết tên người nào đã sáng tác dân ca. Không những ở nước ta mà ngay ở khắp nơi trên thế giới, những bài dân ca được truyền tụng đều do những nhạc sĩ vô danh sáng tác.

5.— Hầu hết các bài dân ca đều là những bản tình ca, nói lên tất cả tình tiết của người lao công.

Là những tình ca giản dị do các nhạc sĩ vô danh sáng tác, dân ca đi đôi với cuộc sống hằng ngày cởi bớt mệt nhọc và thêm phần thú vị cho đời sống cần lao.

HÒ

Đêm khuya thanh vắng, trên những sông dài, hay suốt ngày oi ả trong ruộng sâu đầy nước, anh chèo thuyền hay chị công cấy, để quên mệt nhọc, để cởi mở lòng, cất lên những câu hò bát ngát chơi vơi. Một người khác hay cả đoàn họa lại.

Về hò do một người cất lên gọi là « kể », về hò do toàn thể hưởng ứng gọi là « xô ». Trong mấy tỉnh ở hậu giang, nhằm mùa cấy thường có nhiều cuộc hò đối đáp. Bên trai bắt đầu :

Hò ơ... Tôi là người đạo kiếng lê viện,
Đến đây gặp gái thuyền quyên rủ hò ơ...

Lúc bắt đầu hò ơ... cả đoàn công cấy nam nữ đều tiếp hơi. Khi một anh hát xong về kể, thì cả bên gái hát về xô :

Hò xự xang hò xang xê cống
Là cống xê xang là xang xê hò
Là hò xự xang...

Bên gái có người ra trả lời :

Hò ơ... Nước sâu sóng bủa láng cò
Thương anh vì bởi câu hò có duyên ơ...

Đến lượt bên trai hát câu xô. Có khi là câu vừa nói trên, nhưng cũng có khi câu khác :

Hò hố khoan trống bảy ban
Hò xang xê xự xang xê hò
Là xự xê xang...

Hò là một loại hát đi đôi với việc làm. Vì thế mà nét nhạc và tiết tấu của về kể hay về xô đều tùy tính chất hoặc hoàn cảnh của động tác mà thay đổi. Công việc cấy lúa không nặng nề, phong cảnh bên ngoài lại mênh mông, câu kể, câu xô không thúc giục. Tiết tấu câu kể, khi mau khi chậm, nhạc khúc câu kể khi bổng khi trầm tùy từng người và từng câu. Nhưng câu xô thường có một nhạc khúc và một tiết tấu nhứt định.

Hò mái đẩy hay hò mái nhì miền Trung vang lên trên con sông Hương nước chảy lờ đờ cũng thế. Tiếng máy chèo nhè nhẹ, cơn gió thoảng hiu hiu, thuyền lướt êm êm làm cho người lái đò không nghĩ đến tiết tấu mà cốt làm cho nhạc khúc uyển chuyển, để nói được tiếng lòng vang lên trong đêm vắng, phớt trên mặt sông dài.

Trước bến à ơ... à ơ à à ơ...
À ơ Văn lâu chiều ơ... ơ (à ơ chiều)
Chiều chiều trước bến Văn lâu
ai ngồi ai câu
ai sầu ai thảm
ai thương ai cảm
ai nhớ ai trông
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Đưa câu (à rồi, á ơ á ơ) mái đẩy động tấm lòng

Rồi thì người hát câu xô trời tiếng :

Hơ... ơ a á ơ...
A non nước lơ non à ờ à a ơi hự
Bao nhiêu câu hò là bao nhiêu bài tình ca.
Thùng bèng cắc
Con chim ngoắt
Con cá trừng
Cắc thùng bèng
Con chim về biển bắc
Con cá về biển Đông
Hò ơ... Đó vợ đây chồng...
Chắc chi đó vợ đây chồng,
Khóc than cho lắm ướt cái khăn vuông hồng năm canh.

Anh lái đò ngang miền Bắc thấy cô ả xinh xinh cũng cất tiếng hát :

Đôi ta lên thác xuống gành, ối nường nường ôi
Nàng thời bẻ lái cho anh chịu sào ối nường nường ôi

Cô ả thẹn, đôi má ửng hồng, anh lái đò hát tiếp :

Em khoe em có má đào ối nường nường ôi
Để anh kết nghĩa tương giao làm chồng ối nường nường ôi !

Anh chèo đò miền Nam giữa đêm khuya thanh vắng một mình để đỡ trơ trọi, anh hát lên một câu chọc ghẹo hơi trắng trợn những ai chiếu ấm chăn êm :

Hò ơ... a a Gió đưa a... con buồn ngủ ơ lên ơ bờ
À ơ mùng ai có rộng ờ... cho tôi ngủ nhờ một đêm a ơ. Hò ơ khoan...

Nhưng công việc nào đâu cũng nhẹ nhàng như đẩy mái chèo trên sông rộng. Những người phu kéo gỗ, đốn tre, đập đá không thể vừa làm việc vừa ngâm nga. Các cử động của toàn thể có khi phải cùng một nhịp như lúc kéo gỗ chẳng hạn. Câu kể câu xô vì thế mà chen nhau, thúc giục.

Các anh đốn tre hát :

Bắt cái... bắt cái là dô ta
Chém cây tre, ngã cây gỗ dô ta

Những người nện đất hay đập đá vùng Quảng-ngãi hát bài Hò nền hay Hò hụi :

Hụ là khoan là hụ là khoan
A la khoan hò khoan là hụ là khoan
Tìm... em Hù là khoan
Như thể tìm chim Hù là khoan
Chim ăn bể Bắc là hù là khoan
Anh tìm bể Đông Bớ hò bớ hụi
Bớ... hụi hát hụi hò khoan
Hù là khoan là hù là khoan
A la khoan hò khoan là hù là khoan

Cũng như trong bài trên, câu kể câu xô cùng một nhịp điệu trong lối hò giã gạo miền Trung :

Câu mở đầu :

« *Hò ơ khoan mời bạn khoan thì hò khoan* »

Câu xô :

« *Hò ơ ơ ơ...* »

Câu kể :

« *Chàng ơi ! tỏ nguyền với chàng*
Tóc đầu bạc mấy lời nguyền em nào có bạc
Núi kia dầu lạc (thì) em không dám phai lạt chữ tình (là hỡi tình)...

Nhịp điệu của một câu hò tùy công việc mà thay đổi. Hò giã vôi chia ra làm 3 đoạn mà đoạn giữa thì tiết tấu chậm đi vì lúc đó vôi bắt đầu quánh. Nhịp điệu của hò đua ghe thì mỗi lúc một nhặt như nhịp chèo.

Hò là một loại nhạc bình dân rất phong phú.

Nét nhạc và nhịp điệu câu xô thường được qui định rõ rệt để cả đoàn có thể cùng hò.

Nét nhạc câu kể tùy câu hò và người hò. Nhịp điệu câu kể thì tùy tính chất của công việc và hoàn cảnh bên ngoài.

Về văn chương thì câu hò thường là những câu văn biền ngẫu, những câu lục bát hay lục bát biến thể.

Nội dung bao giờ cũng diễn tả được mối tình thắm thía dịu dàng.

Trừ ra vài lối như hò chèo ghe trong Nam hay hò mái đẩy miền Trung, cớ một hai người cũng hò được, hầu hết các lối hò khác đều có tánh cách tập thể. Một người hát lên câu kể, nhiều người hưởng ứng bằng câu xô.

Hò cũng có tánh cách địa phương. Miền Bắc có hò dứt chỉ, hò giã vôi, hò kéo gỗ, miền Trung có hò mái nhì, hò mái đẩy, hò giã gạo, hò nền, miền

Nam có hò cấy và hò đưa linh. Ngay như trong lối hò cấy mà vùng Tiền-giang đã khác Hậu-giang, Cần-thơ khác Bạc-liêu.

Hò là một loại hát giúp cho lao công đỡ nhọc nhằn, làm việc thêm phấn khởi và đôi khi các bạn lao công nam nữ, nhờ câu hò mà cởi mở được lòng, hay ngỏ ý trao lời để đi đến cuộc hôn nhân.

Ba-lê, hè 1958
TRẦN-VĂN-KHÊ

VÀI TÀI LIỆU THAM KHAO

Tử-Phác: *Dân ca và xã hội.*— Tập San âm nhạc Tháng 10, 11 năm 1956 và tháng giêng 1957.

Nguyễn-Xuân-Khoát: *Hò.*— Tập San âm nhạc tháng 10, 11 năm 1956 tr. 11... 14

Thuần-Phong: *Các bài về câu hò miền Nam* trong Tạp chí « Bách-khoa » các số 7, 9, 10 và 13, những ngày: 15-4, 15-5, 1-6 và 15-7-1957

Phạm-Duy: *Hò máy đầy.*— Nhà xuất bản Đón gió 1953

G. Cordier: *Essai sur la littérature annamite* La chanson La revue indochinoise Janv. Fév. 1920 tr. 85-102.

G. Knosp: *Les chants d'amour dans la musique orientale* Bulletin français de la Société internationale de musique. IVè année N° 7 15-7-1908 tr. 768-791

Vài đĩa hát.

Dĩa hát số AMS 8, mặt thứ nhứt số 23036 của Đài phát thanh Pháp, bài thứ nhì

Hò giã gạo miền Trung

Hai người hò có đàn cò (nhị) đàn kìm (nguyệt) và sanh nhịp theo.

Dĩa hát Béka số 20324-1 và 20324-2

Hò mái nhì miền Trung

Hai người hò có đàn cò (nhị) và ống sáo phụ họa

Dĩa hát Le Chant du Monde số L.D.Y. 4046 mặt thứ nhất số YEL 635-45

Bài thứ nhất *Hò lơ* giọng đàn bà độc xướng và hợp xướng

Bài thứ tư *Hò nện* hay *Hò hụi* Giọng đàn ông Độc xướng và hợp xướng.

★ Người thủ lãnh không tin tưởng vào chính nghĩa mình phục vụ là người thủ lãnh không xứng đáng. Tuy nhiên, tin tưởng không, chưa đủ, người thủ lãnh còn phải làm cho kẻ khác chia xẻ mối tin tưởng với mình nữa. Người thủ lãnh phải làm sao cho mỗi kẻ mình có sứ mệnh điều khiển, hiểu biết trách nhiệm của họ trong công cuộc chung.

HAI CÁI HỐ

ĐOÀN-THÊM

L.T.S. *Tác-giả có nghe được những câu chuyện về một số vấn đề xã-hội đã khiến nhiều bạn thắc mắc.*

Bởi vậy tác-giả thuật lại sau đây một cách khách quan. Còn giải pháp, thì xin để tùy bạn đọc.

A — Theo anh, thì những hố đó có lấp được không ?

B — Hố nào mà không lấp được, miễn là nhận rõ và chịu tốn công.

Những hố vừa được nhắc tới, là hố giữa hai thế hệ trẻ già, và hố giữa hai hạng người Việt-Nam, hạng sống ở thành thị và hạng ở hương thôn.

★

A.— *Hố thứ nhất, giữa hai thế hệ,* thấy đào ra, ít lâu sau khi người Pháp đã đặt vững chân lên đất nước này, tự đầu thế kỷ, và càng lâu càng thấy đào sâu hơn.

Xin anh lưu ý : nói là « *thấy đào* » chớ không biết, hay chưa biết là ai đào.

Một bên là những người già, hay đã đứng tuổi, và muốn mọi người sống theo lối cổ như ông cha thời trước, từ cách ăn, ở, mặc, ngôn ngữ, cử chỉ đến lễ nghi, doanh nghiệp v.v..

Lại cũng xin chú ý : « *sống và muốn mọi người sống...* » chớ không chắc đã phải là vì có tư tưởng theo văn hóa cổ. Xin anh xét.

Một bên kia, là những thanh niên nam nữ, học chữ Pháp, thấy đường lối kể trên bó buộc quá, không hợp thời, và đôi khi không hợp lý. Hố càng sâu, khi tân học càng phổ biến.

Nhưng chỉ mới là ghi nhận, chớ chưa giải thích về nguyên do. Thấy rằng : *hễ chữ Pháp phổ biến rộng thì hố sâu hơn*, chớ không có ý bảo rằng sự học chữ Pháp là nguyên do, cũng không quả quyết tại Thực dân nó cố ý gieo họa. Đặt cho thiệt rõ vấn đề, thì mới xét và giải quyết được... Anh nhớ kỹ mấy tiếng « *không hợp thời* ». Cần lắm. Vì sẽ phải xét xem không hợp thời đã quả là xấu chưa ? — Và hai tiếng « *đôi khi* » : (không hợp lý) vì chưa chắc là lúc nào phái trẻ cũng đứng trên lập trường lý trí để công kích phái già. Cũng xin liệu xét sau.

A — Hố đó đã gây ra những tai hại gì ?

B — Dĩ nhiên là có tai hại, có nhiều áp bức trở ngại tiến hóa, là nguyên nhân của nhiều sự bất hòa, xung đột giữa cha con anh em. Người già cấm đoán nhiều, ngay từ... sự cạo răng trắng, mặc quần trắng của phụ nữ, sự nuôi con theo phương pháp khoa học, đến sự tự do kết hôn, sự chọn nghề nghiệp theo nguyện vọng riêng..., sự tái giá của đàn bà góa v.v...

A — Những sự đó, ai cũng biết. Nhưng ngay từ trước hồi Đại-chiến thứ hai, đã hết hay bớt nhiều lắm và ngày nay hầu như không thấy nữa. Phái người già thua rồi. Vậy thì ích chi mà nói tới nữa ?

B — Tôi biết ngay anh sẽ hỏi câu đó. Cũng như nhiều anh khác. Nhưng chính vì thế, tôi đã trở lại vấn đề *mà anh yên trí là giải quyết rồi*. Anh bảo già đã thua, trẻ đã thắng ? Chúng ta sẽ xét kỹ xem chắc là ai đã thua, hay hai bên cùng thua cả ? Mà nếu trẻ thắng, thì sự thắng đó đã đưa tới đâu ? Đưa tới Thiên-đường hay tới... Cộng-sản ? Vì anh quá yên trí, cho nên tôi đã lo. Anh bằng lòng nhận đặt lại vấn đề với hết cả các trạng thái của nó (avec toutes ses données), với tất cả óc khoa học mà anh đã luyện được, thì chúng ta mới bàn.

A — Được. cũng không phải là vô ích.

B — Khi những sự kể trên xảy ra, thì chỉ có bốn trường hợp theo sau : một là thanh niên ngoan ngoãn chịu đựng, ép theo người hơn tuổi ; hai là ngang tàng cưỡng lại và đi ngược ; ba là ức quá nhưng không dám chống lại, đâm đầu xuống hồ Trúc-bạch hoặc uống thuốc ngủ tự tử ; bốn là không cưỡng không theo, nhưng lặng thinh lảng tránh để đợi dịp khác ; nếu những hạng trên đáng thương hay đáng trách, xin tùy anh.

Tôi e nhất hạng thứ tư, vì nguy hiểm nhất (cho ai ? cho người già ? cho chế độ gia đình cũ ? cho xã hội Việt-Nam ? cho Quốc gia ? sẽ xét sau).

A — Như vậy, thì theo anh, người già đã thắng ?

B — Chưa. Tôi mới kể qua tai hại để trả lời câu trước. Bây giờ đến câu vừa hỏi : có những triệu chứng, — tôi nói « *triệu chứng* » chớ không nói là bằng chứng —, rằng phái trẻ thắng : ăn, ở mặc, chơi, lấy vợ lấy chồng, nuôi con dạy con, lập nghiệp, v. v... nhiều người đã được tùy theo ý muốn, không khí gia đình hình như nhẹ nhàng hơn ngay từ sau hồi Kinh tế khủng hoảng (1929-1934). Nhiều giới thanh niên khao khát một sự đổi mới quá, đến nỗi khi nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn

ra đời, phải nhận là họ được hoan nghênh, phong trào đời sống mới mà họ chủ trương, những tiểu thuyết đả kích gia đình cổ một cách khéo léo, những vần thơ mới mà họ tung ra với nhiều tình cảm và mơ mộng : tất cả các thứ đó đã hợp với tâm hồn một số đông thanh niên tài hoa son trẻ đương mong vượt bức tường cổ kính của gia đình xã-hội để tìm một luồng không khí phóng khoáng hơn.

A — Như vậy, họ đã gây được một thứ phong trào giải phóng ?

B — Chưa chắc. Đối với mọi trào lưu xã-hội, cần xem là nguyên nhân, hay thực ra là kết quả của thời đại. Tạo thời thế thì cũng có một số ít trường hợp đặc biệt trong lịch sử mà thôi. Chúng ta rất nên dè dặt. Ở đây, tôi chỉ muốn tỏ rằng lòng người lúc bấy giờ như vậy. Và căn cứ vào bề ngoài, thì hình như trẻ đã thắng già, tuy chưa chắc.

A — Cùng với số đông anh em, tôi cho là già thua.

B — Tùy anh. Nhưng đây : các cụ già qua đời dần đi, có thua là thua Tạo-hóa chớ chắc đâu thua con cháu ? Vả lại, anh cứ đứng về phương diện, được, thua, thì khó xét lắm. Vì như thế là phê bình theo khuôn mẫu nào đó (jugement normatif). Mình hãy nhận xét kỹ đi đã (constater). Tôi cũng đã có ngày sắp tin như anh, trước khi thấy Cọng-sản. Nhưng ta hãy tiếp câu trên kia :

Khi hai bên quân địch cùng dàn trận thế hẳn hoi, rồi giao tranh, thì mới dễ xét ai được thua.

Còn giữa trẻ và già, thường không có những cuộc dàn bày ý kiến để bàn xét, không có những cuộc so sánh giá trị giữa hai lý thuyết hoặc hai quan niệm khác nhau, để xem ai phải, trái, hay, dở.

Nhiều khi trẻ muốn làm một việc mà già không đồng ý, thì chỉ bị ngăn cản, không được rõ vì lý do gì, hoặc thấy những lý do chưa chịu là vững.

Cũng có khi già hiểu lầm sự tranh luận là bất kính, sự giải thích là việc mất thời giờ, sự nhân nhượng là sự mất uy tín ; cũng nhiều khi chính mình chỉ biết sống theo tập tục ngàn xưa rồi thấy có phận sự đưa con cháu sống theo chớ cũng chưa từng nhận xét phải chăng, thấu đáo học thuyết cũ mà bày tỏ tinh tường, một điều kiện cho sự thảo luận.

Trái lại, trẻ muốn hiểu vì sao phải làm, vì sao không được làm : đây là kết quả mạnh nhất của tân học. Thiếu sự thông cảm, thì mất tín nhiệm, thiếu tin tưởng vào phụ huynh và khi thấy một vài phụ huynh không có hành vi ngôn ngữ hợp lý, thì buộc tội cả đạo thuyết kỷ cương, cả nền văn minh cũ.

A — Như vậy, thì giá trị cũ đã bị phủ nhận cả toàn khối ? Có đáng không ?

B — Một văn minh mấy ngàn năm, không thể nào thiếu cái hay. Chỉ chết về một nỗi là cái hay đó không được bày tỏ thiệt rõ ràng.

A — Thiếu gì sách vở nghiên cứu về các học thuyết cũ ?

B — Sách đó ít người đọc, vì quá khô khan ; nhiều khi nghiên cứu rất công phu, tài liệu rất đầy đủ, lời văn điêu luyện, *nhưng không đủ dẫn chứng*

một cách khoa học và cụ thể để vạch cho thanh niên thấy ích lợi ở đâu, cần thiết ở chỗ nào, vì sao phải theo, cái gì hợp thời, cái gì nên bỏ v.v... (Nói nhiều về điểm này thì chúng ta lại lạc đề, xin để dịp khác). Thế thì đối lại làm sao với những sách dễ hiểu, như tiểu thuyết vạch rõ những sự bất công của chế độ đại gia-đình, sự đè nén quá nặng của một số tục lệ v.v...

Đối lại với loại sách này (*nếu cần đối*) phải có sự *nói chuyện hàng ngày của cha anh nhân việc đời sống hàng ngày* nhưng khốn thay, lại không mấy khi có.

Nói một cách khác, *chưa chắc già đã thua* ; chỉ vì ý tưởng của già và văn minh cũ *chưa tìm được trạng sư hùng biện đó thôi*. Mấy ông đồ giảng về thuyết Lão-Tử, mà bảo rằng Đạo là Đạo, ở đâu cũng thấy, nói ra không được : thì còn làm sao biết là cái gì, chớ đừng nói là thấy đáng phục ở đâu ? (xin lỗi, lại lạc ra vấn đề khác rồi).

Lại còn có những triệu chứng rằng phái cổ cũng có khi thắng mà không biết : có người, lúc trẻ thì đả phá, đời sống cổ, lý tưởng cổ, lúc đứng tuổi thì lại chín chắn dè dặt hơn và ngả về cổ : như cô B, trước khi lấy chồng, thì đòi cho được tự do kết hôn, rồi sau có con gái lớn, thì lại cố thuyết cho con chịu rằng tại gia phải tòng phụ, con phải chịu sự bảo vệ của phụ quyền v.v... Thuyết cổ hình như đã thắng cô B ; (anh muốn hiểu tại sao thì xin suy nghĩ lấy).

Song những thắng lợi lẻ tẻ đó, chưa giải quyết vấn đề : như tôi đã nói, ngay từ mấy năm trước hồi Đại-chiến, không khí giữa già trẻ đã êm dịu vì hình như trẻ đã được sống rộng rãi tự do hơn.

Nhưng điểm quan trọng, không phải là tự do sống, nhưng tự do sống theo đường nào ? nhắm mục đích gì xứng đáng ? căn cứ vào một quan niệm gia đình xã hội như thế nào v.v... ?

Điểm này chưa giải quyết, mặc dầu những trở lực cũ đã vượt được. Cũng như một xứ bị ngoại trị lâu ngày đã dành được chủ quyền rồi mà chưa tìm thấy chánh thể đó, là tình trạng của lũ chúng ta vào khoảng 1935-1940.

Đối với những người mặc cho dòng sống lôi cuốn thì không kể. Còn đối với hạng có đôi chút đầu óc, thì vấn đề thực nan giải : họ chưa thấy gì rõ rệt hẳn, nhưng thấy nếu chỉ đi học thi đỗ, kiếm việc làm, lấy vợ, đẻ con, để đương đầu với những khó khăn tầm thường về cuộc sinh nhai, thì quả là kém hèn : mà phụ huynh thì cho là mãn nguyện rồi, cứ việc an phận thủ thường.

Nếu hồi đó, nhất là vào khoảng 1944-45 họ được những điều kiện thuận tiện để nhận rõ tình thế, được người hướng dẫn để có ý niệm rõ rệt chắc chắn về Quốc-gia, để thấy một con đường sống chân chính sáng sủa, thì có lẽ họ đã ùa theo với tất cả bầu nhiệt huyết sôi nổi của tuổi 20, 25.

Bi kịch của thế hệ, là lúc đó chỉ thấy hoang mang. Cho nên họ mới dễ bị lợi

dụng, để lôi cuốn vào con đường phá hoại

Ai có thể giữ họ lại ? Không phải là những ông cha, ông chú, ông bác, ông thầy học lớn tuổi đã mất uy quyền, đã mất tín nhiệm khá lâu rồi. Trái lại, họ còn được dịp để lật cho đổ vỡ hết một chế độ gia đình xã hội, mà họ đã coi từ lâu như hủ bại, một đời sống mà cha anh không giải cho họ được ý nghĩa, một văn minh mà cha anh không bày tỏ được giá trị.

Rồi thấy cảnh cha mất con, anh lìa em, có khi chồng bỏ vợ, và trong 100 gia đình từ thành thị tới thôn quê, thì 99 gia đình chia ra hai phe : một phe thủ cựu, ôn hòa, nhẫn nại gồm người có tuổi và một số thanh niên còn biết trọng cổ ; một phe hung hăng, quá khích 15 tuổi cũng có, 18-25 tuổi phần đông, lăn mình trên đường dốc chông gai, bên dưới là vực thẳm.

A — Nhưng anh nhận thấy vậy thì quá muộn rồi, còn ích gì nữa ?

B — Chưa chắc. Anh và tôi, chúng ta đã có con, và bằng hữu chúng ta cũng vậy. Lo từ giờ thì hơn. Anh nghĩ sao ?

A — Như thế, thì hình như anh thủ cựu, muốn chấn hưng những giá trị cũ và lo cho con mình cùng theo mình để tránh sự xung đột sau này tránh cái hố đã thấy ?

B — Tránh cái hố, thì phải rồi. Nhưng không chắc là cứ phải tôn cổ, hay là tôn cổ 100%. Có thể tránh đào hố bằng cách theo cho kịp đà tiến hóa cần cho thế hệ mới và đời sống mới, và cần nhất là làm sao có sự tương hiểu, sự thông cảm. Nhưng đây lại là câu chuyện khác...

Đ.T.

✶ Marmont nói : sức mạnh của một đoàn quân không tăng gia theo quân số và quân cụ, mà tăng gia theo tinh thần chiến đấu của mỗi phần tử trong đoàn quân. Điều đó đúng với mọi đoàn thể loài người. Kích động tinh thần, tạo ra hoàn cảnh, truyền cảm lửa thiêng, đó là những dịch vụ thiết yếu nhất của thủ lãnh.

✶ Một thủ lãnh hoài nghi, dù hình thức hoài nghi thế nào, thanh cao hay đê tiện, cũng là kẻ phá hoại tinh thần phấn khởi của mình và của kẻ khác.

✶ Không có gì đáng thối chí ngã lòng cho một thủ lãnh và các kẻ tùy thuộc bằng một kẻ hoài nghi luôn miệng tự hỏi : « làm để làm chi ? », hoặc một kẻ chiến bại luôn miệng kêu ca : « làm chi vô ích ! ». Phải kiên quyết phản ứng lại, vì còn làm được và làm không vô ích.

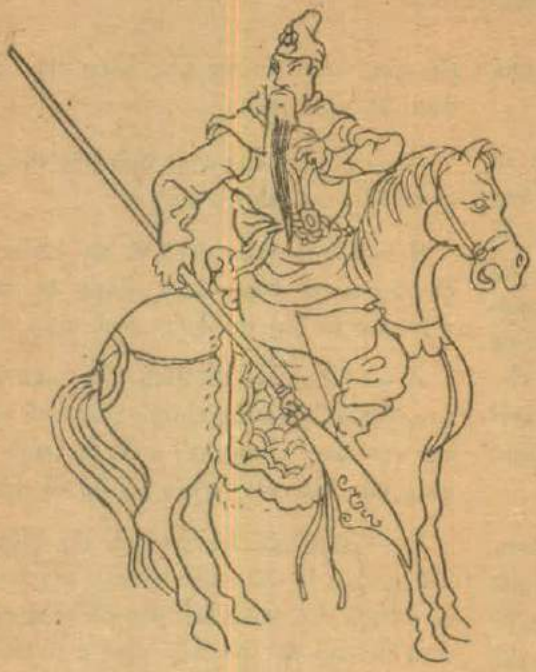

LƯỢC KHẢO

VỀ

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

— I —

Sơ lược nội dung

TRUYỆN Tam-Quốc rất gần với sự thật lịch sử và được phổ biến hết sức rộng rãi trong nhân dân ta. Vì thế, trong bài này, chúng tôi chỉ lược thuật nội dung một cách thật tóm tắt.

☆

Câu chuyện xảy ra hồi thế kỷ thứ ba, khoảng từ năm 219 đến năm 265 sau kỷ nguyên. Bấy giờ, nhằm đời Hán mạt. Vua còn nhỏ tuổi, Thái hậu lâm trào thính chánh, do đó mới phát sanh nạn hoạn quan và ngoại thích chuyên quyền, giành giựt, cấu xé lẫn nhau. Chánh trị ngày càng hủ bại. Dân chúng hết sức lầm than điêu đứng. Thêm vào đó, hạn hán dịch họa, mất mùa lại diễn ra liên miên. Bốn phương giặc cướp nổi lên như ong : lớp thì phiên trấn cát cứ xưng hùng, lớp thì dân nghèo nổi lên làm loạn. Trong đó, nổi bật hơn hết là « giặc » Huỳnh-Cân do mấy anh em Trương-Giác cầm đầu.

Ba anh em Lưu, Quan, Trương cũng thừa cơ hội, kết nghĩa đệ huynh, quyết ra tranh thiên hạ. Nhờ Lưu-Bị nhơn hậu, Quan, Trương nghiễu dông, lại thêm được sự giúp sức tận tình của Gia-Cát-Lượng, Từ-Thứ, Triệu-Tử-Long, v. v..., dần dần cơ đồ của phe Thục được mở rộng. Bấy giờ, Tào-Tháo đã chiếm được Trung-Nguyên, lấy danh nghĩa Thừa tướng để « hiệp thiên tử, lệnh chư hầu ». Lưu-Bị bèn dùng kế sách của Gia-Cát-Lượng, liên hiệp với Ngô cường mạnh để chống lại với binh Tào. Tào Tháo mang tám mươi ba muôn quân hạ Giang-Nam, bị quân Ngô, Thục liên minh đánh

tơi bời tại Xích-Bích. Từ đấy, bắt đầu thành hình cục diện « tam phân đỉnh lập » : Ngụy, Thục, Ngô.

Lấy được Kinh-Châu làm cơ bồn, Lưu-Bị tích cực phát triển lực lượng vào hướng Tây, và ráo riết tăng cường kiến thiết kinh tế, xây dựng quốc lực. Nhưng sau đó Thục Ngô lại bất hòa. Chiến tranh giữa hai nước lại nổ ra.

Binh Thục thua to tại Mạch-Thành, Quan-Võ bị Lữ-Mông bắt giết chết.

Lưu-Bị và Trương-Phi, nóng lòng trả thù cho Quan-Võ, lập tức hưng binh đánh Ngô. Nhưng Trương-Phi bị thủ hạ phản bội giết thác, còn Lưu-Bị thì bị Lục-Tốn đốt tan bảy trăm dặm dinh trại, phải rút về Bạch-Đế thành, buồn rầu mang bịnh mà thác.

Gia-Cát-Lượng vâng lời thác cô của Lưu-Bị, ráo riết chuẩn bị lực lượng phạt Ngụy. Sau khi « thất cầm Mạnh-Hoạch », bình định được hậu phương, Khổng-Minh bèn đem quân « lục xuất kỳ sơn », quyết lấy cho được Bắc Ngụy. Nhưng gặp phải chiến lược kháng cự dẻo vai của Tư-Mã-Ý, mấy lần ra quân của Gia-Cát Khổng-Minh chẳng những không thành công, mà lại còn hao mòn binh lương tướng sĩ. Khổng-Minh chết đi, Khương-Duy lên thay thế, tuy lòng trung có thừa, nhưng tài năng và tư thế chưa đủ. Thêm vào đó, Hậu Chúa Lưu-Thiện lại quá nhu nhược, hay nghi kỵ. Triều chánh ngày càng hư đốn. Tư-Mã-Chiêu mới thừa cơ sai Đặng-Ngại, Chung-Hội đem binh diệt Thục, rồi tự xưng là Tấn-Vương. Con là Tư-Mã-Viêm kế vị, ép vua Ngụy phải nhường ngôi, ấy là vua Võ-Đế nhà Tấn (264 sau k. n.).

Viêm sai Dương-Hộ, Đỗ-Dự đánh được Đông-Ngô, bắt được Tôn-Hạo về Trung-Nguyên. Từ đó, tam quốc đều gom về một mối.

*

II

Thân thế tác giả

TAM-Quốc diễn nghĩa là một tác phẩm lớn, dày hơn ngàn trương, dài đến chín mươi mốt hồi và chứa đựng lối bảy trăm năm chục ngàn chữ. Nội dung chính yếu nhằm miêu tả những cuộc xung đột, cấu xé lẫn nhau giữa các tay quân phiệt trong xã hội phong kiến Trung-Quốc vào khoảng thế kỷ thứ hai, thứ ba sau T.C.

Theo ý kiến của phần đông các nhà Khảo cứu, tác giả Tam-Quốc diễn nghĩa là La-Quán-Trung (1), người sống giữa hai đời Nguyên-mạt và Minh-sơ (vào khoảng từ năm 1330 đến 1400 sau T. C.). Hiện nay, chúng ta có rất ít tài liệu về tác giả. Đã thế, những tài liệu đó lại quá giản lược, mạnh mún.

Sách « Lục-Qui-Bộ tục biên » chép rằng :

« La-Quán-Trung, người Thái-Nguyên, hiệu Hồ-Hải tán nhơn, tánh tình ít hợp với người, ưa trào lộng, nhưng rất thanh tân, vốn là bạn vong niên với ta (tức tác giả). Gặp thời tao loạn, mỗi người một ngả, mãi đến năm giáp thìn mới gặp lại một lần, tính ra có hơn sáu mươi năm không gặp nhau. Về sau, không biết cuối cùng ra thế nào. »

Cũng theo tác giả quyển sách này, La-tiên-sinh còn để lại ba bộ tạp kịch :

Triệu-Thái-Tổ long hổ phong vân hội.
Tam-Bình-Chương khốc Phi-Hổ-Tử.
Trung chánh hiếu tử liên hoàn gián.

Sách « Vương-Kỳ bi sử hội biên » chép rằng : Tông-Tú La-Quán-Trung,

(1) Có chỗ chép là Thi-Nại-Am viết, La-Quán-Trung sửa.

Quốc-Sơ Cát-Khả... từ lâu vốn là những kẻ có chí mưu bá đồ vương. Nhưng khi gặp chơn chúa ra đời (tức Châu-Nguyên-Chương). Cát thì xoay ra làm thuốc, còn La chuyên viết truyền thần bi sử.

Trong lời bạt « Thủy-Hử nhất bá linh bát đồ » (tranh của Từ-Bình-Sở) người nhà Thanh Từ-Vị-Nhân viết rằng truyện Thủy-Hử do Thi-Nại-Am viết chỉ có 70 hồi. Năm chục hồi sau do La-Quán-Trung viết để châm biếm Trương-Sĩ-Thành. (Vì thế, mới có truyện Thủy-Hử 120 hồi)

Trong ba tài liệu trên, đáng tin cậy nhất là thuyết thứ nhất. Thuyết thứ hai chỉ là truyền tụng. Thuyết thứ ba hiển nhiên là của Kim-Thánh-Thán khi phê cải Thủy-Hử lại còn 70 hồi. Sự thật, ba tài liệu trên đây chỉ là những cái « sườn » thô sơ để ta có thể dựa vào đó mà nghiên cứu, tra xét thêm.

Tuy nhiên, dựa theo ba tài liệu trên đây, chúng ta có thể biết rằng :

La-Quán-Trung là người Thái-Nguyên. Ngoài tên tộc, còn có thêm hiệu Hồ-Hải tán-nhơn. Về quan hệ xã-hội, tiên sinh là « bạn vong niên » của tác giả quyển « Lục-Qui-bộ tục biên ». Hai người đã cách biệt nhau một thời gian khá lâu, mải đến năm giáp thìn mới gặp lại một lần. Tính tình của tiên sinh « ít hơn với mọi người », « ưa trào lộng, rất thanh tân ». Tiên sinh cũng là một trong những người có chí mưu bá đồ vương giữa đời Nguyên, Minh giao thời, và từng có quan hệ tương đối mật thiết với Trương-Sĩ-Thành. Đến khi chơn chúa Châu-Nguyên-Chuông ra đời, tiên sinh chỉ chuyên viết truyền thần bi sử, và « không biết cuối cùng ra sao ».

Theo một số nhà văn học sử hiện nay tiên sinh đã « vào những truyền thuyết trong dân gian và quyển Tam Quốc chí bình thoại (1), đồng thời triệt để khai thác những cái tinh hoa trong « Tam Quốc-Chí » của Trần-Thọ (người đời Tấn), trong bộ « Tam-Quốc-Chí chủ » của Lưu-Tông, Bùi-Tụng, và các bộ chánh sử « Hận-Hán thư », « Tấn-thư », mà sáng tạo nên bộ tiểu thuyết lịch sử vĩ đại ấy. »

Về tiểu sử của người hiệu đính và bình Tam-Quốc diễn nghĩa là Mao-Tông-Cương chúng ta chỉ biết như sau :

Theo bài tựa và tổng luận trong « Đệ thất tài tử thư » (Tỳ-Bà ký) và « Hoa-Triêu-Sanh bút ký », thì :

Mao-Tông-Cương, tự là Tự-Thủy, người đời Thanh-sơ, tỉnh Giang-Tô, phủ Tô-Châu, huyện Trường-Châu. Phụ thân tiên sinh là Mao-Lân, tự Đức-Âm, sau cải lại là Thanh-sơn, mất vào khoảng trung niên. Đã từng cùng với Tông-Cương hợp tác bình Tỳ-Bà ký, bình cải Tam-quốc diễn nghĩa. Thường thường, Mao-luân chỉ nói miệng đại ý. Mao-Tông-Cương mới là kẻ thực sự chấp bút, và cũng thêm vào khá nhiều ý kiến hay. Cho nên có thể nói công việc hiệu đính, bình phán chủ yếu là do tay Mao-Tông-Cương.

Bộ Tam-quốc diễn nghĩa được hiệu đính và bình xong vào khoảng những năm đầu đời vua Khang-Hi nhà Thanh.

(Còn tiếp)

NGUYỄN-HUY-KHÁNH

(1) « Tam-quốc-chí bình thoại » ra đời vào khoảng cuối đời nhà Nguyên, chép lại một cách có hệ thống những mẩu chuyện được lưu truyền trong dân gian về các vị anh hùng đời Tam-quốc. Kỹ thuật tuy còn thô bạo, nhưng tình tiết sự kiện rất phong phú, linh hoạt. Bộ sách này có thể nói là tiền thân của Tam-quốc diễn nghĩa.

NỬA GIỜ VỚI « ANH KHÓA »

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

của

SÀO-PHỦ-VIỆT và N.T.M.T.D.

« Mới » phải dựa vào « Cũ », cũng như ngọn phải nương nhờ gốc . . . Cố thứ ngọn nào không hút nhựa từ gốc lên mà lại có thể tồn tại được.

- Lời **Á-NAM**

Đã từ lâu, chúng tôi vẫn có ý định lần lượt gặp gỡ các nhà văn, nhà thơ đã có một địa vị vững vàng trong làng văn từ hồi tiền chiến, hiện có mặt ở miền Nam để được biết ý kiến của các vị đó đối với nền văn học Việt-Nam hiện đại và công việc các vị ấy đang làm để tô bồi cho nền văn hóa dân tộc.

Tưởng đó cũng là một việc làm không hẳn là không hữu ích trong giai đoạn này, giai đoạn mà mọi giá trị tinh thần đang cơ hồ bị đảo lộn. Song, vì một vài lẽ ngoài ý muốn, mãi tới nay chúng tôi mới bắt đầu thực hiện được dự định đó.

Chúng tôi cũng cần nói trước : Trong những cuộc nói chuyện này, chúng tôi chỉ xin cố ghi lại đúng đắn ý kiến của các nhà văn, nhà thơ mà chúng tôi gặp để làm trọn cái việc « giới thiệu » một cách khách quan, và xin miễn được góp thêm ý riêng của mình. Ngoài ra muốn để các bạn độc giả hiểu rõ hơn về thân thế và sự nghiệp văn chương của các vị đó, nên chúng tôi đã sưu tầm để in thêm : phần tiểu sử *và* một vài bài thơ, văn *mà các vị đó ưa thích nhất.*

Người mà chúng tôi được hân hạnh gặp gỡ đầu tiên là cụ TRẦN-TUẤN-KHẢI, một nhà thơ lão thành đã nổi tiếng từ trên ba chục năm nay.

TIỂU SỬ. — Cụ Trần-Tuấn-Khải biệt hiệu Á-Nam, tiểu tự là Đông-Minh và Đông-A-Thị I bút hiệu là Tiêu-Hoa-Nhân Lâm-Tuyền cư sĩ và Giang-hồ-khách, sinh năm 1894 tại làng Quang-Xán, tỉnh Nam-Định, Bắc Phần.

Cụ vốn giòng nho học, ngay từ năm lên 6 tuổi đã bắt đầu thụ huấn phụ thân — một nhà danh nho thời Nguyễn — Nhờ được tư chất thông minh và có gia huấn khá nghiêm, nên mới mười hai, mười ba tuổi đã đọc được kinh, truyện và bắt đầu làm đủ các loại văn.

Năm 1921, cụ in tập « **Duyên nợ Phù-sinh** » tức KIM SINH LỤY thứ nhất, đó là tác phẩm đầu tay của cụ. Trong khoảng thời gian này, cụ có viết giúp cho các tạp chí như Trung-Bắc Tân-Văn, Nam-Phong Tạp chí, Đông-dương Tạp chí và là một cây bút hữu danh trong bộ biên tập tờ Khai-Hóa.

Hồi đó phong trào chống Pháp vẫn còn sôi nổi trong dân gian nhất là trong đám sĩ phu, vì vậy những bài cụ viết đều mang những lời khảng khái, bi hào cốt để khích động lòng người tham gia nghĩa cử.

Ít lâu sau, cụ cho xuất bản thi phẩm KIM SINH LỤY thứ hai và cuốn tiểu thuyết GƯƠNG BỂ DÂU (Tang thương kính) thứ nhất, rồi tiếp theo là cuốn BÚT QUAN HOÀI (mới tái bản năm 1957) thứ nhất, tập HỒN TỰ LẬP thứ nhất và bộ THỦY HỬ DIỄN NGHĨA (dịch và phê bình) Các tác phẩm này đều được các bậc thức giả trong nước hết sức hoan nghênh.

Tới năm 1927, cụ cho in cuốn BÚT QUAN HOÀI thứ 2 và HỒN TỰ LẬP thứ 2. Nhân gặp khi nhà chí sĩ Phan-Sào-Nam bị bắt tại Trung-Quốc và bị đem về giam tại Hỏa-Lò Hà-Nội, dân khí trong nước đang bừng bừng dâng cao, nên các tác phẩm của cụ lại càng được mọi người tán thưởng nồng nhiệt và gây được ảnh hưởng không nhỏ trong mọi tầng lớp xã hội. Cũng vì lẽ đó mà cuốn BÚT QUAN HOÀI thứ nhất và cả hai cuốn HỒN TỰ LẬP cùng bị cấm tàng trữ và lưu hành trong toàn cõi Việt-Nam.

Trong khoảng mấy năm sau, cụ có soạn thêm nhiều sách khác như NGỤ NGÔN TẬP ĐỌC, HỒN HOA (tiểu thuyết), VIỆT-SỬ TỨ TỰ (Sử Nam bốn chữ), MẠNH TỬ CHÚ GIẢI...

Năm 1931, nhân vụ khởi nghĩa Yên-Bái của V.N.Q.D.Đ. thất bại cụ có soạn cuốn « CHƠI XUÂN » ghi lại những hành động tàn bạo của người Pháp. Sau khi cuốn sách được in ra, cả soạn giả lẫn ông giám đốc nhà xuất bản đều bị chính quyền Pháp bắt giam tại Hỏa-Lò Hà-Nội mất mấy tháng trời.

Năm 1936 cụ xuất bản cuốn VỚI SƠN HÀ I và năm 1949; sau khi hồi cư về Hà-nội được ít lâu cụ có cho in cuốn VỚI SƠN HÀ II. Cũng như hầu hết các tác phẩm của cụ, hai cuốn này đều có những tư tưởng ái quần ái quốc và những câu thơ, bài văn hoặc sáng tác hoặc dịch thuật rất chau chuốt.

Hiện nay, cụ sống một cách thanh bần cùng cả gia đình tại một trại định cư gần Phú-Thọ. Tuy đã ngoài 60 nhưng cụ vẫn còn hăng hái hoạt động cho nền văn học nước nhà. Ngoài thì giờ việc tổ chức Liên-Đoàn Văn-Nghệ Lao-Công, cụ còn nhận dịch sách cho ban Tu-thủ hội Khổng-Học Việt-Nam, và viết giúp cho một vài tờ Tạp chí ở Sàigòn.

NÓI là một cuộc phỏng vấn thì kể cũng hơi to tát, nhưng bảo là một câu chuyện phiếm thì... cũng không đúng hẳn, vì chuyện phiếm thì làm gì có đối tượng. Ở đây chúng tôi đã nhằm vào mấy điểm nêu ở trên để nói chuyện với thi sĩ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải.

Chúng tôi gặp nhà thơ lão thành này vào một buổi trưa tại ngay tòa soạn Bách-Khoa. Sau bốn năm xa cách, chúng tôi đã không khỏi không cảm động khi gặp lại cụ. Vẫn bộ âu phục trắng nhầu nát, đôi giày vẹt gót phong trần, vẫn nụ cười nửa thoải mái, nửa khinh bạc như hồi nào, tuy vầng trán có thêm nhăn, đôi má có thêm hóp chút đỉnh, nhưng dáng nhanh nhẹn, hoạt động ở cụ vẫn không vì tuổi tác mà kém sút.

Sau mấy lời thăm hỏi và nhắc nhở đến một vài người quen cũ ở Hà-nội, chúng tôi tìm cách đi ngay vào đề:

H.— Nghe nói cụ hiện đang hoạt động cho Liên-đoàn Văn-nghệ trong T.L.Đ. L.C.V.N., cụ có thể cho biết sơ qua về tổ chức đó không ạ ?

Đ.— Gọi là Liên đoàn vì đây là một tổ chức liên hiệp các Nghiệp-đoàn Ký-giả, Nghệ sĩ, Công nhân sân khấu, Điện ảnh, Ca nhạc kịch v.v... Ngoài những mục phiêu thông thường của mọi tổ chức nghiệp đoàn như, bảo vệ quyền lợi, đoàn kết các đoàn viên v.v..., chúng tôi còn cố súc tiến về mặt văn chương nghệ thuật để ngõ hầu có thể hướng bộ môn này tới chỗ hoàn mỹ hơn. Điều tôi băn khoăn hơn hết là làm thế nào để gây dựng lại được ngành ca vũ nhạc cổ điển Việt-nam mà trong đó đáng chú ý nhất là « chèo cổ » và « hát Ả đào ». Phải thành thực nói rằng cái tinh thần dân tộc đặc biệt của Việt-nam ta, một phần rất lớn là gởi gắm trong các lối hát Chèo và các điệu hát Ả đào, mà ngành này đang xuống dốc nhiều lắm. Nếu không có sự góp tay của anh em văn nghệ sĩ nói riêng và nhân dân nói chung để xây dựng lại thì tôi e một ngày kia chúng ta sẽ không còn cái gì là tinh túy của dân tộc nữa !

H.— Cụ có thể cho biết L.Đ.V.N. đã làm những gì hoặc có những dự định gì cho việc phục hưng nền ca vũ nhạc cổ điển của ta không ạ ?

Đ.— Dự định thì nhiều, nhưng phương tiện thì eo hẹp, nên chúng tôi cũng chưa làm được gì cả. Tôi cũng cần nói để các ông rõ : L.Đ.V.N. là một tổ chức hoàn toàn độc lập. Chúng tôi nghèo, nghèo lắm.

Hãy nói ngay điểm trọng yếu nhất trong chương trình phục hưng ca vũ nhạc cổ điển là đào tạo các mầm non mới. Số nghệ sĩ cổ điển với đúng tên gọi ấy, hiện nay còn chả là bao, nhất là ở miền Nam này lại càng hiếm nữa.

Thực ra thì ngay từ khi mới di cư, tôi đã nghĩ đến điểm này và đã có đề nghị với bộ T. T. dành một số tiền để đón mấy tay nhà nghề cổ điển trứ danh vào đây, để lập ban huấn luyện, nhưng... đề nghị không được chú ý ! Việc huấn luyện rất là quan trọng, không có không được ;

nhưng khổ một nỗi, sở dĩ luẩn quẩn mãi tới nay mà lớp ấy chưa ra đời được, cũng chỉ vì... tiền ! Cần phải có tiền việc mới thành các ông ạ. Tiền để trang bị cho một lớp học, để trả thù lao cho người dạy và cả một phần cho người học nữa...

Nói đến đây, cụ trầm ngâm suy nghĩ một lát, rồi chậm rãi tiếp :

— « Mới » phải dựa vào « Cũ » cũng như ngọn phải nương nhờ gốc các ông ạ ! Không có « Cỗ » thì làm gì có « Kim » ! Có thứ ngọn nào không hút nhựa từ gốc lên mà lại có thể tồn tại được ! Cho nên tôi nghĩ không vun bồi cho gốc thì ngọn cũng sẽ khô héo đi. Ngày nay ít người chịu để ý đến điều đó, họ chỉ đổ xô vào những cái hào nhoáng có vỏ mà không có ruột. Cái thứ lối « Cải cách » láo nháo ngày nay sở dĩ còn sống được là nhờ ở những loại người kém suy đó ; nhưng sớm muộn rồi nó cũng sẽ bị tiêu diệt để nhường chỗ cho loại ca vũ nhạc cổ điển thuần túy đã được tổ tiên ta tiếp nhau tô bồi có cả hàng trăm ngàn năm rồi.

H — Nhân tiện xin cụ cho biết ý kiến về nền văn nghệ hiện nay và nhất là riêng về thi ca.

Đ — Ý nghĩ của tôi về văn nghệ nói chung cũng không khác gì về ca vũ nhạc mà tôi vừa trình bày. Trước khi nói đến chuyện làm mới, ta cần phải học cũ đã. Một người thợ may biết sáng chế ra các mốt mới, hợp thời trang, tất phải là một người thợ may đã sành sỏi lối cũ rồi ; chứ không lẽ một người chả biết gì về đường kim mũi chỉ mà lại có thể nhảy dại vào làng thợ may đặt ra kiểu áo này, mốt quần nọ như thế thì chẳng hóa lố bịch lắm sao ! Văn nghệ đại khái cũng như thế. Nhưng người đời không nghĩ thế, nhất là trong địa hạt thi ca, thật là loạn quá ! Tôi biết có những chú học trò chưa hiểu biết một tí gì về văn từ văn ý, thế mà cũng tung tăng nhảy đại vào làng văn, rồi cũng viết lách ngâm nga, ra chiều hợm hĩnh. Như thế thì còn cái quái gì là ý nghĩa thơ văn ! Âm điệu đã không có, ý nghĩa lại không nốt. Tôi không biết họ viết để làm gì, và cho ai đọc ? Phàm sự vật ở đời, cái gì cũng phải có tác dụng riêng của nó ! Thí dụ : Cái bàn chỉ được gọi là cái bàn, khi nó có thể dùng vào việc để chứa đồ vật lên trên... Nếu người ta chỉ đóng có mấy cái chân mà không có mặt, chả dùng làm được việc gì mà cũng không kê vững được, thì ai còn gọi đó là cái bàn !

H — Thưa cụ, trong thời gian gần đây, ngoài việc dịch thuật cụ có sáng tác được nhiều không ?

Đ — Ít lắm. Lâu nay tôi không viết được mấy, quanh quẩn mấy bài thơ đăng trên một vài tờ tạp chí văn học ở đây mà thôi. Những sách tôi viết từ trước thì nhiều lắm nhưng một phần lớn bị mất mát đi trong thời gian tản cư. Còn những sách đã xuất bản, tôi dự tính sẽ lần lượt cho tái bản nhưng chưa có phương tiện. Năm 57, cố gắng lắm, tôi mới tái bản được mỗi cuốn « Bút quan hoài Tập I » là một trong 6 cuốn thơ của tôi mà hiện tôi còn sót lại.

Nói tới đây, Á-Nam tiên sanh nhân tiện trong tay có cầm một cuốn sách, liền trao cho chúng tôi và nói tiếp :

— Đây là cuốn thơ « Với Sơn Hà » thứ II mà tôi mới in trong khi tản cư trở về Hà-thành hồi năm 1947... Các ông coi bài tựa của tôi đây, chắc cũng có thể hiểu được đôi phần cho cái khổ tâm của một người thiết tha với văn học nước nhà như hạng tôi đây chẳng hạn...

Chúng tôi lãnh ý, nhân tiện xin phép cụ cho chép luôn bài tựa đó để đăng tiếp dưới câu truyện vừa thuật trên đây, cũng là một dịp giới thiệu cái nỗi khổ tâm của một thi nhân đã từng chịu đựng bao cảnh gian lao vì giang san chủng tộc từ trước tới nay vậy. Dưới đây là nguyên văn bài tựa cuốn « Với Sơn Hà thứ II » đã phát hành từ năm 1949 của cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải :

« Năm 1936, tôi xuất bản cuốn thơ « Với Sơn Hà thứ I », cuối trang bìa có hứa sẽ tiếp in luôn cuốn thứ II.

« Nhưng không ngờ, hồi năm 1932, cuốn « Sách Chơi Xuân (năm Nhâm-thân) » ra đời, trong có nhiều bài văn của tôi, bị các nhà Đương cuộc (vào thời Pháp thuộc) cho là có tánh cách rối cuộc trị an, rồi tịch thu sách đó và bắt giam cả tác giả lẫn ấn giả trong khoảng ít lâu.

« Từ đó, phàm các văn phẩm của tôi, bất cứ đăng tải vào đâu, đều bị kiểm duyệt một cách gắt gao. Những nhà in, những nhà xuất bản, vì thế thảy đều tránh sự phiền lụy, ít dám nhận in tác phẩm của tôi. Một cớ chính khiến cho tập « Với Sơn Hà » thứ II của tôi chưa ra đời được.

« Cách đó không bao lâu, Âu-Châu nổi cuộc tàn sát kinh thiên động địa rồi Á-châu cũng bùng nổ tiếp theo. Miếng đất Việt-nam, luôn luôn bị những ảnh hưởng không hay, đồng bào đói loạn hoang mang, không người cứu vớt, còn công đâu hỏi đến sách vở văn chương ? Trong thời gian ấy, tâm thần xúc động, cảm tác khá nhiều, nhưng chỉ là viết ra xem đọc một mình, rồi lại « thúc chi cao các » không lúc nào có dịp in ra.

« Rồi thì tháng Chạp năm 1946, tiếng súng kháng chiến ở Hà-thành bùng nổ. Tôi cũng như số phận bao nhiêu đồng bào khác, đành đem thê tử văn chương, hoang mang chạy tránh. Lần hồi ba bốn chỗ tản cư, đến tháng 3 năm Đinh-hợi (1947), mới về ngụ ở làng Sơn-lộ, thuộc phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Được dăm sáu tháng sau thì quân Pháp kéo tới, vì chiến lược, đốt cả một xóm ngay cạnh làng đó, mà chính nơi tôi ở cũng lẫn vào trong. Thế là sách vở văn chương, góp mấy mươi năm tâm huyết, cũng theo mấy bị quần áo tản cư, tiêu dao bốc theo Xích-đế. Nghĩ ra thực đáng thương tâm ! ! !

« *Than ôi ! Văn chương nếu phải loài linh động,*
« *Thì đã xa bay lánh lửa Tần.*

« Nhưng tiếc vì văn chương không phải linh động như người, cho nên đành chịu nằm yên, phó mặc trò dời phô diễn.

« Năm sau, 1948, tôi vì hoàn cảnh bắt buộc, lại phải về đất Thăng-long. Chốn cũ người xưa, chứa chan tình cảm ; sao rời vật đổi, đầy rẫy thê lương ! Lắm lúc muốn đem ngọn « Bút Quan hoài » vẽ vời tâm sự, song càng

Hình cụ Á-Nam Trần-Tuấn-Khải trong tập « Phê-bình và Cảo-luận » soạn giả Thiếu-Sơn. Nhà in Nam-Kỳ.

trông cảnh thế, càng rối can tràng, suy nghĩ dẫn do, thấy cũng nghẹn ngào khó thành văn thể. Duy nhớ đến lời hứa năm xưa và muốn đáp lại tấm lòng mong đợi của mấy người quen hiện còn sống sót, nhân sưu tập ít bài còn nhớ trong trí óc, tạm in thành tập, gọi là « Với Sơn Hà » tập thứ II.

« Với Sơn Hà thứ II ra đời dương lúc quốc gia đa sự, riêng phần tác giả, chẳng qua cốt để ghi vài nét mực với khoảng thời gian — một thời gian như trong chớp nhoáng mà cả từ Việt-nam Tổ-quốc, cho tới thế giới năm châu đã xảy biết bao biến chuyển — để cùng chất chính với bạn làng văn ; còn sự được hỏng khen chê, đã có các bậc sành văn định luận.

« Viết tại gác bên bờ hồ Hoàn kiếm, ngày 1 tháng 3 năm Kỉ-mão (1949) ».

Chúng tôi nhận thấy câu chuyện đã quá dài, dành xin tạm biệt.

SÀO PHỦ-VIỆT và N.T.M.T.D.

TRUYỆN NĂM CHÂU [1]

I

Nghe truyện năm Châu rõ chán phè !
« Giẻ cùi, bò ngựa » những lắm le :
Độc tài hùng hổ khoe nhiều ngón,
Dân chủ hung hăng cậy mạnh bè.
Nay ký hợp đồng, mai lại xóa,
Sớm còn cừu địch, tối vào phe.
Trái bom hơi ngạt tìm nhau mãi,
Chưa giết tàn nhau vẫn chửa nghe.

II

Á-Á Âu-Âu rối cuộc cờ :
Nào người mong được, kẻ lo thua.
Miệng gào nhân nghĩa, tay giơ súng
Mặt rõ thân yêu, bụng vẫn ngờ.
Xuống biển lên giời tìm đủ lối,
Bầy mưu đặt kế dở trăm trò.
Mỗi phen thử thách là phen chết
Mà vẫn thi nhau tính vẫn vơ !

III

Ai bảo rằng khôn nhất giống người ?
Mà người lại thích giết nhau chơi !
Tinh ngoan đã chẳng bằng con tạo,
Thua được càng thêm rước tiếng cười !
Giàu mạnh cũng còn chưa thỏa chí,
Yếu hèn mà vẫn muốn thi hơi.
Rồi ra chỗ sống không tìm đến,
Chỉ dắt nhau vào chỗ chết thôi.

IV

Từ nay ta lạy cái văn minh :
Chỉ vị người mà lắm sự sinh !
Vì bằng thế gian toàn xuẩn ngốc,
Thì chi nhân loại đến tan tành ?
Giết ngươi rút lại vì khoa học,
Bới đất tìm đâu thấy thái bình !
Không, Mạnh, Thích, Da như sống lại :
Cũng rơi giọt lệ khóc xương sinh,

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

(1) Bốn bài này, tác giả viết năm 1938, khi tiếng súng Nhật-Đức bắt đầu nổ. Đã in trong Tập « Với Sơn-Hà » cuốn thứ II, xuất bản tại Hà-Nội năm 1949.

GỬI THƯ CHO ANH KHÓA [1]

(I. T. G.— Quyển « Duyên Nợ Phù-Sinh » thứ nhất có bài TIỄN CHÂN ANH KHÓA, đến quyển thứ hai lại có bài MONG ANH KHÓA, tới nay chưa thấy Anh Khóa về. Vậy có bức thư gởi cho Anh Khóa).

Anh Khóa ơi ! *Cái cuộc phân li thấm thoắt đã mấy năm rồi ;*
Em mong, em nhớ, em ngồi em nghĩ lại thương anh.
Trông bốn phương non nước những mông mênh.
Giời Âu, Bể Á, một chiếc thuyền tình anh biết ghé nơi nao ?
Anh Khóa ơi ! *Em nghĩ thương anh cũng bực anh hào,*
Ngang giời dọc đất dễ anh nào đã có chịu thua ai ?
Chỉ tiếc thay cho anh sinh chẳng gặp thời,
Đề tang bồng nặng gánh, anh phải ngậm ngùi mà bước chân ra.
Anh Khóa ơi ! *Em nghĩ thương anh cũng một kiếp tài hoa,*
Bước đời xô đẩy anh phải xông pha với bước phong trần.
Ngọn gió năm châu giáo giạt sóng duy - tân,
Tình nhà, nỗi nước, chiếc thân anh lo nghĩ đủ trăm chiều,
Anh Khóa ơi ! *Kìa con đường văn-minh ai chẳng rập rìu,*
Riêng anh đây lên dốc xuống đèo thui thủi với gánh giang - san
Nào những khi : xa trông cơn mây kéo, lúc ngồi tựa bóng trăng tàn,
Biết cùng ai bầy giãi tâm can cho khách giang hồ ?
Anh Khóa ơi ! *Trông non sông em lại ngán cơ đồ.*
Bắc Nam anh xuôi ngược, biết bao giờ thỏa chí bồng tang ?
Cái cõi phù sinh khen con Tạo khéo đưa đường ?,
Má hồng, mặt trắng, cũng một kiếp đoạn trường ai dễ khác ai ?
Anh Khóa ơi ! *Ngẫm ngàn xưa hào-kiệt với anh tài :*
Bể dâu chìm nổi, cái bước trên đời ai khỏi gian nan ?
Anh nghĩ làm sao cho danh nghĩa được vẹn toàn ?
Đề treo gương hào hiệp với giang san sau này.
Anh Khóa ơi ! *Nhờ luồng điện trên không em gửi bức tờ mây,*
Chân giời mặt biển, cái lá thư này mong đến tay anh,
Chốn buồng riêng đây em tưởng nhớ xiết bao tình,
Khi vui em muốn khóc, lúc buồn tênh em lại cười !
Anh Khóa ơi ! *Em cảm thương anh, em lại giận cho giời :*
Bức tranh vân cẩu cái tấn trò đời bầy xóa như không.
Anh thà như ai cầm điếc đã xong,
Chỉ bưng tai nhắm mắt mà ôm lấy miếng đỉnh chung nó cũng qua đời !
Anh Khóa ơi ! *Thôi, kể bao nhiêu lại càng động mối quan hoài,*
Gan vàng dạ sắt nguyện có đất giời soi xét cho nhau.
Em chỉ nhờ ai xoay lại quả địa cầu,
Cho duyên em gặp gỡ, cho non nước khỏi u-sầu với lúc mưa ngâu.
Anh Khóa ơi ! *Ở trên đời này được mấy bạn tri âm,*
Giời cao bể rộng, cái mối đồng tâm xin anh chớ hững hờ.
Còn non sông em đây còn quyết chí đợi chờ.
Tầu bay, tầu lặn, đến bấy giờ ta sẽ gặp nhau...

Á-NAM TRẦN-TUẤN-KHẢI

(1) Trích « Bút-Quan-Hoài » tái bản lần thứ ba năm 1957.

CHÚ Ý

TÒA SOẠN BÁCH-KHOA ĐỔI ĐỊA CHỈ

Chúng tôi đã dời tòa soạn Bách-Khoa từ ngày 1-9-1958, lại **160, Phan-đình-Phùng Saigon** hộp thư số 339.

Vậy yêu cầu các bạn có bài vở hoặc các độc giả có thư từ, bưu phiếu muốn liên lạc với tòa báo xin gửi tới địa chỉ nói trên.

B. K.

BÁCH KHOA ĐÓNG THÀNH TẬP

— Bách-Khoa đã đóng thành từng tập 12 số, bìa dày (carton) gáy chữ vàng, rất mỹ thuật, giá phổ thông mỗi tập 105$. Tập I : từ số 1 đến 12, Tập II : từ số 13 đến 24, Tập III : từ số 25 đến 36.

Ở xa xin gửi thêm cước phí bảo đảm 45$ ba tập.

Số sách đóng thành tập có hạn, xin gửi mua ngay kẻo hết.

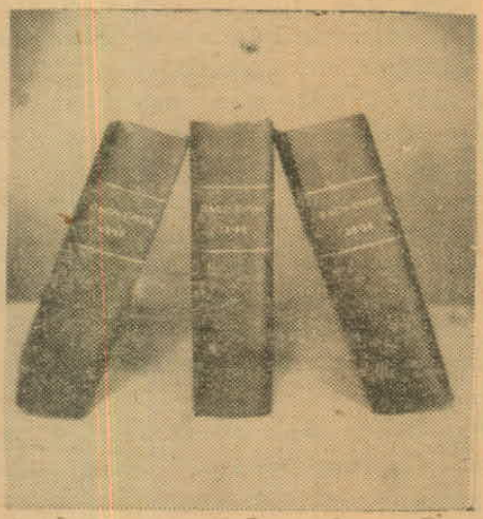

* MỘT BỘ SÁCH QUÝ TRONG TỦ SÁCH GIA ĐÌNH.

* MỘT TẶNG PHẨM TRANG NHÃ.

— Bách-Khoa đã in xong tập « Mục lục theo bộ môn » của Bách-Khoa từ số 1 đến số 24. Vậy những bạn nào mua Bách-Khoa dài hạn hoặc đã mua toàn tập Bách-Khoa, muốn có thêm tập « Mục lục » đó xin biên thư ngay về Tòa soạn Bách-Khoa, kèm theo tem (cò) 0$50, chúng tôi sẽ gửi đến biếu các bạn.

SUỐI NƯỚC NÓNG
Ở
VIỆT - NAM

THÁI-VĂN-KIỂM

Từ ít lâu nay, báo chương xuất bản tại Thủ-đô Saigon, thỉnh thoảng có đăng tin về sự tìm thấy hoặc khai thác những suối nước nóng, như suối Xuyên-mộc, suối Vĩnh-Hảo, v.v...

Xét vì những suối nước nóng là một nguồn lợi kinh tế quan trọng, chúng ta cần phải biết rõ thế nào là suối nước nóng, tính chất và công dụng những suối nước nóng, cùng những giai thoại kỳ thú về các suối nước nóng đang âm thầm bốc hơi, khắp các nơi trên lãnh thổ Việt-Nam.

I.— Định nghĩa các thứ suối

Trước khi bàn đến suối nước nóng, chúng ta nên định nghĩa rõ ràng chữ suối.

Suối do chữ Thủy 水 mà người Tàu đọc là « xúi », rồi bị Việt-âm-hóa thành suối. Suối là một giòng nước nhỏ mới phát ra, nước trong như lọc, thường chảy róc rách ở miền núi hoặc ở cao nguyên trước khi chảy ra sông ngòi hoặc tự nó tản mác không đi đâu xa. Suối là cả một hình ảnh thi vị ngàn đời, cho nên người ta thường nói = suối mơ, suối tiên, suối đàn, suối reo, suối huyền, suối ngọc, như trong những câu thơ sau đây :

Trong như tiếng hạc bay qua,
Đục như nước suối mới sa nửa vời.

(Nguyễn-Du — Kim-Vân-Kiều)

Nước suối lạnh dầy mành ngừng đứt,
Ngừng đứt nên phút bặt tiếng tơ.

(Phan-Huy-Vịnh — Tì bà hành)

Này suối giải oan, này chùa Cửa Vọng,
Này am Phật tích, này động Tuyết-quỳnh.

(Chu-Mạnh-Trinh — Phong cảnh Hương-sơn).

Non cao những ngóng cùng trông,
Suối tuôn giòng lệ chờ mong tháng ngày.
(Tản-Đà — Thề non nước)

Lá đào rơi rắc lối Thiên-Thai,
Suối tiễn oanh đưa những ngậm ngùi.
(Tản-Đà — Tống biệt).

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan ?
. . . . .
Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng,
Giải nước đen giả suối chẳng thông dòng.
(Thế Lữ — Nhớ rừng)

Theo chim tiếng sáo lên khơi,
Lại theo giòng suối bên người Tiên nga
(Thế Lữ — Tiếng sáo Thiên-Thai)

Đứng dựa non sao bờ suối ngọc,
Hồn say dịu dịu mộng êm êm.
(Quách Tấn — Dalat đêm sương)

Suối cũng làm cho ta liên tưởng đến : nguồn, ngọn, khe, mạch, là những danh từ cần phải phân định ý nghĩa rõ ràng :

Nguồn do chữ nguyên (源) bị Việt-âm-hóa, cũng như nguyên do (源 由), có nghĩa là duyên cớ, nhưng khác với nguyên thủy (源 始) có nghĩa là buổi đầu tiên. Cũng có thể chữ nguồn biến hóa ra chữ ngòi « ngọn » chăng ? Dù sao, nguồn là giòng nước khi mới phát xuất của một con sông.

Trăm năm tính cuộc vuông tròn,
Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông
(Nguyễn-Du — Kim-Vân-Kiều)

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?
(Nguyễn-Du — Kim-Vân-Kiều)

Lần theo ngọn nước lâu lâu,
Gió lay chiếc cọc thuyền mau lướt chài.
(Nguyễn-huy-Hồ — Mai-Đình mộng ký)

Non xanh đã biết hay chưa ?
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.
(Tản-Đà — Thề non nước)

Tiên nga tóc xả bên nguồn,
Hàng tùng rủ rỉ trên cồn đìu hiu.
(Thế-Lữ Tiếng sáo Thiên-Thai)

Nhà em cách bốn quả đồi,
Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng.
(Nguyễn-Bính — Xa cách)

Khe do chữ khê là khe nước ở chân núi. Khe không ở đồng bằng và có thể khô cạn bất thường, không như suối và nguồn có nước thường xuyên :

Cheo leo sườn núi trông sang,
Khe kia, suối nọ, ngổn ngang mấy trùng.
(Nhị-Độ-Mai)

Sương đầu núi buổi chiều như dội,
Nước lòng khe nẻo suối còn sâu.
(Đoàn-thị-Điểm — Chinh phụ ngâm)

Cầu thệ thủy nằm trơ cồ độ,
Quán thu phong đứng rũ tà huy,
Phong trần đến cả sơn khê,
Tang thương đến cả hoa kia cỏ này.
(Ôn như hầu — Cung oán ngâm khúc)

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái,
Lững lơ khe yến cá nghe kinh.
(Chu-Mạnh-Trinh — Phong cảnh Hương-Sơn)

Mạch do chữ mạch (脈) là đường huyết chạy trong thân thể người ta. Rộng nghĩa là con nước chạy trong lòng đất phun rỉ một cách thầm kín, e lệ. Thường phải

đào sâu mới tìm thấy mạch, không có lộ thiên như suối, khe, nguồn, ngọn. Người ta nói = mạch giếng, long mạch, chằn mạch, tai vách mạch rừng, v. v...

Từ thuở nào, suối khe nguồn ngọn là nguồn cảm hứng vô tận của các văn nhân thi sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ v. v...

Nhưng dưới con mắt nhà khoa học, thì suối khe, nguồn, ngọn, lại có một hình ảnh khác và nhiều ý nghĩa phức tạp hơn. Nhà khoa học chia suối ra làm nhiều loại khác nhau.

Có thứ suối thật (vraie source) và cũng có thứ suối giả (fausse source, résurgence) thường thấy ở những miền đá vôi, nó chảy ra một đoạn rồi biến đi đâu mất.

Về những suối có chất diêm và trị bịnh (sources thérapeutiques) người ta cũng chia ra làm 2 loại :

1) Suối nước lạnh (sources neptuniennes) dưới hình thức những vũng nước không rõ ở đâu ra, nằm trên một lớp đất không thấm nước, và nước có nhiều chất diêm bền vững (fixité de composition), nhưng tuyệt nhiên không có những chất « ions ».

2) Suối nước nóng (sources plutoniennes) có tên là thang hoàng hay là ôn thủy từ các lớp đá nóng (roches ignées) trong lòng trái đất chảy ra, nhiệt độ khá cao và siêu hoạt (hyperactivé) từ chỗ xuất hiện (émergence) cho đến chỗ ổn định (stabilisation) thường sôi sục và linh động (vibrantes et vivantes). Những thứ nước này không có sẵn chất diêm (sel) nhưng có nhiều chất « ions » dương (cations) và (ions) âm (anions) có khả năng hợp lại để tạo thành chất diêm. Đến khi ấy thì nước không còn linh động nữa.

Muốn phân chất nước nóng, phải lấy nước khi mới phun ra hoặc khi đã ổn định. Trường hợp thứ nhất, người ta sẽ kiếm bao nhiêu chất ions ; trường hợp thứ hai, người ta sẽ tìm những chất diêm đã kết hợp lại.

Về những suối linh động (eaux vivantes), người ta nhận thấy có nhiều thứ hơi lạ bốc lên như : argon, krypton, xénon, néon, có tính chất trị bịnh mãnh liệt nhờ những chấn động nguyên tử (vibrations atomiques), cũng có thứ suối có tính phóng xạ (radioactivité) vì có những chất quang như = radium, uranium, actinum.

Chính nhờ hơi bóc lên và tính phóng xạ mà các suối nước nóng, ngoài những chất diêm đã sẵn có, giúp rất nhiều cho sự trị bịnh.

Phân loại các suối nước nóng

Khi ta nghiên cứu hoặc tìm ra một suối nước nóng, chúng ta phải chú ý đến bốn điểm sau đây :

1) Những hơi bốc lên (émanations gazeuses) và tính phóng xạ (radioactivité) nếu có.

2) Độ nóng của suối (thermalité)

3) Sự hiện diện của những chất diêm (agrégat minéral).

4) Những chất hữu cơ (matières organiques) do những sinh vật và thảo mộc của địa điểm trà trộn.

Đại khái những suối nước nóng chỉ xuất hiện ở những miền địa chất có bị rạn nứt (régions de fracture), ở những nơi xưa kia hoặc hiện nay có nhiều hỏa diệm sơn.

Sở dĩ nước ta có nhiều suối nước nóng là vì ở ven Thái-Bình-Dương có nhiều hỏa diệm sơn nhất, rải rác thành một vòng tròn lửa nóng được gọi là hỏa hườn Thái-Bình-Dương (ceinture de feu du Pacifique), trong ấy quần đảo Phù-Tang là điển hình.

Chúng ta sẽ phân loại những suối nước nóng theo lối thông thường, nghĩa là chỉ căn cứ ở sự hiện diện của các loại diêm nhiều hay ít mà gọi cho dễ nhớ :

1) *Suối có chất kiềm* (sources alcalines) có những chất bi cát bô nát, xút (soude) lưu hoàng (sulfate) và cơ lô (chlorures).

2) *Suối có chất ác xơ nit* (arseniate de soude, arséniate de fer).

3) *Suối có chất vôi* (sources calciques) có chất calcium.

4) *Suối có chất cơ lo* (sources chlorurées) có thêm chất muối mặn, tô đá, lưu hoàng, v.v...

5) *Suối có chất sắt* (sources ferrugineuses), có thứ suối nóng, có thứ suối lạnh.

6) *Suối có chất lưu hoàng* (sources sulfureuses), cũng có thứ suối nóng và suối lạnh, bốc nhiều hơi hiếm hoi (gaz rares).

7) *Suối chưa phân định* (sources non déterminées).

II.— Danh sách suối nước nóng Toàn Quốc

Từ xưa đến nay, nhà cầm quyền Việt-nam luôn luôn để ý đến những suối nước nóng, có tên là ôn thủy (溫水). Trong quyển « Đại-Nam nhất thống chí », nói về từng tỉnh, có ghi một số suối nước nóng. Về sau, các nhà bác học tây phương đã tìm thêm và nghiên cứu nhiều suối mới như : Claude Madrolle, F. Blondel, E. Saurin, H. Fontaine và Bác-sĩ Sallet, cựu Giám-Đốc y tế Trung-Việt.

Cho đến ngày hôm nay, người ta tính ra có đến gần 100 suối nước nóng trên khắp lãnh thổ Việt-Nam.

1.— BẮC-VIỆT

Cao-bằng :	Suối Ha-Lang	(22°)
	— Kim-Ma	
	— Pac-Bo	
Hà-Giang :	Suối Houang-sou-pi	
	— Mô-Lượt	(8°)
Hòa-bình :	Suối Qui-Hòa	
Lai-Châu :	Suối Đet	(50°)
	— Na-Ha	
	— Na-Ten	(30°)
	— Xang	(50°)
	— Mường-Lai	(20°)
	— Mường-Loi	
Lao-Kay :	Suối Mạc	
	— Cha-pa	
Ninh-Bình :	Suối Nho-quan	
	— Mai-phương	
	— Yên-Xuyên	
Sơn-La :	Suối Ít-Tong	
	— Mong	(39°5)

— Pe-Trong
— Peo
— Phu-mao
— Van
— Bo-giêng
— Mương-Pia
— Xiêng Pok

Tuyên-Quang : Suối Nhan-gia
— Vị-khê

Yên-Báy : Suối Kị
— Phay (36°)
— Gia-Hồi (37°)
— Hành-Sơn
— Tư-Lê

2.— TRUNG-VIỆT

Nghệ-An : Suối Bến-Thủy

Hà-Tĩnh : — Hà-Tân

Quảng-Trị : — Hương-hóa (71°)
— Tân-Lâm

Thừa-Thiên : Suối Hương-Bình (Tây-lãnh, Tả-trạch).
— Thanh-Tân (An-Lỗ, Cô-Bi) 60°

Quảng-Nam : Suối Kỳ-Quế (Phước-Lôi) 71°
— Kỳ-Long (Ngọc-Nhả) (46°)
— An-Điềm (Đại-Lộc)
— Đông-Nghe (Mang-Sơn, Bà-Nà) 46°
— Phúc-Thọ (Phước-Bình) 58°
— Ban-Thạch (Đại-Sơ) 60°

Quảng-Ngãi : Suối Mô-Đức (Thạch-Trụ) 52°
— Tu-Sơn (phía Bắc suối Mộ-Đức) 54°
— Nghĩa-kỳ (Mỹ-Thanh, Phú-Thạnh) 72°
— Nghĩa-Thăng (gần Nghĩa-kỳ) 75°
— Phước-Thọ (Cu-Va, Thạch-Nham) 57°
— Bình-Hòa I (Lộc-Thanh) 64°
— Bình-Hòa II (gần Bình-Hòa I) 58°
— Bình-Tây

Bình-Định : Suối Phú-Cát, 77°
— Hồi-Văn (gần Phú-Cát) 73°

Phú-Yên : Suối Phú-Sen 66°
— Triêm-Đức 75°
— Phước-Long (Ba-Gò) 55°
— Cây-Vung (xuân-quang, Đồng-xuân)

Khánh-hòa : Suối Danh-Thanh (Diên-Khánh) 66°
— Ninh-Hòa (gần Đức-Mỹ) 68°
— Tu Bông (cách Vạn-giả 15 cs.) 58°

Ninh-Thuận : Suối Tân-Mỹ (Xóm Gong) 50°

Phan-Thiết : Suối Nha-me (Nước-ngọt) 35°5
— Long-Sơn 32°
— Châu-Cát (Phu-Diên)
— Vĩnh-Hảo (36°)

3.— CAO-NGUYÊN

Pleiku : Vũng cheo Reo

Kontum : Suối Rang-Ria 65°
— Kon-Du 61°

— Dak Roman 48°
— Dak To 45°
— Kon Brai 57°
— Dak Ronu
— Kray To 49°
— Kray Ktau
— Kray Rkuy
— Kray Hmu
— Kray Begram

4.— NAM-VIỆT

Long-Xuyên : Suối Tri-Tôn (suối nước lạnh) : có chất diêm
— Núi Cô-Tô (nt.)

Kiến-Hòa : Suối Minh-Đức (nt.)

Biên-Hòa : Suối Cho-Vò (nt.)
— Phước-Lai (nt.)

Phước-Tuy : Suối Cù-mỹ (Bình-Châu, Xuyên-Mộc) 76°

Bình-Tuy : Suối Dan Gun (Lagna) 39°
— Tanh-Linh (Đông-kho) 40°
— Phong-Điền (Hàm-Tân) 49°5
— Núi Ta Kou 42°

★

Tổng kê :	*Suối nóng*	*Suối lạnh*
Bắc-Việt	33	
Trung-Việt	34	
Cao-Nguyên	12	
Nam-Việt	5	5
Tổng cộng	84	5

III.— Tính chất, công dụng và khai thác suối nước nóng

Người ta dùng nước suối bằng hai cách = hoặc uống (boisson) hoặc tắm (balnéation), hoặc vừa uống vừa tắm.

Điều thiết yếu là phải biết rõ tính chất và phân loại của mỗi suối, để trị đúng chứng bịnh. Đại khái :

1) Những suối có kiềm chất (sources alcalines, bicarbonatées sodiques) như Vĩnh-Hảo, Nha me, sông Long-Sơn dùng để trị những bịnh về bao tử, gan, sốt từng cơn (fièvre intermittente), bạch huyết (affections lymphatiques).

2) Những suối có chất ác xơ nit (sources arsenicales) như Tân-Lâm dùng để trị bịnh về hô hấp, phổi, suyễn (asthme).

3) Những suối có chất can xi um (sources calciques), như Gia-Hội, Hành Sơn, Thanh-Tân, uống thì tốt cho sự tiểu tiện (diurétiques), tắm thì khoẻ (sédatif), trị các chứng bịnh phong thấp (rhumatisme), sưng khớp xương (arthritisme).

4) Những suối có chất cờ lo (sources chlorurées sodiques), như Bình-Hoà, Ôn Thủy, Thạch-Trụ, Tu-Bông, Cheo-Reo, Tu-Sơn, Kỳ-Quế, Kỳ-Long, Cù-Mỹ, có thể trị những chứng bịnh về ứ máu trên óc, trong cơ quan sinh dục của đàn bà, các chứng bạch huyết, tràng nhạc (scrofule) và phong thấp.

5) Những suối có chất sắt (sources ferrugineuses) như Dangun, Minh-Đức, dùng để trị chứng thiếu máu (anémie) và vàng da (chlorotiques).

6) Những suối có chất lưu hoàng (sources sulfureuses) như Phước-Bình, Bo Dạt, Nho-Quan, Hương-hóa, Daktô, trị các chứng bịnh hô hấp, ghẻ sài (dermatoses), nhức óc (névralgie) và phong thấp (rhumatismes).

Hiện nay ở nước ta, chỉ có suối Vĩnh-Hảo là được khai thác theo phương pháp khoa học, thiết tưởng chúng ta cũng nên đi sâu vào chi tiết để tìm hiểu một kỹ nghệ mới.

1) *Suối Vĩnh-Hảo* ở cây số 276 đường Quốc lộ, giữa chặn đường Phan-Rang, Phan-Rí, cách biển 3 cây số, ở dưới chân một rặng núi từ Djiring chạy về.

Suối Vĩnh-hảo đã khét tiếng từ nghìn xưa. Nước suối cũng như những chất diêm cô đọng lại quanh bờ suối đã được người Chàm và người Việt dùng để thay thế xà phòng. Suối Vĩnh-hảo cũng như các suối == Nha me (Ea Moemih : nước ngọt), sông Long-sơn (núi rồng), Châu-cát, đều có sinh ra chất « cát lồi », vì vậy những suối này còn có tên là suối kết tinh (sources cristallisantes).

Từ xưa, người Chàm đã dùng nước suối Vĩnh-hảo trong những tế lễ thần linh. Họ còn dùng « cát lồi » (một thứ cát bô nát) để chế ra một thứ nước thánh (eaux lustrales) dùng để rửa những tượng đá thần thánh cho sạch bụi và trơn láng. Thứ nước này gọi là « Ea mu » được xếp vào hàng hai, sau nước trầm hương (Ea galhau) và trước nước chanh (Ea Krouoc).

Suối Vĩnh-hảo đã được Cụ Bùi-huy-Tín khai thác từ năm 1928 với Công-ty « Société Civile d'Études des Eaux minérales de Vĩnh-hảo ». Công ty này đã đào một cái giếng sâu 3 thước gần miệng suối và dùng bôm máy có thể hút lên được 10.000 lít một giờ, nhưng mực sản xuất trung bình lúc bấy giờ chỉ độ 3.000 lít một giờ mà thôi.

Nước suối Vĩnh-hảo đã được đem bán cho công chúng từ tháng 10 năm 1930 cho đến trận bão 3-5-1932 thì mọi cơ sở đều bị hư hại nặng nề.

Đến tháng 3 năm 1937, hội « Société anonyme d'Exploitation des Eaux Minérales de Vĩnh-hảo » được thành lập để tiếp tục việc khai thác. Từ 1937 đến 1943, công ty đã sản xuất như sau :

1937	. . . . .	52.500 lít
1938	. . . . .	35.500 —
1939	. . . . .	30.600 —
1940	. . . . .	25.150 —
1941	. . . . .	93.100 —
1942	. . . . .	90.350 —
1943	. . . . .	65.525 —

Đến năm 1946, công việc khai thác bị gián đoạn vì thời cuộc và phải đợi đến năm 1956, một công ty mới ra đời lấy tên là « Vĩnh-hảo công ty », công ty hợp vốn, bán công bán tư (Nha Kế-Hoạch Đại diện Chính phủ Cộng-hòa 51%, tư nhân = 49%).

Công-Ty này đã đưa ra thị trường những chai nước quý có nhãn hiệu trang nhã, làm cho ta nhớ đến những chai nước Vichy và Vittel.

Để các bạn có một ý niệm rõ ràng về tính chất nước suối Vĩnh-hảo, chúng tôi xin đăng tải nguyên văn bản phân chất một mẫu nước Vĩnh-hảo do Viện Pasteur Saigon phụ trách :

Turbidité (Turbidimètre de Diénert et Guillerd) en cm3 de solution mastic.	1,70 cm3	
pH	6,7	
Gaz dissous :		
Oxygène (O2)	3,5 mg/l	
Anhydrique carbonique (CO2)	792,0 —	
Sels dissous :		
Résidu à + 110° C	2.344,0 —	
Résidu à + 500° C	2.258,0 —	
	Milligr. par litre	Milliéq. par litre
Anions :		
Fluorures = F —	10,0	0,53
Chlorures = Cl —	19,8	0,56
Nitrites = NO2 —	Néant	Néant
Nitrates = NO3 —	Néant	Néant
Carbonates acides = CO3H —	2.584,0	42,38
Carbonates neutres = CO3 — —	—	—
Sulfates = SO4 — —	Néant	Néant
Silicates = SiO3 — —	77,5	2,04
Phosphates = PO4 — — —	6,8	0,21
TOTAL.	2.698,1	45,72

Cotations :		Milligr. par litre	Milliq. par litre
Sodium	= Na +	955, 2	41, 55
Potassium	= K +	38, 5	0, 99
Ammonium	= NH4 +	Néant	Néant
Calcium	= Ca +	37, 1	1, 86
Magnésium	= Mg + +	11, 6	0, 97
Fer	= Fe + +	0, 6	0, 02
Aluminium	= Al + + +	2, 2	0, 24
	TOTAL.	1.045, 2	45, 63

Déterminations particulières :

Arsenic	0, 07 mg/l
Sulfures	Néant
Sulfites.	Néant
Thiosulfates.	Néant
Alcalinité à la phénolphtaléine.	Néant
Alcalinité au méthylorange (en CO3H Na)	3.422, 3 mg/l

Ngoài suối Vĩnh-Hảo ra, người ta cũng đang xin khai thác suối Cù-My ở xã Bình-Châu, quận Xuyên-Mộc, tỉnh Phước-Tuy (Bà-Rịa).

2) *Suối Cù-My.*— Người ta đã để ý đến suối này từ lâu. Bác sĩ Sallet đã viết từ năm 1928 trong tạp chí của Hội Nghiên-cứu Đông-Dương rằng : « Xưa kia người Chàm dẫn côn đồ và tội nhân đến nơi này để ngâm nước

nóng cho đến khi chết ». Suối nằm ở giữa một khu rừng tràm (melaleuca leucadendron) mọc trên truông cát trắng. Phải đi từ Xuyên-Mộc đến Bình-Châu trên một con đường cát quanh co, rồi từ Bình-Châu rẽ về phía Đông-Bắc 8 cây số nữa. Nước suối đã được phân chất nhiều lần = 7-5-1956, 25-2-1957 và 8-3-1957. Đại khái, suối Cù-My thuộc về loại suối có nhiều chất diêm (source chlorosulfatée, sodique et calcique), gần giống như suối Brides - les - bains (Savoie) và Bourbonne - les - bains (Haute Marne) ở Pháp — (xem Rapport sur le fonctionnement technique de l'Institut Pasteur, 1957).

IV.— Giai thoại về suối nước nóng

Suối đã hiện ra từ thuở khai thiên lập địa. Theo Thánh kinh (Bible) thì « thuở ban đầu thần linh của đấng Tóa-Hóa chuyển động trên khắp mặt nước » (Au commencement, ... , l'esprit de Dieu se mouvait sur les eaux). Theo sáng thế luận (La Genèse) thì Đấng Tạo Hóa đã làm ra ánh sáng để phân biệt ngày đêm trong ngày thứ nhất của tuần lễ đầu tiên. Qua ngày thứ hai, Đấng Tạo Hóa làm ra khoảng không gian gọi là trời, để làm giới hạn cho biển cả và đại dương (qu'il y ait une étendue entre les eaux et qu'elle sépare les eaux ave les eaux).

Xem như thế, chúng ta đoán rằng lúc ban đầu vũ trụ nói chung và trái đất nói riêng là một khối tinh vân cô đọng dần dần thành một chất lỏng, rồi chất lỏng ấy cô đọng lại một phần thành chất đặc, vì vậy mà có bầu trời, sông biển và thổ sơn. Có lẽ lúc ấy, nước hãy còn nóng rồi mới nguội dần dần ; cho nên chúng ta có thể đoán rằng : *suối nước nóng đã xuất hiện trước suối nước lạnh.*

Các nhà bác học cho rằng tỉ số giữa đất và nước là một phần tư (1/4), nghĩa là 1 phần đất thì 3 phần nước trên quả địa cầu, theo đúng tỉ số hợp chất trong con người ta cũng gồm có ba phần tư chất nước (75%).

Cũng theo sáng thế luận, cái suối đầu tiên đã chảy từ Eden (Thiên viên) để tưới cái vườn trời đầy hoa thơm cây lạ và nhất là cái cây để biết điều hay dở (arbre de la connaissance du bien et du mal). Sông này chia ra 4 nhánh chảy về bốn phương trời để đem sự sống đến mọi nơi.

Như vậy nghĩa là có sông có nước mới có sự sinh sống. Cho nên trong lịch sử nước ta, khi Chúa Nguyễn-Hoàng vào trấn đất Thuận-Hóa năm 1558, khi đi ngang qua đồi cát thuộc huyện Đăng-Xương (bây giờ là phủ Triệu-phong), tỉnh Quảng-Trị, dân vùng này tự động dâng 7 vò nước. Thấy vậy, ông Thái Phó Nguyễn-Ư-Kỷ mới phát biểu ý kiến : « Ngài vừa vào trấn đất Thuận-Hóa mà dân chúng đã dâng « nước » tức là họ cầu chúc trấn này sẽ thành một « nước ». Nguyễn-Hoàng mới chọn Ái tử để lập dinh và xưng là Tiên-Chúa. Như vậy, điều kiện thiết yếu của một nước là phải có « nước » và một bãi sa mạc dù to lớn đến đâu cũng không thành một nước được ».

Khe, suối, sông, ngòi của một nước chẳng khác gì hệ thống huyết mạch của con người. Riêng những suối nước nóng lại càng kích thích tò mò của người ta và cũng có thể cho họ một nguồn cảm hứng dồi dào.

Sử chép rằng năm 1837 vua Minh-Mạng có cho cất một sơn tạ tại nguồn Tả-trạch, bên cạnh suối nước nóng Tây-lãnh. Ngài cũng cho đào sâu lòng suối để xem có gì lạ ở dưới không. Đến đời vua Thiệu-Trị, ngài cũng thường lên viếng nguồn Tả-Trạch (cách Huế 30 cây số ở về phía Nam) và ngâm vịnh trước cảnh đẹp của núi sông.

Nguồn Tả-Trạch và suối Tây-lãnh đã được vua Thiệu-Trị liệt vào số hai mươi thắng cảnh của Thần kinh :

1) Trùng minh viễn chiếu (trăng sáng lầu Minh-Viễn)

2) Vĩnh thiệu phương văn (thưởng hoa vườn Thiệu-Phương)

3) Tịnh hồ hạ hứng (chơi hồ Tịnh-Tâm mùa hạ)

4) Thư uyển xuân quang (ánh xuân vườn Thư-quang)

5) Ngự viên đắc nguyệt (vườn ngự trăng soi)

6) Cao các sinh lương (hóng gió mát ở gác cao)

7) Trường ninh thủy điếu (câu cá ở cung Trường-Ninh)

8) Thường mậu quan canh (xem cày ở vườn Thường-mậu)

9) Vân-Sơn thắng tích (Cảnh đẹp chùa Túy-Vân)

10) Thuận-Hải qui phàm (thuyền về cửa Thuận)

11) Hương-giang hiểu phiếm (buổi sớm bơi thuyền sông Hương)

12) Bình lãnh đăng cao (núi Ngự lên cao)

13) Linh hựu khánh hưởng (tiếng khánh ở quán Linh-hựu)

14) Thiên mụ chung thanh (tiếng chuông chùa Thiên mụ)

15) Trạch nguyên tiếu lộc (nai kêu nguồn Trạch)

16) Hải nhi quan ngư (xem cá đầm Hải-nhi)

17) Giác Hoàng phạm ngữ (tiếng tụng kinh chùa Giác-hoàng)

18) Huỳnh tự thư thanh (tiếng đọc sách ở Quốc tử giám)

19) Đông lâm đặc điểu (bắn chim ở rừng phía Đông)

20) Tây lãnh thang hoằng (vùng nước nóng ở núi Tây).

Trong số 20 bài vịnh cảnh Thần kinh nói trên, chúng tôi xin trích đăng bài thứ 18 vịnh suối nước nóng Tây-lãnh như sau :

Tây lãnh thang hoằng.
Cố phục bồi du ức tích niên,
Thừa nhan bác lãm chí kim truyền.
Nhất hoằng uẩn súc chưng dương hỏa,
Vạn trượng phi xung dược thủy yên.
Bất giả Phùng-di thường dũng phất,
Mạn giao Hồi-lộc diệu ngoa tiên.
Kham dư chung dục thùy linh tích,
Dược thạch hư đàm khủng vị nhiên.

Thiệu-Trị (1841-1847)

Tạm dịch là :

Nhớ năm xưa có hầu (tiên hoàng) đến chơi chỗ này

Sự du lãm (của Tiên hoàng) đến nay còn truyền tụng.

Một suối đầy, bốc hơi nóng nghi ngút.
Hơi bốc lên như khói cao muôn trương
Không mượn Phùng-di thường đun nấu
Không cần Hội-lộc phải nấu sôi
Đất đai un đúc để lại dấu linh,
Người bảo dùng làm thuốc chữa bệnh, e chưa phải.

Nếu ngày xưa, vua Việt-Nam đã chú ý đến các suối nước nóng, thì các vua Chiêm-Thành cũng đã biết thưởng thức và xử dụng những ôn thủy và nhiệt thủy trong xứ họ.

Sử chép rằng năm 1293, vua Chàm có gởi một đoàn ngoại giao sang nước Đại-Việt, nhân lễ đăng phong của vua Trần-Anh-Tôn, sau khi vua cha là Trần-Nhân-Tôn thoái vị, đặng an hưởng thái bình.

Đến đầu năm 1301, vua Chiêm lại gởi thêm một phái đoàn ngoại giao để thắt chặt tình thân hữu. Thái-Thượng-Hoàng là Trần-Nhân-Tôn, lúc bấy giờ đang tu ở núi Yên-Tử, muốn lịch lãm khắp núi sông trong thiên hạ nên mới du phương, theo sứ bộ về Chiêm Quốc. Thượng-Hoàng được vua Chế-Mân trọng đãi như quốc khách và đưa đi xem tất cả những thắng tích của Chiêm-Thành, nhất là trong miền Panduranga, là nơi có nhiều suối nước nóng, trầm hương, yến sào và bạch tượng,

Thượng-Hoàng ở lại Chiêm quốc 9 tháng và khi ra về có hứa gả Huyền-Trân Công-Chúa cho Chế-Mân, để đáp lại tấm thịnh tình của Chiêm-vương.

Do đó mới có cuộc đính hôn giữa Chế-Mân và Huyền-Trân Công-Chúa năm 1306, sau khi họ Chế bằng lòng dâng hai châu Ô, Lý làm sính lễ. Tục truyền rằng khi về Chiêm-Thành, giữa những cung điện nguy nga của thành Đồ Bàn muôn thuở, Huyền-Trân được phong chức Hoàng-hậu Parameevari và được Chế-Mân sủng ái vô cùng.

Cặp trai tài gái sắc Chiêm-Việt đã đưa nhau đi du lịch khắp núi sông để tận hưởng duyên nồng và họ đã dừng chân bên bờ suối Vĩnh-hảo, một danh từ có lẽ đã do Huyền-Trân đặt ra để cầu mong hạnh phúc lâu dài.

Ngày nay, khách viễn du không khỏi bùi ngùi khi tìm thấy vết tích những nền xưa rêu phong hiu quạnh, cạnh một rừng mai hoa nở quanh năm, như để nhắc nhớ một cuộc tình duyên mong manh đã diễn ra cách đây hơn 700 năm bên cạnh một dòng suối nước nóng...

THÁI-VĂN-KIỂM

☆ Khi bạn nghe có kẻ nói với bạn : « không thể làm được », bạn hãy hiểu câu ấy thường có nghĩa là : « có thể làm được, nhưng tôi chưa làm hết sức »

TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG (1)

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIỄN-NGU-Í

IV

Trước Đại-Ẩn-Am tiên sinh, cũng đã có người nghĩ rằng *chích* và *đầm* là hai nơi chốn.

Người đó là người chú thích một bản in « Lục-Vân-Tiên » kia. Nhưng có lẽ không hiểu được *chích* là gì như tiên sinh Đại-Ẩn, nên ông ấy viết là :

Nghêu ngao nay vũng, *mai* đầm.

Quả thật hai tiếng ấy làm cho người đọc nghĩ ngay đến nơi chốn vì lời tục thường nói : « *Nghêu ngao rày đây mai đó.* »

Chúng tôi cũng thoạt tiên đã nghĩ như thế, nhưng tìm cho *chích* một nghĩa là nơi chốn không xong, nên chúng tôi lại thôi.

Ông Đại-Ẩn-Am nói giữa Châu-đốc và Hà-tiên có xóm « Đầm-chích », và định rằng chữ *chích* có lẽ do chữ *trạch* mà ra (2).

Nhưng một chữ Nho, muốn cho được thông dụng và biến thể như thế, phải được dân chúng dùng rất phổ thông, thí dụ tiếng *mà* mà chúng tôi đã định nghĩa kỳ rồi, thí dụ tiếng *xị* (thị) biến ra *chợ* v.v...

Thử hỏi tiếng *trạch* có được phổ cập hay không, và cái tiếng đã biến rồi là tiếng *chích* có được phổ cập hay không.

Giả thuyết của ông anh ở am Đại-Ẩn, hữu lý, nhưng không chắc đúng, vì lẽ đã kể trên.

Lẽ thứ nhì là *trạch* và *đầm* gần giống nhau, thì cụ Đồ-Chiểu chắc không muốn nói :

(1) Khởi đăng từ số 37.

(2) Xin xem ý kiến ông Vương-Hồng-Sển ở phần « *Phụ* ».

« Nay tôi chơi đầm, mai tôi chơi đầm ».

Trong đầm cũng có cỏ có lác thì đầm và trạch như là một.

Tên xóm Đầm-chích là bằng cớ thuận cho chúng tôi. Đó là xóm mà dân câu theo lối chích. Người ta không ghép hai tiếng cùng gần một nghĩa để gọi tên xóm.

Ở Rạch-giá lại có xóm « Xẻo-chích ». Xóm ấy không có cái *trạch* nào cả, mà là xóm câu kéo.

Vì thế, chúng tôi mới xoay ra tìm cho chích, đầm một nghĩa khác hơn là nơi chốn.

Tra tự vị Huỳnh-Tịnh Paulus Của (1), mới hay rằng đó là tiếng đã có người biết đến.

Chữ **chích**, theo Huỳnh-Tịnh Paulus Của thì do chữ « chích » là « lẻ » mà ra, chớ không phải do *trạch*.

Đây, định nghĩa của Huỳnh-Tịnh Paulus Của, trong quyển « Đại-nam quấc-âm tự vị »

Chích-nghệ : Nghề bắt cá theo sông rạch. Nghề chài lưới.

Đầm-chích : Nghề bắt cá theo chằm nò.

Chữ thứ hai mà Huỳnh-Tịnh-Của định nghĩa đúng y với tên xóm mà ông Đại-Ân-Am đã nói đến.

Nhưng định nghĩa ấy, mặc dầu cho ta biết đó là động từ chỉ một hoạt động nào, chớ không phải chỉ nơi chốn, nó cũng chưa ổn lắm.

Tuy nhiên, nhờ nó chỉ hướng tìm mà chúng tôi đã gạn hỏi nơi người tuổi tác ở Hậu-giang và đã viết định nghĩa gần như là họ nói, chớ không theo sát Huỳnh-Tịnh-Của.

Có lẽ đó là hai tiếng cổ chăng, như tiếng *chiêm* chẳng hạn, cách đây ba mươi năm còn dùng, nhưng bây giờ thì những bạn dưới bốn mươi thì không biết.

Dầu sao, nếu rủi ro ông Đại-Ân-Am không đúng thì ý nghĩ của ông cũng quí hơn là sửa *chích* thành *vũng*.

Xin nói thêm một lẽ nầy mà chúng tôi đã bỏ sót phía trên. Đại-Ân-Am tiên sinh cho rằng không lẽ « câu đã mệt rồi mà còn câu nữa ».

Thưa, có lẽ lắm, vì

Khoẻ *quơ chài kéo*, **mệt** *quăng câu đầm*,

Khoẻ cũng câu, mà mệt... cũng câu tuốt.

Lại cũng xin ghi lại đây một nhận xét của ông bạn Lê-Ngọc-Trụ. Đang cặm cụi với việc sửa ấn cảo quyển « *Việt ngữ chánh tả tự vị* », thế mà vừa gặp nhau, anh nhắc đến « danh từ địa phương miền Nam » và góp ý :

« Anh Đồng-Hồ hiểu « *đầm* » và « *chích* » là nơi chốn, tôi thấy cũng chưa ổn. Đầm, chích là khối nước ở trong đất liền, thì ông ngư của cụ Đồ-Chiểu kéo chân già đi từ nhà tới đầm, rồi từ đầm đi đến chích, chân cũng khá mỏi, mồ hôi ra cũng khá nhiều, chưa kể đồ nghề mang theo, thì làm sao mà « nghêu ngao » cho được ».

(1) « *Đại-Nam quấc âm tự vị* ».— Sàigòn, nhà in Rey và Curiol và công ti, 1895, 1896.

Rồi, có lẽ là việc ngàn năm... không hai thuở, con người đã, đang và sẽ khổ tâm, bận trí, tốn sức vì chữ và nghĩa ấy, lại cười, một nụ cười sáng chói, và ngâm lên, quên mình đang ở giữa một chồng sách cũ Tây, Ta, Tàu, Mỹ... khô như đá ».

« *Nghêu ngao nay chích mai đầm,*
« *Một bầu trời đất vui thầm ai hay...* »

✱

Bạn Nguyễn-Văn-Thế ở Vĩnh-long lại muốn chúng tôi định nghĩa luôn những nghĩa khác của tiếng *đầm*. Thí dụ đầm là ao nước rộng, đầm là người đàn bà Tây-phương v...v...

Nhưng những nghĩa ấy miền Bắc cũng đã biết (*Trong đầm gì đẹp bằng sen* ; và truyện ngắn *Người đầm* của Thạch-Lam), thành ra không phải là danh từ địa phương nữa, và định nghĩa nó là công việc của các nhà làm đại từ điển chớ không phải công việc của chúng tôi.

✱

Bạn Ng-V-Th. trách rằng sao Đại-Ẩn-Am tiên sinh vừa than phiền chúng tôi bảo bạn đọc xem thêm nơi sách khác, chớ không chịu trích các sách ấy ra, thì kỳ kế đó, định nghĩa tiếng *giáp nước*, chúng tôi lại cũng đưa bạn đọc qua sách khác.

Số là ông Nguyễn-Hiến-Lê cắt nghĩa hiện tượng giáp nước dài đến mấy trang sách, chớ nào phải bằng một, hay hai câu mà chúng tôi có thể chép lại được. Nhà báo sẽ than phiền phải trả nhuận bút cho chúng tôi về 6, 7 trang cóp ấy thì bạn tính sao ?

✱

Cũng bạn Ng-V-Th. mách giúp rằng ở Vĩnh-long, chữ **nhứng** lại có nghĩa là : *sắp*. *Nước nhứng lớn* = *Nước sắp lớn*. Đa tạ bạn Ng-V-Th.

✱

Lại bạn Ng-V-Th. trách sao, khi chúng tôi định nghĩa những tiếng về nước, lại bỏ sót tỉnh từ *đứng*. Chúng tôi không quên tiếng ấy, nhưng một người bạn đã nói là miền Bắc biết tiếng *đứng* rồi, thì không còn là địa phương nữa.

Tuy nhiên, cũng sẽ xin nói về tiếng *đứng* ở một kỳ sau, vì biết đâu người bạn ấy nói sai, và lại chúng tôi có câu thí dụ rất hay, nên cắt nghĩa để có dịp đưa câu thí dụ ngộ nghĩnh ấy ra.

✱

Luôn mấy kỳ, chúng tôi sưu tầm những danh từ mà gần như là chỉ có miền Nam là dùng thôi.

Kỳ nầy xin đưa những danh từ, tuy cũng chỉ miền Nam dùng, nhưng miền Bắc lại có tiếng tương đương.

Như thế, không cần định nghĩa dài dòng, chỉ cho hai tiếng tương đương đối chiếu là đủ.

Chúng tôi lại cố ý chọn những tiếng liên hệ đến đời sống hằng ngày, sự hữu ích của nó cụ thể và thiết thực trông thấy.

Từ đây, Nam Bắc bớt hiểu lầm nhau, nếu có đọc kỹ kỳ nầy.

Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í

Danh từ địa phương miền Nam

Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í sưu tầm và định nghĩa

(Soạn giả giữ bản quyền, nhưng các nhà làm tự điển được trích tự do, khỏi phải hỏi)

IV

Nhúng dương (*động từ ghép*). **Hồ lơ.**

Hồ lơ hú giựt (*nghĩ thanh từ* : onomatopée) Nhái tiếng gọi đò ban đêm. Nguyên là *Hò lơ* **hú giựt.**

Nó kêu hồ lơ hú giựt mà em nó không nghe.

Hồ lơ hú giựt (*trạng từ*) Cầu thả.

Mày làm hồ lơ hú giựt, tao sẽ đuổi mày.

Ủi (*động từ*). Là.— *Ủi đồ — Là quần áo.* Tiếng *đồ* trong Nam không có nghĩa tục.

Nói cà - rỡn (*động từ*). Nói bông, bông lơn, bông đùa.

Trửng (*động từ*). Nô đùa.

Rắn mắt (*tĩnh từ*). Nghịch, dùa nghịch.

Treo mùn (*động từ*) Mắc màn.

Lấy cốt (*động từ*) Bốc mộ

Đào mả (*động từ*) Quật mồ

Sọ người (*danh từ*) Đầu lâu

Đau (*tĩnh từ*) Ốm. Tiếng *đau* là tiếng dùng sai của bình dân. Người Nam ăn *nói rành rẽ thì nói bịnh.*

Ốm (*tĩnh từ*) Gầy.

Lời (*danh từ*). Lãi.

Mượn (tiền) *(động từ)*. Vay. Ở Nam vay luôn luôn có lãi, không lãi chỉ là mượn thôi.

Vay (tiền) *(động từ)*. Vay lãi.

Ăn lời (*động từ*). Ở đây, ngoài nghĩa : *lấy lãi* còn có nghĩa ăn gian tiền ai giao cho ta mua món gì.

Bún Tàu (*danh từ*). Miến

Nấm mèo *(danh từ)*. Mộc nhĩ

Hòm *(danh từ)*. Săng

Rương *(danh từ)*. Hòm

Mền (*danh từ*). Chăn

Chăn (*danh từ*). Cái sà-rong, đã định nghĩa ở kỳ I, số 37.

Hột lúc-lắc *(danh từ)* Con thò lò.

Chơm-bơm (*danh từ*). « Việt-Nam tự điển » của hội Khai trí tiến đức định nghĩa như vầy : « *chôm bôm = Miệng ngậm đầy lúng búng (Tiếng Nam-kỳ)* »

Sự thật thì ở « *Nam-kỳ* » không bao giờ có tĩnh từ *chôm-bôm*, mà chỉ có tĩnh từ *chơm-bơm* nhưng nghĩa lại khác.

Chơm-bơm là *rối bù* (chỉ nói về tóc thôi).

Khỏe *(tĩnh từ)*. Hết mệt.

Mạnh (*tĩnh từ*). Khỏe. Ở Bắc vẫn có tĩnh từ *mạnh* và vẫn dùng theo nghĩa ở đây, nhưng lại không dùng mấy khi.

Gớm *(tĩnh từ)*. Nhờm

Làm biếng (*tĩnh từ*). Lười. Ở Bắc vẫn có tĩnh từ *lười biếng*, nhưng ít dùng.

Thương (*động từ*). Yêu.

Tội-nghiệp (*động từ*) Thương, hoặc thương hại.

Tôi tội nghiệp anh ấy quá!

Tội nghiệp (tĩnh từ). Đáng thương hại.

Tình cảnh chị ấy thật tội nghiệp.

Hơ ấm (*động từ*). Sưởi.

Nói dóc (*động từ ghép*). Nói thánh nói tướng, nói khoác. Động từ này miền Bắc vẫn biết, nhưng có lẽ với nghĩa khác hay sao mà đồng bào di cư vào đây, dùng nó không đúng, nên cần nêu ra đây.

Kiểng (*danh từ*). cây cảnh.

Hòn non (*danh từ*) Non bộ

Bận (*động từ*) Mặc (áo, quần)

Mắc (*tĩnh từ*). Bận. *Tôi mắc lắm.* = *Tôi bận lắm.* Tĩnh từ này chỉ ở thôn quê dùng thôi. Ở chợ người ta mượn tiếng *bận* miền Bắc mà dùng.

Đệm (*tĩnh từ*). Bận. tĩnh từ *đệm* chỉ thông dụng ở vùng Rạch-giá thôi.

Hoài (*động từ*). Mãi

Mè (*danh từ*). Vừng

Bắp (*danh từ*). Ngô

Khoai lang (*danh từ*). Khoai: Miền Bắc *Khoai* chỉ độc món khoai lang thôi; Nam thì..

Khoai (*loại từ*). Chỉ rất nhiều thứ củ, có thể nói là tất cả các thứ củ

Ô (*danh từ*). Thứ cơi trầu hình tròn, đúc bằng đồng. Trong Nam, cây dù không kêu là cái ô.

Nhầm (*động từ*) Nên đặc biệt chú ý về tiếng *nhầm*. Tiếng này, Nam Bắc đều có và đều dùng cùng một nghĩa với nhau, nghĩa là đúng, đúng vào. Nhưng miền Nam phát âm sai dấu ◡ và dấu ^, nên khi nói *nhầm*, nghe ra như *nhằm* (lăm) thành ra người miền Bắc rất dễ nhầm.

Trái lại chúng tôi không phân biệt được ◡ và ^ nên khi người miền Bắc nói chúng tôi cũng dễ hiểu lầm.

Đã xảy ra nhiều trường hợp giận nhau đến đánh nhau vì hai tiếng *nhằm* và *nhầm*. Vậy khi đối thoại nhau, đôi bên nên đoán theo mạch câu chuyện mà cố hiểu coi cái tiếng thốt ra ấy mang dấu ◡ hay dấu ^.

Hai tiếng này Nam, Bắc đều dùng theo một nghĩa với nhau, đúng y không khác chút nào, sở dĩ hiểu lầm vì phát âm sai thôi, và không phân biệt được phát âm đúng thôi.

Cũng nên để ý: *ngẫm cho đúng*, Bắc gọi là *nhẩm*, Nam gọi là *nhẩm*.

Kiêu-ngạo (*động từ*) Kiêu ngạo thật ra là tĩnh từ. Nhưng đa số người miền Nam lại dùng sai với nghĩa khác, thành ra nó là động từ. Ở đây kiêu ngạo bị dùng sai và có nghĩa là nhạo báng. Chú ý: Người công-giáo Nam không dùng sai tiếng này.

Mốt (*danh từ*). Ngày kia.

Bữa kia (*danh từ*). Ngày tiếp theo ngày mốt, tức là tiếp theo ngày kia.

Bữa kìa (*danh từ*). Ngày sau bữa kia.

Hôm kia (*danh từ*). Ngày trước ngày hôm qua.

Hôm kìa (*danh từ*). Ngày trước ngày hôm kia.

Năm kia (*danh từ*). Năm trước năm ngoái.

Năm kìa (*danh từ*). Năm trước năm kia.

Hồi hôm (*danh từ*). Đêm trước cái ngày mà ta đang sống, đang nói. Miền Bắc phải chăng nói là : *khi đêm, khi tối* ?

Hồi sáng (*danh từ*). Khi sáng.

Hồi trưa (*danh từ*). Khi trưa.

Lấy (*động từ*). Ở đây, động từ lấy có một nghĩa rất xấu xa. Lấy là yêu nhau ngoài vòng lễ giáo. Nhưng nếu có danh từ chồng theo sau, thì hết nghĩa xấu.

Con tôi lấy chồng (nghĩa tốt).

Cô ấy lấy ông Đốc (nghĩa xấu).

Ưng (*động từ*). Ưng chỉ để nói người con gái bằng lòng lấy ai đó làm chồng, và chỉ có mỗi một nghĩa đó thôi. Miền Trung, ưng là ưa, thích là bằng lòng về mọi trường hợp. Có khi con trai mà cũng « *ưng* » nữa.

Nhõng-nhẽo (*tính từ*). Nũng nịu.

Giận lẫy (*động từ*). Dỗi.

Con vụ (*danh từ*). Con quay.

Hẹn (*động từ*). Ngoài cái nghĩa thông thường mà toàn quốc đều dùng, lại có thêm nghĩa *khất* (nợ) mà không cần thêm tiếng nợ ngoài sau.

Tôi đòi nợ, nó hẹn.

Ghiền (*tính từ*). Nghiện

Đậu phộng (*danh từ*). Lạc

Gàu-mên (*danh từ*). Ga-men. Do tiếng Pháp « Gamelle ».

Ghế bố (*danh từ*). Giường vải

Búa (*danh từ*). Ở đây cái « hache » cũng gọi là cái búa, sai nhưng không phải hoàn toàn vô lý. Nguyên cái rìu xưa, sống của nó nhọn, hoặc mỏng mép không dùng đóng đinh được. Chợt búa Tây gởi sang, cái sống bằng ; lưỡi dẻ dẹo, sống để đóng, thành ra vì dùng như búa nên rìu lại được gọi luôn là búa, đến đỗi gần quên mất tiếng « rìu ».

Đề nghị : Búa Tây dùng đóng được thì cả ba miền nên kêu nó là « *búa-rìu* », (marteau-hache), còn cái « hache » chỉ kêu là *rìu* trơn. Tiếng *búa* chỉ để gọi cái « marteau ». Còn tiếng *búa có nghĩa là rìu* của miền Nam, nên bỏ luôn.

Ghe *(danh từ)*. Ghe ở đây không có nghĩa thô tục nào cả và chỉ chiếc thuyền.

O *(động từ)* Chim (gái)

Mèo *(danh từ)*. Nhân tình

Gói thuốc (*danh từ*). Bao thuốc.

Hộp diêm hay hộp quẹt (*danh từ*). Bao diêm.

Hộp quẹt máy (*danh từ*). Cái bật lửa.

Kiều (*danh từ*). Sứ

Hàng (*danh từ*). Lụa

Bén (*trạng từ*). Suít. *Tôi bén té = Tôi suít ngã*

Bén (*tính từ*). Sắc. *Mài dao cho thật bén để thiến heo.*

Mì (*danh từ*). Xực-tắc.

Mì thánh hay hoành thánh (*danh từ*). Hoẳng thẳng.

Bánh mì (*danh từ*). Bánh Tây

Khoai mì hay **khoai báng** (*danh từ*). Sắn

Củ sắn (*danh từ*). Củ của một thứ cây mà miền Bắc gọi là *sắn dây*.

Thơm (*danh từ*). Dứa

Mảng cầu (*danh từ*). Na

Sầu-đâu (*danh từ*). Gốc tiếng Miên là *X'dau*. Cây xoan. Có người cho rằng sầu-đâu do *xoan-đào* mà ra, nhưng tìm trong các sách Bắc không thấy tiếng xoan-đào. Vả lại, tại sao người miền Nam lại biến xoan-đào tốt đẹp ra sầu đâu xấu xí ? Tiếng Pháp : Lilas du Japon.

Nước rầm chảy thấu Tam-giang,

Sầu-đâu chín rụng sao chàng bặt tin.

Điệp (*danh từ*). xoan tây

Muỗng (*danh từ*). Ở đây, muỗng to, muỗng nhỏ, muỗng Tây, muỗng ta gì cũng gọi là muỗng cả.

Dĩa (*danh từ*) Đĩa.

Li (*danh từ*). Cốc.

Đồ nhậu (*danh từ*). Đồ nhắm.

La-de (*danh từ*). Bia (hãng bia ở đây âm là La-ve (tiếng Pháp : « la *bière* ») thì sai với giọng nói của người miền Nam).

Thuốc điếu (*danh từ*). *Thuốc lá.*

Thuốc lá (*danh từ*). Thuốc còn nguyên lá, chưa xắt ra.

Ống ngoái (*danh từ*). Cối giã trầu

Ngộ (*tính từ*). Nên chú ý rằng tính từ *Ngộ* dùng để nói *xinh, đẹp* là do bình dân và người đồng bái thôi. Toàn miền Nam, tiếng *Ngộ* có nghĩa khác nầy. Ngộ là ngoạn mục. Thí dụ : *Máy bay nhào lộn xem ngộ quá.* Ngộ lại có nghĩa là hay quá. Trong trường hợp nầy, Ngộ luôn luôn dùng một cách mỉa mai và dưới hình thức tán thán từ. Thí dụ : *Ngộ chưa ! Anh đã mắc nợ tôi lại còn đi kiện tôi nữa !*

Thối (*động từ*). Hồi tiền lẻ lại cho người mua khi người nầy đưa một số tiền cao hơn giá hàng.

Đánh trống (*động từ*) Đánh khăng.

Trả hoặc **trả giá** (*động từ*) Mặc cả. Miền Bắc vẫn có tiếng trả nhưng không dùng.

Thảy lổ-lạc (*động từ*) Đánh đáo.

Ống khói (*danh từ*). Thông phong

Ống nhổ (*danh từ*) Ống phóng

Lai quần (*danh từ*). Gấu

Xu-xoa (*danh từ*). Xoa-xoa, thạch xoa, thạch.

Đụt (*động từ*). Ẩn, núp, tránh.

Ví dụ : *Đụt mưa.*

Bộ ván (*nói tắt*) **Ván** (*danh từ*). Sập. Ván khác với sập ở Bắc : sập chân liền, có diềm, ván không cần hai thứ ấy, chỉ để trên thứ đồ kê nào cũng được.

Ván ngựa (*danh từ*). Ván kê trên hai con ngựa gỗ, có nơi nói tắt là *bộ*

ngựa hay *ngựa*. *Ván ngựa* phân biệt với...

Ván quì (*danh từ*). Ván kê trên một cái khung bốn chân dẽo cong như gối quì xuống. Nơi ván quì thì chân luôn luôn liền và có diềm như sập ở Bắc.

Phản (*danh từ*). Chữ Nho, nhưng rất thông dụng ở Hậu-giang và Tiền-giang, chỉ bộ ván. (1)

Vớ (*danh từ*). Tất

Xe đò (*danh từ*). Ô-tô hàng

Xe hàng (*danh từ*) Chúng tôi không tìm ra danh từ miền Bắc tương đương. Ở đây xe hàng là các thứ cam-nhông (camion) vận tải thuê mọi thứ hàng hóa.

(còn tiếp)

BÌNH-NGUYÊN-LỘC
và
NGUIỄN-NGU-Í

PHỤ . . .

Tiếng « *chích* » coi thế mà rắc rối ! Nên chi có phần phụ này vào giờ chót.

Ông bạn Vương-Hồng-Sển ở Tàng-cổ-viện quốc gia mới cho chúng tôi biết trong một cuộc gặp gỡ gần đây giữa ông với *Lê-Thọ-Xuân* và ông *Mân-Khánh* Dương-Kị, ông sau này bảo rằng ở Huế, tiếng « *chích* » có nghĩa là bắt cá, còn bắt cách nào, với dụng cụ gì, thì ông không rõ ; ông thường nghe nói :

« Bữa ni, mình đi « *chích* » cá chơi ! »

Rồi ông V. H. Sển góp ý :

« Anh Đông-Hồ ngờ rằng tiếng *chích* nôm do tiếng *trạch* Hán-Việt mà ra, nhưng biết đâu tiếng *chích* lại chẳng là tiếng hoàn toàn địa phương miền Nam nước Việt, người dân đen biết nó trước tiếng *trạch*. À, ở tỉnh tôi, Sóc-trăng, có một làng, tên Việt là *Gia-hòa*, tên Cao-miên là « *Chack-dolt* », người mình phát âm theo dấng Thổ là *Chắc-đốt* ». *Chắc* có nghĩa : bắt, đâm ; *đốt*: xỏ. Nguyên tên trọn vẹn là : « *Mà-chắc-mà đốt* », nghĩa : *vừa bắt vừa xỏ (vô dây lạt)* ; làng này lấy tên một khúc con rạch Nàng Rền (chảy ngang làng và ra sông Cổ Cò) : cá ở đó nhiều đến đỗi bắt dễ lắm : vừa bắt vừa xỏ không kịp. Theo dân địa phương, xưa, khúc rạch này cá nhiều là nhiều, nhiều đến ghe đi không được, cá ăn không hết phải phơi làm phân ! Tiếng Mên *Chack*, với nghĩa *bắt*, đọc ra âm Việt : *chắc*, biết đâu chẳng là thì tổ tiếng *chích*, chỉ một khúc rạch, sông có cá nhiều. »

Ông lại « À » một tiếng nữa : « Các anh lấy làm lạ sao anh Phan-Văn-Hùm gốc ở miền Đông mà hay dùng tiếng « *ên* » của miền Tây. Điều này có thể giải nghĩa. Số là anh Phan-Văn-Hùm có theo một bạn thân về ở chơi Sóc-trăng hơn một năm. Vốn tánh ham tìm, học, anh làm quen với người Thổ, chơi thân với họ, và học tiếng họ. »

(Xin xem tiếp « Hộp thư danh từ địa phương », trang 70).

(1) Miền Trung, *Ván* và *Phản* có chút khác nhau. *Ván* làm bằng thứ gỗ thường, gỗ tạp, còn *Phản* làm bằng gỗ quí, như lim, gõ...

CON QUỐC MỒI

LÊ-VĂN

NGHE tiếng bìm bịp kêu đổi nước, Bác Tư hối con dọn cơm ra ăn. Bác ngồi vào đầu bộ ngựa dầu (1), đưa đôi chân dây bụi cát ra ngoài vỗ vào nhau vài cái kêu lép bép kể là đã qua phần vệ sinh thường thức. Thu chân gác tréo vào lòng, sửa bộ ngồi xếp bằng lại gọn gàng, Bác đưa ly rượu lên môi đánh ực một hơi như trai tráng bày trò uống rượu tranh chức đại ca chớ không nhăm nhi rỉ rả. Cái thú chấm chút uống rượu ghiền đó dành cho bữa cơm chiều, Bác tin mười mươi sẽ có mồi đưa cay thiệt diệu.

Bác Tư ăn cơm mà mắt để vào mâm ít hơn trông xuống sông dọ chừng nước và đắc chí nhìn con quốc mồi cũng đang ăn trong lồng treo lơ lửng ở hiên ngoài.

Quốc mồi to, nhanh nhẹn, chân dài chỏi thân cao lêu nghêu. Từ đầu đến đuôi, phía trên mình quốc lông đen mượt, nửa phần phía dưới, lông trắng toát như lông cò. Phần lông dưới dạ gần sau đuôi lại vàng màu phèn. Màu vàng nầy là sắc thái tự nhiên chớ không phải do quốc ta ngày trước lặn lội đi kiếm ăn bị « dóng phèn ».

Sành chơi quốc năm bảy năm nay, Bác Tư mới chọn được con nầy là ưng ý nhứt. Được ăn đầy đủ và thỉnh thoảng đi gác để có dịp thường thức hươngvị thiên nhiên nên mắt quốc đen láy, tinh khôn và tiếng kêu vừa khiu khích vừa khuyến dụ vang vang mỗi khi cất giọng. Chơi quốc lâu năm, cái thú chơi chim bằng màu sắc, bằng nhí nhảnh của Bác Tư hình như thấp hơn cái thú đi gác, hồi hộp chờ

(1) Bộ ngựa là tiếng Miền Nam cùng chỉ một vật với tiếng cái phản của Miền Bắc.

quốc bồi sập bẫy và thú thưởng thức món quốc xào với củ hành tàu.

Lua (2) đỡ dạ hai chén cơm, thêm nửa gáo nước mưa hứng bằng máng xối cau ọp ẹp phía trước nhà, Bác Tư đứng nhóng người lên thò tay lấy cái lục nằm vắt ngang từ tấm ngạch đỡ mặt cáo đâm xéo vào hong vách lá. Lục là cái lồng làm theo lối riêng, gắn ở đầu một cán trúc dài độ thước rưỡi. Mặt ngoài của lục hình vòng cung, có chấn song, giống kiểu cửa các khám đường. Trừ mặt cửa, toàn lục được bao lại bằng nhen dừa kín mít, kế đó là lớp dây bồng bông nghi trang. Bác Tư tỉ mỉ gỡ dây khô của kỳ gác trước rồi quấn lại bằng dây bồng bông mới bứt còn xanh tươi, xa trông như một lùm bồng bông thật sự. Sát với vòng trên nóc lục có một vòng nữa, mành lưới, dính chuyền với miếng bợ phía trước lục bằng một sợi chỉ nhỏ rí, săn cón, chắc chắn, gài thành một thế bẫy tự động như bẫy chuột.

Bác Tư lau sơ bụi và quét kỹ mạng nhện đã khéo giăng bên trong lục bao giờ. Bác hạ lục xuống đất, o bế lại sợi dây, nhìn tin tưởng vào nó : « Trăm việc nhờ mầy. Đừng có đứt bất tử mà hỏng việc nghe không ?

Bác căng thẳng dây, gài chốt nhỏ ở đầu dây với cây ngang bợ phía trước lục y như gác thật rồi lấy chiếc đũa đè nhẹ cây ngang giả làm chân quốc bồi bước lên. Tấm lưới phía trong vụt phóng ra nhanh như chớp. Một tiếng kêu phập, chiếc đũa bị đè chặt. Tuy đã biết sự thế là vậy, Bác Tư vẫn giựt mình, bỗng dưng đưa tay trái vuốt mấy sợi râu loe hoe ở cằm dưới lia lịa. Bác lấy một lóng trúc khéo tiện, có đề lưỡi gà, thổi lên kêu quốc... quốc... Quốc mồi biết ý chủ, nuốt nước miếng rồi kêu theo quốc... quốc... Thế là chắc ý.

Vắt áo lên vai, Bác độn thêm ở lưng cái mo dùng đựng thuốc rê, cau khô ngâm nước từ lâu nở ra thười lười như miếng thịt trâu và năm ba lá trầu đã tô vôi dỏ sẵn. Ở trần là cái tật cố hữu của Bác nên đem áo theo làm vậy chớ Bác chỉ mặc khi có việc phải vào nhà ai thôi. Theo Bác, mặc áo vừa nực, vừa xót xa khó chịu.

Tay cầm lồng, vai vác lục, Bác ra khỏi nhà còn ngoái lại dặn với :

— Má nó rảnh tay, lát nữa đi đằng tiệm Hai Danh mua chịu đỡ ít củ hành tàu và một xị rượu nghen !

Có giọng khàn khàn đáp lại :

— Tánh nào tật nấy không bỏ. Hễ xách lục đi thì kể chắc ba bó một giạ rồi hà !

Chẳng hiểu có nghe không mà Bác Tư làm thinh đi luôn, vừa đi vừa suy nghĩ. Dưới mé lá Bác bắt nhậu hằng mấy chục con rồi. Số còn lại rất ít và nhát nhúa. Bữa nay Bác sẽ gác quốc vườn.

Bác nhìn xuống sông, chép miệng phỏng đoán :

(2) Lúa là ăn hối hả, chan canh hoặc nước lạnh vào chén rồi và cơm nuốt trộng chớ không kịp nhai.

— Nước ròng nầy chắc rút nước mương ra hết rồi, cu cậu vừa cữ đi kiếm mồi lắm.

Quanh co một lúc, Bác đi tẽ ra bờ vườn, khỏi lộ vài mươi thước liền lom khom đi dọc theo mé mương, ngó xuống chăm chú như người mất bóp đang loay quay kiếm.

Bác bỗng vỗ tay vào trán đánh bép :

— À, đây rồi, dấu chân chàng y.

Những dấu rối loạn ấn trên sình non mới ràng ràng. Bác mừng đến hồi hộp, dồn dập hình ảnh trúng mồi. Phải chọn chỗ ngon lành mới được. Bác tự nói vậy và làm việc đó dẫn đo như một binh gia nghiên cứu trận đồ.

— Lùm kia là chỗ ẩn của chàng y. Y lò dò ra đây kiếm ăn, chắc chắn phải qua đường này.

Bác Tư lầm bầm một mình rồi vén khéo vẹt cỏ, đặt lục. Bác đưa tay bợ ức con quốc mồi, nâng từ lồng ra đặt vào ngăn trong của lục. Mắt già tèm hem sáng hẳn ra : « Ráng nghe con ! ». Quốc mồi nhìn chủ vui tươi như tự hứa sẽ làm tròn sứ mạng. Nhốt quốc mồi cẩn thận, giương bẫy lên đàng hoàng, Bác Tư chú ý không để dấu vết trên sình non hay cỏ xanh um. Bác đang xa, tìm chỗ núp vừa có thể trông thấy quốc mồi. Xong mọi việc, Bác đưa ống trúc lên môi, thổi khơi mào mấy tiếng,

Đồng thinh tương ứng, quốc mồi nhúng nhẩy và cao giọng cất tiếng gọi đàn.

— Quốc... oa... Quốc... oa...

Quốc mồi kêu khác hơn quốc bồi.

Thường thì quốc kêu vào độ bốn năm giờ chiều hay bốn năm giờ sáng. Mỗi buổi một giọng kêu. Vào buổi chiều, tiếng quốc nghẹn ngào, u uất, hơi dứt thoáng buồn thấm thía, lâng lâng. Điệu buồn của nó tựa hồi chuông công phu chiều đó, khác chăng là trong âm hưởng của tiếng chuông có cái gì tìm về thanh thoát còn tiếng quốc kêu vẫn đục nhiều nguyện vọng trần tục chưa thành. Tương truyền, đỗ quyên là hóa thân của một người sa cơ làm lở vận nước. Việc ấy hoang đường, thực hư khó định, nhưng tiếng kêu thao thức canh gà đã từng phen rung cảm thi sĩ, văn nhân và gợi dậy ít nhiều suy tư ở hiền nhân ẩn sĩ đối với nước non gặp hồi suy tàng.

Tiếng quốc kêu buổi sáng vui hơn tuy giọng khoắc khoải vẫn còn đủ hiệu lực dội vào lòng người nỗi buồn khoắc khoải. Buổi trưa, quốc ít kêu. Nếu có thì kêu nhỏ, từ tiếng một để riêng báo hiệu sự có mặt cùng tìm miếng sống mà thôi.

Quốc trống, quốc mái, quốc lớn, quốc bé thường có giọng kêu na ná như nhau, rất khó phân biệt. Có mỗi một giọng quốc mồi là đổi khác hơn nhiều. Tiếng nó khi cất cao lộ liễu vẻ cao kỳ, phách khí của một tay anh chị được thời, sung sức ; khi hạ thấp êm ả như rủ ren, mơn trớn, vuốt ve. Nó phùn xoè, đi nhúng nhúng và thỉnh thoảng nhách đít lên. Quên thân bị nhốt trong lồng, nó có vẻ tự phụ và khí tiết tựa tựa

khẩu khí bài thơ « Tôn phu nhơn qui Hớn ». Rõ ràng, giọng nó là giọng làm đĩ khoe sang.

Nó kêu quốc oa luôn chập như để tự giới thiệu sự có mặt của mình ở vùng đất lạ. Nghỉ một lúc, bấy giờ nó mới kêu trường canh : quốc... quốc...

Tiếng kêu thật khó chịu.

Như loài người, loài quốc cũng theo định luật phải ăn để sống nên có óc chiếm hữu. Chúng ở từng nhóm (gia đình hay bộ lạc có lẽ) riêng từng vùng

Bác Tư chăm chú nhìn quốc mồi lâu phát chán mắt, ngước lên nhìn mây trắng trôi ngang đọt tre lừ đừ. Gió nhẹ, thổi lá tre vi vu, rây rắc bóng tre trên mình Bác. Dọc mé mương thỉnh thoảng có con tôm tích búng bóc bóc dưới sình non. Tiếng lá khô rơi đó đây lạt sạt.

Buổi trưa vườn buồn hiu hắt. Bác Tư nghe mắt lim dim và và miệng lạt lẽo, liền rút mo cau mở banh ra lấy thuốc vấn. Giấy nhựt trình dầy cộm nhưng Bác hút quen rồi không phải vò bèo

minh bạch. Có ai tới lấn ranh hay ngang nhiên đến xưng hùng bá thì trò cắn đá chết sống sẽ trả lời hành động xâm lăng đó. Nắm yếu điểm ấy, Bác Tư ưng dạ con quốc mồi này lắm vì nó có tiếng kêu đầy phách khí, khiêu khích lạ lùng. Ngay Bác thấy vó nó phùn xoè còn không ưa được thay (tuy đó là quyền lợi) huống gì những con quốc bị xâm phạm đất đai. Quốc bồi vì ghét tiếng kêu, vì bị khiêu khích dẫn không được, chết vì sa bẫy là như vậy đó.

nhèo. Xé thuốc rê để đều trên giấy, Bác cuộn tròn nó lại, se giữa lòng bàn tay rồi le lưỡi liếm một ít nước miếng vào bìa giấy. Điếu thuốc dài gần một tấc, thù lụ như ngón tay chai của Bác. Lòng bàn tay Bác nổi u nần, có muốn se điếu thuốc đều đặn hơn cũng khó. Trời có gió, tay Bác lại thưa bụm che gió không kín, quẹt lửa đốt được điếu thuốc hơi lâu. Bác hít hơi thuốc đầu, ém luôn khói, nở phồng mũi, vẻ hả hê lắm.

Bác tư chuyên môn hút thuốc rê vấn bằng giấy nhựt trình. Thuốc điếu, thuốc thơm mắc tiền mà hút lạt nhách không phải điệu rồi. Bác cũng không dùng giấy quyến, giấy tập ABC, ABD... vì không vấn được điếu dài, lớn ; với lại, nếu gặp trời mưa, tay ướt và run vấn được một điếu không phải chuyện dễ dúng gì.

Quốc mồi kêu trường canh một lúc, quanh lùm ấy có tiếng động. Khi thì nghe cỏ kêu sồn sột như có vật lướt ngang cọ quẹt, khi thì nghe sinh non kêu lép xép như có dấu chân nhỏ cỡ đi êm. Bác Tư thính những tiếng ấy lắm ; Mắt Bác bỗng sáng lên vì tiếng kêu và dáng dấp một con quốc lạ. À, không phải một con mà là ba con đang lom khom lần tới. Bác Tư run nôn trong lúc con quốc mồi xoay trở láo liên. Nào ai hiểu nó vui mừng tiếp đón đồng loại hay hãnh diện hợm mình.

Ba con quốc bồi có hai thái độ khác biệt. Một con ốm, ý chừng là thường đói, nhìn số mồi vung vải trong lục ra vẻ thèm thuồng. Nó nhìn quốc mồi với cặp mắt êm dịu và mon men tới gần lục trước.

Quốc mồi đưa mỏ ngó theo kẽ lục, gật lên xuống như nói gì ấy. Chúng « gù » nhau chưa thỏa dã bị hai con đi sau ùa tới, ra tuồng hung hăng cắn đá. Quốc kia hoảng sợ, chạy xần bần quanh lục, bất ý, đặt chân lên bẫy.

Một tiếng phập khô khan, Có tiếng kêu thết lên. Quốc bồi chớp cánh nhưng trễ rồi, tấm lưới đã phủ tròn mình nó. Quốc bị đè ép sát, ngóc đầu không được, lùi lũi, dẫy dụa trông thảm hại. Hai con còn lại chớp cánh, lủi lẹ vào lùm nhãn lồng bên cạnh. Bác Tư nhanh chân đến bắt quốc bỏ vào lồng, gài bẫy lại, im lặng ra xa, ngồi chờ nữa.

Tội nghiệp cho quốc mới bị bắt. Giang sơn của nó bây giờ không đầy bốn tấc vuông. Nó không có đường chạy cũng không có đường bay. Nó lính quýnh thọt mỏ xoi lồng, chốc chốc lại chèn cổ ra bị kẹt thanh tre đến nghẹt thở. Nó bước liền bước nhưng chỉ lẩn quẩn trong lồng con. Mắt nó long lên hình như có nước. Mồ thanh tre không được, nó tức tối mổ lông, mổ chân. Nó tức cái lồng tre chật hẹp, tức lời quyến dụ xảo trá của quốc mồi hay tức cho sự khờ khạo vì tham miếng ăn ngon của chính mình ?

Riêng quốc mồi không phải lần thứ nhứt trông thấy bộ vó hung hăng của đồng loại. Nảy giờ nó vẫn đứng lắm lét, không dám kêu là vì đôi quốc ngoài đồng lòng và như chực áp vào nó cắn đá. Nó to con, mập mạp nhưng không xăn da, thắm thịt và có vẻ cương nghị bằng đôi quốc ấy. Nếu Bác Tư không thổi trúc thúc giục nó thì nỗi sợ hãi trong lòng còn khiến nó im hơi lặng tiếng lâu hơn nữa. Nhưng lần nầy, tiếng kêu của nó không thanh thoát lắm.

Nó kêu chẳng bao lâu, đôi quốc kia trở lại. Như có chủ định, đôi quốc chạy thẳng lại lục, áp vào cắn đá. Quốc mồi nhờ lục che chở bằng không chưa biết sự thể sẽ ra sao.

Đá khơi, mổ khơi chỉ dụng vào thanh tre bị đau chân, ê mỏ, đôi quốc tức giận lắm. Chúng đi rảo quanh

tìm thế xông vào. Quốc mồi sợ thật, nhưng sở cậy vào lục chưa bị hề hấn gì, không giấu được vẻ săm soi, khiêu khích tuồng như nếu không bị ngăn cản thì sẵn sàng ra nghinh chiến. Được vậy cũng là nhờ tiếng trúc thúc giục của Bác Tư. Cứ chúng chí chóe với nhau.

Giận quá hóa điên, một con, vội quên gương trước, chạy a lại cửa lục định xáp chiến.

Lại một tiếng phập. Kêu thét thất thanh, quốc nọ cam cảnh ngục tù. Tham ăn cũng chết, dến trung trực quá, ghét tà tâm mà thiếu mưu lược cũng chết ! Quốc còn lại, học thêm bài học đớn đau, lủi đi mất. Bác Tư men đến bắt quốc, vỗ về quốc mồi rồi dời lục chỗ khác.

Bác chờ lâu quá, mỏi lòng, định vác lục đi thì nghe có tiếng quốc lạ. Lần nầy cũng lại hai con. Vó chúng vẫn hung hăng nhưng vẻ cần trọng hơn nhiều. Chúng đứng xa lục, lắc cổ, gật đầu, nói giác đác. Giá mà nghe được chắc đó là lời lẽ trách mắng kẻ phản bội giống giòng. Như nghe được, quốc mồi lơ láo đến Bác Tư phát giận : Ngu quá ! Không biết « dụ khị » gì hết. Thiệt đồ cho ăn uống cơm !

Ba con quốc đang trần thuyết cho nhau nghe lúc hai con quốc kia đang tìm cách sổ lồng. Không xong, chúng quay cẳn đá nhau đến lúc mỏi mệt và ý chừng nhận ra cùng là nạn nhân cả mới xịu buồn tiu nghỉu.

Đi gác nhiều, Bác Tư biết rõ, hễ được một chỗ liền đôi ba con thì số còn lại khôn lắm không dại gì dâm đầu vào lục nữa. Bác nhai toe toét một miếng trầu rồi dời lục chỗ khác gác thêm. Được tất cả bốn con, thừa nhậu chán, Bác phì phà thuốc, hiu hiu vác lục đi về trong lúc quốc mồi lấm lét trốn cái nhìn hận thù của đồng loại. Bốn con quốc bồi đứng chùm nhum giữa lồng con, bị nhịp đi của Bác Tư làm cho lắc lư, xiêu tó.

★

Vẫn cử chỉ cố hữu, vỗ chân đánh bép vào nhau phủi bụi, Bác Tư ngồi xếp bằng lại dùng cơm. Mím một chút rượu khà ra với tất cả hả hê, Bác đưa một đùi quốc lên vừa tầm mắt, ngắm nghía, hít mùi thơm tho lẫn lộn thịt ngon, hành thơm, mỡ béo trước khi nhai ngấu nghiến.

Rượu vào lời ra, Bác Tư nhăm nhi đến lúc ngà ngà say mới đem chuyện ở đơ, trốn thuế thân, chạy cô mồ mắc cô mả, vì miếng cơm manh áo mà cam cảnh gian truân kể ra có dò có dọc. Người nhà đã nghe những chuyện đó hàng trăm lượt nên không buồn để ý. Họ không để ý nốt thái độ đang nói ngon giọt của Bác bỗng nhiên bị ngưng lại. Ngó ra xa, tay mân râu, miệng Bác lầm bầm như chỉ để nói với riêng mình : « Ờ, ờ... thân mình cũng như thân quốc, bao phen lâm cảnh cá chậu chim lồng chỉ vì... vì con quốc mồi... ».

Bác đưa ly lên môi, đánh trót liền thêm mấy cái, tự tán thưởng có tài liên tưởng, trong lúc con quốc mồi được trả lại lồng, đứng ủ rũ, không hiểu vì mệt nhọc hay vì bị ám ảnh bởi mấy tiếng la kinh khủng của đồng loại vừa cam số phận cắt cổ, nhổ lông !

8-1958
LÊ-VĂN

THƠ ĐỖ TẤN

ĐỢI CHỜ

Tôi đến một ga, cỏ buồn lối ngõ
Nghe tiếng tịch tè nói với không gian
Tôi muốn tôi là không gian
Để biết muôn người, muôn ngả
Nhưng có ai biết cho tôi chiều nay
Mưa dài lưng ngói đỏ
Ngóng trông ai trên mỏi mắt đường dài

Tâm sự bốn phương nào ai cho tôi biết
Trái tim nào phân biệt những tình yêu
Mặc cho gió đồ mưa chiều
Mặc cho cỏ buồn lối ngõ
Mặc cho chờ mong tan vỡ,
Con tàu mưa cứ lầm lủi đi qua

Con tàu mưa cứ lầm lủi đi qua
Mặc cho hồn buồn lệ nhỏ
Thì ra tôi chỉ là tâm hồn bé nhỏ
Biết làm chi tâm sự của muôn nhà

Tôi muốn thét thật to, nhưng mà không biết gọi
Nên con tàu cứ lầm lủi đi qua
Tôi muốn tôi là tiếng còi xe lửa
Để khổ đau như một kẻ không nhà

Con tàu đã qua rồi không tiếng nói
Ngóng trông ai mà sao tôi cứ đợi
Người xếp ga lạnh lẽo gật đầu
Năm giờ rồi nào có chuyến xe sau
Năm giờ rồi không có chuyến xe sau
Nhớ thương ai mà sao tôi cứ đợi.
Sao tôi không là tiếng tịch tè
Sao tôi không là kẻ ở đầu tê
Sao tôi không là không gian, muôn ngả
Buồn xốn xang biết không có người về.
Dù ai kia lỗi hẹn
Dù mưa rơi lê thê
Mà người vẫn không về
Mà sao tôi cứ đợi
Mà sao tôi cứ đợi...

MƯỜI CHUYẾN TẦU

(ĐIỆP KHÚC)

Một chuyến tàu đi qua
Hai chuyến tàu đi qua
Có một người cứ đợi
Dù mưa sa gió gội

Dù đêm tối không nhà
Đường ga truông ngõ lội
Ba chuyến tàu đi qua
Bốn chuyến tàu đi qua
Có một người cứ đợi
Dù lòng khuya vòi vọi
Dù đêm khuya phôi pha
Dù đèn run lệ nhòa
Mà sao ai cứ đợi
Đợi ai ai cứ đợi
Năm chuyến tàu đi qua
Sáu chuyến tàu đi qua
Mà sao ai cứ đợi
Trong lời kinh xưng tội
Trong tiếng buồn đưa ma
Tiếng còi lại từ xa
Bảy chuyến tàu đi qua
Tám chuyến tàu đi qua
Ai kia còn cứ đợi
Ai kia còn cứ đợi
Ai kia còn cứ đợi

ĐỖ-TẤN

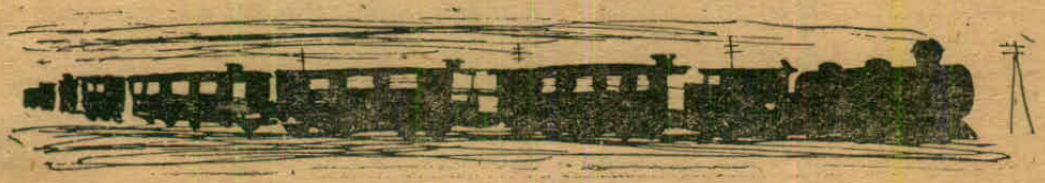

HỘP THƯ « DANH TỪ ĐỊA PHƯƠNG »

Anh **Đoàn-Chiêu-Anh** (tức H.H.H.), *thị xã Phan-thiết.*— Cám ơn anh đã giúp ý kiến về « Danh từ địa phương ». Mong anh tiếp tục, và nhất là đừng quên những danh từ đặc biệt của quê hương nhỏ núi Cù sông Co của chúng ta.

Anh **Đỗ-Tấn**, *anh* **Nguyễn-Phúc**, *Huế.*— Hai anh nhớ sưu tầm giùm danh từ địa phương từ sông Bến-hải đến đèo Hải-vân. Anh Đ.T. đã nhận được 36 số B.K. gởi ra chưa ? Trông tin.

NGUIÊN-NGU-Í

Em **Nguyễn-Văn-Viện**, *cù lao (Tháp Bà) — Nhatrang.*— Cám ơn em đã góp ý. Sẽ có bài tiếp về những danh từ dính líu đến sông, biển cùng các nghề ở hai nơi này. Về tiếng *« đàm »*, đã gián tiếp trả lời cho em trong bài kỳ này.

Ô.ô. **Thái-Văn-Thự**, *K.B.C. 4308 ;* **Mai-Sỹ-Lynh**, *Bàn-cờ.*— Chúng tôi xin ghi những lời nhận xét, phê bình cùng những tiếng địa phương về sông nước của hai ông sưu tầm hộ. Mong hai ông vui lòng tiếp tục. « Danh từ địa phương miền Nam » khởi đăng từ số 37. Và hai tiếng « **miền Nam** », xin hiểu rộng là dải đất từ sông Bến-hải đến mũi Cà-mau.

✱ Các anh và các bạn :

Nguyễn-Ân (*Tam-kỳ*) **Nguyễn-Phan-An** (*Đà-nẵng*) **Nguyễn-Đình-Ba** và **Vũ-Quỳnh-Bang** (*Quảng-ngãi*) **Võ-Phiến** (*Qui-nhơn*) **Lê-Trọng-Phiếm** (*Tuy-hòa*) **Nguyễn-Văn-Xung** (*Nha-trang*) **Huyền-Viêm** (*Phan-rang*) **Huê-Hương** (*Phan-thiết*) **Nghê-Nhã-Í** (*Tân-phong-hiệp*) :

Mong các anh và các bạn cố sưu tầm và định nghĩa danh từ địa phương vùng mình ở. Xin cám ơn trước.

Cùng các bạn có nhã ý góp sức với chúng tôi.— Xin các bạn nhớ ghi vùng hoặc tỉnh mà người ta dùng những tiếng địa phương mà các bạn góp nhặt. Về danh từ nhà nghề nếu có hình vẽ (bằng mực **Đen**) thì càng quí.

BÌNH-NGUYÊN-LỘC và NGUIÊN-NGU-Í

TÌM ĐỌC

Giai-Phẩm Văn-Nghệ

TIN - YÊU

(HỘI MÙA VĂN 58)

• Một tập thơ những sáng-tác tình-cảm trẻ-trung.

Phát hành trung tuần tháng 9 năm 1958.

Văn nhóm TIN-YÊU

chủ trương

✱ Người thủ lãnh biết tin ở vận mệnh mình thường có một thái độ cương quyết thắng được mọi trở lực chống đối. Người ấy không hề biết dùng dằng, do dự, là những điều làm thiệt hại cho công việc. Người ấy tin chắc mình phải thắng, dù làm việc gì, nên tránh được những hậu quả tai hại gây ra bởi phải nỗ lực đấn đo mãi. Người ấy cử động theo cảm giác tự nhiên của mình, thứ cảm giác do một tiềm thức đã dày kinh nghiệm chỉ dẫn.

NGƯỜI ĐI TÌM

LAN-ĐÌNH

HAI người dừng lại trên quãng dốc lên cầu. Sỹ hướng về khu hội chợ phía xa, thoạt nhìn chỉ còn là một vùng ánh sáng. Những chòm cây đen xẫm lại, nhuộm ánh đèn loang lổ, làm anh nghĩ đến những vết mực nhòe trên trang sách cũ của thời thơ ấu. Những chùm đèn xanh đỏ long lanh và chơi vơi như những hạt nước tung vào ánh nắng. Mái nhà lô nhô và xám xịt làm thành một mảnh vải nâu răn reo. Tiếng máy phát thanh vẫn còn cham chảm. Sỹ nghĩ đến những bánh xe quay vo vo trên những hàng số.

Sỹ lẳng lặng đi tiếp lên cầu. Phương vội vàng bước theo. Sỹ chỉ cần nghe những tiếng cồm cộp ròn tan réo trên ván gỗ và ngân vào hai bên thành cầu, mà cũng biết chắc là gót dép của Phương cao và nhọn lắm. Anh nhìn nhanh sang Phương, đôi mắt nàng long lanh trong đêm, cho anh một ý nghĩ khôi hài : ban đêm, người con gái thường đẹp ra. Hai người đã sang tới đầu cầu bên này. Sỹ dừng lại bên cạnh một cột đèn, giơ tay xem đồng hồ :

— Mười giờ rồi. Phương đã phải về chưa ?

Phương nhướng đôi mắt như hai đường dao đưa lên :

— Em đã bảo, cậu mợ em đi chơi Long-Hải, ở nhà chỉ còn em thôi, bao giờ về cũng được.

Sỹ gật gù, khoanh tay trước ngực, chậm rãi nhìn Phương. Cái áo dài màu lam có những đốm hoa vàng thật to, chít thắt lại ngang người Phương, làm nổi lên những

góc cạnh hết sức kiêu ngoa. Phương hỏi bằng giọng sung sướng :

— Anh nhìn gì em thế ?

Sỹ bật tay một tiếng tách, ngước nhìn trời, nói lơ đãng :

— Người ta, chưa ai cắt nghĩa được tình yêu thế nào cho thật đúng ; nhưng hiểu tình yêu thì người ta hiểu thật rõ ràng, bằng những chứng cớ thật là mơ hồ...

Phương nhìn Sỹ trân trối, Sỹ chiếu thẳng mắt mình vào mắt Phương :

— Riêng tôi, tôi biết chắc là Phương đang yêu tôi !

Phương bĩu đôi môi đỏ mọng, rồi nhếch cười hóm hỉnh. Sỹ vẫn nghiêm nghị :

— Chả lẽ... tôi lại nhầm ?

Phương cúi xuống, một bàn tay cài lên tóc. Sỹ nhìn chăm chú mấy ngón tay nhọn hoắt, móng tay đỏ rưng rưng trên nền tóc phản ánh đèn. Anh nhắc lại :

— Tôi nhầm, phải không Phương ?

Phương ngửng lên, thở dài ngao ngán :

— Anh nói một câu tỉnh táo quá, làm em tủi thân !

Sỹ sợ Phương giận, nên nói giọng nửa đùa nửa thật :

— Phương biết được câu nói của tôi là tỉnh táo, thì.... Phương cũng tỉnh táo và... khôn ngoan lắm đấy chứ ?

Phương huých cái ví tay về phía trước :

— Sao anh lôi thôi thế không biết !

Sỹ quay đi :

— Chúng ta đi tiếp ?

Hai người bước sóng đôi, ẩn hiện dưới những tàn cây. Sỹ hỏi :

— Nhưng... có đúng là Phương đang yêu tôi không ?

Phương trả lời bực tức :

— Anh biết rồi thôi !

Sỹ bật cười khẽ :

— Chúng mình gặp nhau lần này là lần thứ tư, đi chơi với nhau lần này là lần thứ ba, phải không Phương nhỉ ?

— Vâng.

Sỹ chắp tay ra sau lưng :

— Thế Phương đã biết gì về tôi chưa ?

Phương nói bằng giọng hòa nhã gượng gạo :

— Biết gì về anh ? Em phải trả lời thế nào bây giờ ?

Sỹ chặc lưỡi :

— Nghĩa là, tôi giàu hay nghèo, có tư cách hay không, hiểu biết và từng trải đến đâu, ví dụ như thế, Phương đã biết chưa ?

Phương buột miệng :

— Anh nghèo nhưng giàu.

Sỹ nhếch cười :

— Tôi không chờ đợi câu trả lời ấy.

Phương cắn môi một lúc lâu, rồi mới nói gần như thôn thức :

— Anh nghèo tiền, nhưng giàu tài trí. Tư cách của anh ? ... Em cũng

có rất nhiều bạn trai, nhưng chưa thấy ai đứng đắn đến mực lạnh nhạt như anh. Còn... em chỉ biết chắc là anh hiểu biết và từng trải hơn em, thế là đủ rồi.

Sỹ đứng xững lại, làm Phương nhỡ bước rồi vùng vằng làm nũng. Sỹ nghiêng đầu nhìn Phương :

— Thế... Phương đã nhận thấy việc yêu tôi là hợp lý rồi ?

Phương nhăn nhó :

— Trời ơi ! Anh phỏng vấn em đấy à ?

Sỹ nắm tay Phương kéo đi. Phương xiết chặt tay nàng vào tay Sỹ. Sỹ khẽ gỡ ra và tiếp :

— Ừ thì... Phương thử phác họa cho tôi biết, Phương đã xếp đặt trong mộng tưởng cuộc sống khi Phương đã lập gia đình phải thế nào ?

Phương mơ màng :

— Em chỉ cần có một nếp nhà nhỏ...

Sỹ châm biếm :

— Một túp lều tranh, hai trái tim vàng đấy phải không ?

Phương thích một khuỷu tay vào cạnh sườn Sỹ :

— Anh chỉ được cái...

Một lúc lâu, Sỹ nhắc :

— Phương tiếp đi.

Phương ậm ừ một lát như để nhớ lại câu định nói ban nãy, rồi tiếp :

— Em chỉ định nói, sự giàu sang em không còn thèm nhạt gì. Nhưng khi đi lấy chồng, thì không thể khuân của cha mẹ đi được. Nếu lấy phải chồng nghèo, chưa làm giàu được, thì cũng phải có căn nhà ở được, một số lương đủ sống, chứ đừng túng thiếu quá mà mất cả hạnh phúc.

Sỹ lơ đãng :

— Ừ nhỉ ?

Phương ngẫm nghĩ một lát rồi nói lia lấu :

— Anh hỏi em nhiều rồi, thế bây giờ em hỏi anh một câu, một câu thôi...

Sỹ quay sang Phương, gật đầu và chờ đợi. Phương tiếp :

— Tại sao, cái lần đầu tiên chúng mình gặp nhau ở hiệu kem ấy, em biết là anh có tiền, mà anh cứ lờ đi, để em phải trả cả tiền ăn hàng, tiền xe, tiền xem chiếu bóng ?

Sỹ bật cười :

— Ơ hay, Phương mời tôi vào những chỗ hao tài tốn của ấy, thì tôi làm gì có tiền mà trả ?

Phương nắm một tay, vung mạnh sang bên cạnh :

— Em đã bảo, em biết anh có tiền cơ mà. Cái lúc anh dở ví, mua một tờ báo, em trông thấy...

Sỹ đã trở lại nghiêm nghị :

— Phương ạ, tôi không dám làm thân với ai bằng đồng tiền.

Phương bẽn lẽn cúi xuống. Hai người đã đi vào con đường ra bờ sông từ lúc nào không biết. Sỹ dừng lại :

— Hôm nào, tôi sẽ đưa Phương đến chơi nhà vợ chồng một anh bạn thân, để Phương thấy rõ một cảnh sống nghệ sĩ. Phương có bằng lòng không ?

Phương lay mạnh tay Sỹ :

— Vâng nhé ?

Một chiếc taxi vừa ở đầu đường chạy đến. Sỹ vẫy lại :

— Bây giờ muộn rồi đấy. Phương về đi ngủ, kẻo có hại đến sức khỏe.

Phương còn ngần ngừ, Sỹ đã mở cửa xe, ra hiệu cho Phương lên, rồi lấy tiền đưa người tài xế :

— Ông cho về Chợlớn nhé.

Phương chưa kịp nói gì, Sỹ đã ngoắt tay cho xe chạy. Chiếc xe vụt đi. Sỹ đứng ở một bên đường, vẫy theo và khẽ thở dài. Một lúc lâu, anh đi thủng thỉnh ra bờ sông. Ánh đèn ở đây sáng trưng, xối vào trí não Sỹ những tiếng âm vang.

Sỹ rẽ vào một quán nước bên cạnh một bóng cây tranh tối tranh sáng trên bờ sông, chỉ có thưa thớt một vài người khách. Anh mệt nhọc ngồi xuống chiếc ghế mây thấp, lấy thuốc lá hút và gọi cà phê.

Một chú bé ôm chồng báo, sán ngay lại :

— Cậu làm ơn mua cho cháu một quyển.

Sỹ khẽ lắc đầu :

— Anh có rồi.

Chú bé nói phụng phịu :

— Cậu mua cũng như cho cháu ấy mà cậu ?

Sỹ nhìn kỹ đứa bé. Nó chỉ độ mười hai tuổi. Mái tóc đỏ khô xoã xuống gương mặt hốc hác. Cái áo sơ mi cũ mầu cháo lòng đã đứt gần hết cúc. Cái quần soóc vàng đã sờn gấu. Anh nhặt liều một quyển tuần báo trên tay đứa bé, và đưa cho nó mười đồng. Đứa bé cảm ơn rối rít, gật chào rồi tất tả quay đi.

Sỹ nhìn đăm đăm xuống mặt sông sáng loang loáng và đặc quánh như chất dầu. Sóng chờm vào bờ từng nhịp ào ạt, như tiếng sầy gạo trên nia. Anh nhấp một ngụm cà phê nhỏ, hút một hơi thuốc dài, và nghĩ thầm : « Mình không thể yêu Phương được ».

Sỹ gặp Phương trong bữa tiệc cưới ở nhà Sơn. Tối hôm ấy, bạn bè đến mừng Sơn lấy An rất đông. Phần nhiều họ đều có vợ chồng hay có đôi cả. Chỉ còn Sỹ là chưa vợ và cũng không có người yêu. Sơn và An đã mưu mô tinh nghịch xếp chỗ ngồi của Sỹ và Phương đối diện nhau. Hai người cố ý ghép Sỹ vào Phương cho thành đôi. Lúc Sơn giới thiệu các bạn, đến lượt Sỹ, Sơn nhìn nhanh Phương và cười hóm hỉnh :

— Anh Sỹ, hoạ sĩ Kiệt-Sĩ !

Tự nhiên, mọi người đều cười rộ lên. An chỉ bức tranh lụa treo trên tường :

— Thưa các anh, các chị, quà của anh Sỹ mừng chúng tôi đấy ạ.

Tất cả đều hướng về bức tranh lụa mầu rất dịu, có đôi vợ chồng trẻ nhìn nhau cười âu yếm. Người vợ cầm cái áo mưa đang vắt ở tay chồng, hình như sắp đem cất đi ; bên cạnh cái nôi xinh xắn, đứa bé đang ngủ, toét miệng cười thơ dại trong giấc mê, hai bàn tay mũm mĩm nắm khít lại và ấp lên đôi má trắng hồng bầu bĩnh. Ánh đèn chỉ sáng vừa phải, thoát ra khung cửa sổ mưa lâm thâm.

Một người buột miệng suýt soa :

— Đầm ấm quá nhỉ !

Sơn chìa hai tay ra phân bua :

— Đấy, chúng tôi phục tài anh Sỹ ở chỗ ấy đấy. Một người sống cô độc mà lại

về ra được cái cảnh hạnh phúc như thế thì tế nhị thật. Xem bức tranh, tôi cũng đoán được tinh thần gia đình của anh Sỹ rồi !

Tất cả đều hướng vào Sỹ, như chờ đợi câu trả lời. Sỹ chỉ mỉm cười. Sơn còn tìm đủ mọi cách để tán tụng Sỹ, để gán Phương cho Sỹ. Lúc vào tiệc, vợ chồng Sơn cứ xúi giục mọi người đồng thanh bắt Sỹ và Phương phải chạm cốc và uống trả nợ nhau. Rồi khi các bạn ra về, Sơn còn dề nghị :

— Anh Sỹ cùng về một lối với cô Phương, thì phải giúp vợ chồng tôi đưa cô ấy về !

Tất cả đều vỗ tay, cười lớn :

— Đồng ý rồi !

Sỹ thản nhiên hỏi Phương :

— Cô cho phép chứ ạ ?

Phương mỉm cười, cái mỉm cười thèn thẹn nhưng sung sướng :

— Thế còn hân hạnh gì bằng ạ.

Các bạn reo ầm lên :

— Đúng rồi !

Đêm ấy, dọc đường đưa Phương về, Sỹ đã nghĩ thầm, nếu Phương yêu anh thật, anh sẽ tìm hiểu Phương xem thế nào, rồi cũng yêu cho đời mình ấm áp đôi chút. Sỹ đã để ý từng lời lẽ của Phương, đặt những câu hỏi Phương, nhận xét thái độ và cử chỉ của Phương ra thế nào. Sỹ nhớ rất rõ ràng những câu Phương nói với anh trong đêm ấy trên dọc đường về nhà nàng. Sỹ đã hiểu tính tình Phương qua những câu này :

— Em trai Phương đang học bên Pháp.

Và Phương than phiền rất là hãnh diện :

— Khổ thế, ở nhà vừa đặt máy lạnh, Phương bận quá, cứ sợ là không đi dự

tiệc ban chiều được.

Phương lại còn tỏ ra hoảng hốt rất điệu bộ :

— Trời ơi, xe của ai vừa chạy qua, làm Phương cứ tưởng chiếc buick của ba Phương. Ông cụ mà biết thì cứ gọi là...

Sỹ nhớ nhất những câu ấy. Nhưng anh chỉ cho rằng, thường tình, người con gái nào cũng có tính hay khoe khoang. Sỹ còn biết Phương có thói quen nói chuyện pha tiếng Pháp bằng giọng rất « đầm » ở những tiếng « R » nói nuốt vào cổ họng.

Đến một buổi chiều, Phương mời Sỹ đi chơi. Nàng rủ anh vào một tiệm nước, có cái giá một tách cà phê cũng mất hai mươi đồng. Sỹ đã phải kinh ngạc, khi thấy Phương thuộc lòng hết địa chỉ những hiệu ăn danh tiếng của thủ đô. Tối hôm ấy, Phương còn mời Sỹ đi xem chiếu bóng. Sỹ bằng lòng, và để Phương chọn phim. Anh đã biết được Phương thích xem loại phim nào rồi, và anh cho Phương là nông cạn.

Một tuần sau, trong khi đi chơi với Phương, Sỹ cho nàng mượn một quyển sách. Quyển sách ấy, Sỹ đã chọn một bài giá trị nhất trong đó, xé rách một đường chính giữa. Sỹ chờ một nửa tháng, rồi hỏi Phương mượn lại quyển sách ấy, nói rằng cần xem lại một bài. Anh thấy cái tờ rách đã bị xén đi, mất hẳn dấu vết. Sỹ chua chát, trong thâm tâm, anh chỉ ước mong Phương sẽ lấy giấy bóng vá lại trang sách rách để giữ lấy một bài văn có giá trị ; chứ có ngờ đâu, Phương lại xén đi và lại còn làm cho mất hẳn dấu vết để... quyển sách được đẹp để gọn gàng ? Sỹ đã nhất quyết rằng, Phương chỉ chuộng hình thức ?

Chập tối hôm nay, Sỹ đang đi chơi trong phố thì gặp Phương. Nàng rủ Sỹ đi xem hội chợ. Sỹ bằng lòng, vì anh cũng đang định sẽ tìm gặp Phương để nói một vài chuyện cần.

Lúc hai người vừa vào hội chợ, Sỹ nói :

— Cô gái đang đi trước chúng ta, có cái nết đi như... những bước swing.

Phương vô tình, gật đầu :

— Vâng, đúng thật !

Một lát, nàng mới chợt nhớ, hỏi lại :

— À, sao anh bảo anh không biết nhảy cơ mà ?

Sỹ lắc đầu :

— Vâng, tôi không biết nhảy thật, đấy là tôi chỉ so sánh ở nhịp nhạc ra thôi.

Và Sỹ mỉm cười :

— Tôi chưa bao giờ nói dối Phương. Chỉ có Phương đã nói dối tôi thì có. Phương cũng bảo là Phương không biết nhảy ?

Phương vội vàng chữa thẹn :

— Em biết, nhưng chỉ đi dự trong những cuộc khiêu vũ gia đình thôi.

Sỹ gật gù :

— Là nói thế, chứ cái đó có quan hệ gì ? Tôi chỉ định nói với Phương, những cô gái có nết đi như những bước swing, thường có tính... làm bộ.

Phương chỉ lẳng lặng. Sỹ tiếp bằng giọng khôi hài :

— Tôi biết chắc như thế, vì tôi cũng là một thầy tướng.

Hai người vừa vào hội chợ, Phương đã đến ngay một quán chụp hình, chụp hàng ba bốn kiểu một lúc. Sỹ mới nhớ ra, Phương còn có tính thích chụp ảnh, chụp luôn luôn; và có một lần, Phương tỏ ý muốn làm kiểu để Sỹ về, nhưng Sỹ từ chối. Chụp ảnh xong, Phượng lại tha thẩn vào những quán hàng xa xỉ phẩm, bất cứ cái gì Phương cũng định mua, hình như lúc nào Phương cũng sẵn sàng để tiêu tiền. Nhưng Sỹ không bằng lòng như thế. Anh rủ Phương đến những phòng triển lãm tranh ảnh và báo chí, và những cửa hàng trưng bầy sản phẩm nội hóa, thủ công nghệ. Phương đã rất ngoan ngoãn chiều theo ý muốn của Sỹ. Điều đó, Sỹ biết chắc rằng Phương rất thích đi chơi với anh, đi bên cạnh anh, thế nào Phương cũng đã nhận ra nàng không còn thường tình nữa. Hai người cứ đi thật nhàn tản, cho hết một vòng hội chợ ; Sỹ mời Phương vào quán giải khát, xong rủ nàng về. Về sớm quá, Phương có vẻ chưa thỏa mãn, nhưng không dám tỏ thái độ phản đối. Nhưng Sỹ vẫn biết là Phương còn muốn ở lại.

Vừa rồi, dọc đường, Sỹ đặt những câu hỏi cố ý đụng chạm đến lòng tự ái của Phương, để đo lường xem Phương yêu anh có thành thật không, hay chỉ yêu để có tình yêu thôi. Sỹ đã biết rõ ràng là Phương yêu anh lắm. Nhưng Sỹ thì lại không thể yêu Phương được, chỉ vì, cuộc sống cả bên trong và bên ngoài của anh và Phương xa cách nhau quá, xa cách nhau như một sự yên tĩnh với một sự ồn ào.

Sỹ nhớ lại câu nói ban nãy, anh hứa sẽ đưa Phương đến chơi nhà một đôi vợ chồng nghệ sỹ. Bây giờ, Sỹ vẫn cho dự định ấy của anh là phải. Như thế, chắc chắn anh sẽ bắt gặp hai phản ứng của Phương, hoặc sững sờ hoặc thản nhiên, là anh biết được một điều cuối cùng về nàng.

Sỹ giơ tay xem đồng hồ, đã hơn mười một giờ. Anh đứng vội lên, định vào trả tiền cà-phê, làm quyển báo để quên trên đùi rơi xuống đất. Sỹ mỉm cười bâng quơ và chậm rãi nhặt quyển báo lên. Anh dở nhanh từng trang, định xem nội dung quyển báo có những gì. Nhưng Sỹ đã ngừng tay đang giở, ra đứng dưới một ngọn đèn ; đôi mắt anh thoáng mở to, như cứ chỉ ngạc nhiên, cái ngạc nhiên đã đoán biết được phần nào từ trước. Sỹ nhìn một lượt những khuôn ảnh in trên trang báo tuyển lựa tài tử, cô nào cũng cố gắng làm duyên đến là trơ trẽn, trong đó có cả Phương.

Sỹ trả tiền cà-phê, rồi đi thủng thỉnh vào trong phố, một tay cầm quyển báo đập nhẹ vào ống quần. Bây giờ, Sỹ lại bỏ ý định sẽ đưa Phương đi chơi như đã hứa, vì chỉ còn một điều cuối cùng về Phương thì anh đã biết rồi.

Sỹ chợt nảy ra một ý nghĩ khôi hài: Cứ thế này, thì mãi mãi anh vẫn còn là một người đi tìm...

Vào Hè 58.

LAN-ĐÌNH

Nguyên văn chữ Hán của Lý-Bạch

HÀNH LỘ NAN (Kì nhì)

Đại đạo nhược thanh thiên,
Ngã do bất đắc xuất.
Tu trục Trường-an xã trung nhi,
Xích kê, bạch cẩu, đồ lê lật.

★

Đàn kiếm tác ca tẩu khổ thanh,
Duệ cứ vương môn bất xứng tình.
Hoài âm thị tỉnh tiêu Hàn-Tín ;
Hán triều công khanh kị Giả-Sinh.

★

Quân bất kiến, tích thời Yên gia trọng Quách-Ngỗi,
Ủng tuệ chiết tiết vô hiềm xai ;
Kịch-Tân, Nhạc-Nghị cảm ân phận,
Thâu can bẫu đảm hiệu anh tài.
Chiêu-vương bạch cốt oanh man thảo,
Thùy nhân cánh tảo Hoàng-kim đài ?
Hành đạo nan !
Qui khứ lai...

Bản dịch Quốc-văn của Á-Nam

ĐƯỜNG ĐI KHÓ (Bài thứ II)

Đường lớn như giời xanh,
Ta cũng chẳng được đi.
Hồ cùng lũ trẻ Trường-an giỡn,
Gà đỏ, chó trắng cược táo lê.

✶

Gõ kiếm hát ngao thở giọng khổ ;
Vén áo cửa vua chẳng thỏa tình.
Phố chợ Hoài-âm cười Hàn-Tín ;
Công khanh triều Hán ghen Giả-Sinh.

✶

Ai chẳng thấy : Vua Yên ngày trước
trọng Quách-Ngỗi,
Cầm chổi uốn mình không ngượng
đời.
Kịch-Tân, Nhạc-Nghị cảm ân nghĩa,
Phơi gan giãi mật trỏ hết tài.
Chiêu-vương xương trắng nay cỏ bọc,
Ai người lại quét Hoàng-kim đài ?
Đường đi khó !
Ta về thôi...

Phần chú giải. — Những con đường đi rộng lớn thênh thang, chẳng khác trời xanh lồng lộng, thế mà riêng mình ta đây vẫn không có cách nào đi ra để hành động được.

Ta thực tự lấy làm xấu hổ, chỉ cùng những bọn trẻ thơ trong đất Kinh-đô, hàng ngày đàn đúm chơi đùa, dùng những con gà đỏ, con chó trắng làm đồ đánh cuộc đánh đố, mà ăn thua quả lê quả táo với nhau.

Nhưng ta suy nghĩ cho kỹ, làm người ở đời gặp gỡ bước đường cũng rất khó khăn ; cho nên ngay thời Chiến-quốc đời xưa, chính anh Phùng-Hoãn là thực khách của Mạnh-Thường-Quân cũng phải gõ gươm mà hát những khúc than thở nỗi lòng, rút cục vẫn không sao thoát đi đâu được ; rồi cho đến chàng Trâu-Dương trong đời nhà Hán, đã có thể xênh xang vén áo, ra vào trong cửa nhà vua, thế mà cũng vẫn chưa tự cho là xứng với ý chí của mình.

Lại đến như anh chàng Hàn-Tín, hồi sau dù làm đến tướng quốc cho vua Cao-Tổ, nhưng trong lúc hàn vi, cũng không khỏi bị bọn trẻ con ở đất Hoài-âm cười chê chế giễu, vì bị chui dưới khố một đứa tiều tốt vô danh ; và như Giả-Nghị là một trang học giỏi tài cao, thế mà cũng đến bị bọn các quan trong triều đình nhà Hán, xúm lại ghét ghen, không sao mà toại chí.

Ôi ! các anh em còn lạ chi những câu truyện vua nước Yên ngày trước, trọng đãi một bậc hiền tài là Quách-Ngỗi, đến nỗi đã từng tay cầm cái chổi tự uốn mình quét nhà để đón tiếp mà cũng không lấy làm e ngượng chút nào. Vì thế, những bậc hiền tài lúc bấy giờ, như hạng Kịch-Tân và Nhạc-Nghị, thấy đều cảm phục cái ân nghĩa của vua Yên, mà cùng nhau kéo tới nước Yên, rồi mở ruột phơi gan để giúp rập cho nước Yên trở nên thạnh trị.

Nhưng đáng tiếc thay, cho tới ngày nay, vua Yên đã khuất đi rồi, chỉ còn một mô xương trắng, nằm tròn dưới đất, đã bị cỏ bọc xung quanh ; vậy thì cái đài Hoàng-kim (vua Yên xây cái đài cao đặt ngàn vàng ở trên đài để nạp những bậc hiền tài trong thiên hạ) kia, cũng đến bỏ cho nhơ bẩn, còn ai là người chăm nom quét tước đến nơi ?

Cho hay, việc đời thay đổi bất thường, đường đời rất là khó khăn nguy hiểm ! Vậy chi bằng ta xếp những truyện đó không màng tưởng tới, mà ta hãy quay gót trở về,

ĐÊM, NẰM, NGHE TRỜI MƯA

Ngày Mai, *có hạt bắn mầm,*
Bụi, tro mấy lớp thôi nằm lá ngây.
Ngày Mai, *vạn cánh vời bay,*
Thuyền tung buồm cuốn, ngàn mây ánh hường . . .

Ngu-Í NGUIỄN-HỮU-NGƯ
(Có những bài thơ . . .)

★ Tin tưởng, hy vọng và yêu mến là những đức tính cần thiết cho bất luận một người nào làm một công việc gì. Tin tưởng ở công việc mình làm, hy vọng ở kết quả mình thu lượm được và yêu mến kẻ mình muốn đem công việc để cống hiến. Đó là những điều kiện căn bản và cốt thiết mà không một công cuộc nào đã gọi là tốt đẹp có thể thiếu được. (Cha Doncoeur)

★ Người ta không thể nào nỗ lực bền bỉ để theo đuổi một công cuộc mà không tin chắc là một công cuộc chân chính, có ích lợi. Người ta dù can đảm đến đâu cũng không thể nào thắng được nghịch cảnh, nếu không hy vọng mình có thể khắc phục được chúng. (Cha Doncoeur)

★ Người thủ lãnh sở dĩ gây được uy tín là do bởi có nhãn tuyến xa rộng. Loài người cần có những chân trời xa rộng ; sống trong thấp hèn, nhỏ mọn loài người sẽ nghẹn thở, ngạt hơi.

MỘT TRUYỆN LIÊU-TRAI.

TIÊN ĂN MÀY

KIỀU-YIÊU dịch

CAO Ngọc-Thành, con nhà quan truyền nối đã lâu đời, ở trong một xóm lớn quận Kim-thành (một quận xưa, địa vực nằm vắt ngang ranh tỉnh Thanh-hải và tỉnh Cam-túc), giỏi nghề châm cứu, không phân biệt nghèo giàu, hễ bịnh là trị giùm cho.

Trong xóm có một kẻ ăn mày chẳng biết từ đâu lại, ống chân bị ung loét, nằm vật bên đường, máu mủ bê bết, hôi thúi không ai dám gần. Cư dân sợ y chết, mỗi ngày cho ăn một bữa cầm chừng. Cao thấy thế, đem lòng thương xót, sai người dìu về, cho ngụ bên chái. Gia nhân chịu không nổi mùi tanh hôi, bịt mũi đứng đằng xa. Cao đi lấy ngải, tự mình đốt trị giùm, ngày ngày dọn cơm nước đạm bạc nuôi y.

Được mấy hôm, kẻ khất thực ấy đòi ăn bánh canh. Bọn đày tớ nổi xung quát mắng. Cao nghe chuyện, lập tức bảo người nhà nấu bánh canh đãi y. Cách chẳng bao lâu, lại ao ước rượu thịt. Đày tớ chạy đi mách chủ : « Cái bác ăn xin đó thật là nực cười. Ai đời mới đây còn nằm vật bên đường, mỗi ngày chỉ cầu có một bữa, mà chẳng được, bây giờ hai bữa, lại chê suông chê lạt. Đã ăn bánh canh, lại đòi rượu thịt. Ngữ tham ăn ấy chỉ nên đem bỏ trả lại vệ đường mà thôi ! »

Cao hỏi thăm về ung độc của y. Đáp : « Đã tróc vảy dần dần, hình như có thể đi đứng. Ấy thế lại giả đò rên khừ khừ, ra dáng khổ sở lắm ».

Cao nói : « Hao tốn có là bao. Dẫu phải mua rượu thịt thết y cho đến ngày lành mạnh hẳn đi nữa, chắc các anh cũng không lấy thế làm hờn giận tôi đấy chớ ». Bọn đày tớ hứa dối làm theo lời, nhưng rốt cuộc vẫn không chịu chiều đãi. Hễ gặp dịp nói chuyện với những người đồng sự, thì cùng nhau cười chủ dại khờ.

Hôm sau Cao đích thân đến thăm người ăn mày. Y khập khiễng đứng lên, ngỏ lời cảm tạ ; « Tôi thật mang ơn cao dày của bác, đã hà sanh khí vào trong xác chết, đắp thịt da lên mớ xương tàn. Ơn huệ ấy bao la khác nào trời che đất chở ; nhưng ung mới lành mà sức chưa lại hẳn, nên thèm ăn tạp ». Cao chợt hiểu, lịnh ra hôm trước không được tuân hành, gọi đày tớ lại đánh cho một trận nên thân, rồi lập tức khiến dọn rượu thịt thết người ăn mày.

Lũ đày tớ ôm hận. Tối đến nhen lửa đốt chái, rồi làm bộ hô hoán lên. Cao thức dậy xem, thì chái đã thành tro ; than rằng : « Thôi rồi bác ăn mày ! », giục mọi người cứu chữa cho mau. Thấy y nằm ngủ say vùi trong đống lửa, tiếng ngáy như sấm ran. Gọi dậy, y ngơ ngác hỏi : « Nhà cửa đâu rồi ? »

Thấy ngơ ngác như thế, ai nấy đều ngạc nhiên. Cao lại càng kính trọng, ngăn phòng riêng biệt cho y ngủ, đưa quần áo mới tinh cho y mặc, ban ngày ở chung. Hỏi họ tên gì, y thưa là Trần Cửu. Ở được vài hôm, mặt mày sáng sủa thêm ra, ngôn luận rõ thật là phong nhã, lại có tài đánh cờ tướng. Lần nào đánh với y, Cao cũng đều thua, bèn ngày ngày xin theo học, lĩnh hội được nhiều điều bí truyền.

Như thế nửa năm, người ăn mày không tính chuyện đi. Mà phần Cao, thì vắng y một giờ, cũng mất vui thú. Dẫu có quí khách đến, cũng phải có y cùng uống rượu mới chịu. Đôi khi bày cuộc đánh súc sắc (tào cáo), hễ Trần đặt giùm Cao thì không bận nào là chẳng thắng. Cao lấy làm lạ quá. Nhưng mỗi lần yêu cầu y làm trò vui, y thảy đều từ chối bảo rằng không biết.

Một hôm bảo Cao : « Tôi định cáo biệt. Bấy lâu chịu ơn bác đã nhiều, nay có thết tiệc mọn, xin mời riêng bác, đừng rủ ai theo làm gì ». Cao nói : « Tương đắc như chúng ta, vui thú biết mấy, lẽ đâu lại đành phụ lòng nhau. Nhưng bác không như Nguyễn-Tu thời xưa, luôn luôn treo sẵn trăm đồng tiền ở đầu gậy để tùy tiện mua rượu, nên thật chẳng dám phiền bác đứng ra thết tiệc. »

Trần cố nài nỉ : « Chỉ một chén rượu thôi, sở phí có gì đâu. » Cao hỏi : « Uống ở chỗ nào ? » Đáp : « Trong vườn. »

Bấy giờ đương giữa mùa đông, Cao ngại ngoài vườn trời giá rét. Trần cả quyết là không hệ gì, mới cùng nhau ra vườn, thấy khí hậu chợt đổi ra ấm áp, giống như đầu tháng ba. Lúc vào nhà mát cất giữa vườn, lại càng thêm ấm cúng. Chim lạ từ đâu bay lại từng đàn, ríu rít tiếng kêu, thanh tao giọng hót, phưởng phất như cảnh tượng cuối xuân.

Trong nhà mát bàn ghế thảy đều khảm mã não (1). Có một cái bình thủy tinh, trong suốt có thể soi gương được, trong có bụi hoa khe khẽ long lay, bông hoa chỗ thì mới nở, chỗ lại đương rụng, không đều. Lại có con chim trắng như tuyết, kêu những tiếng giòn giã, nhảy qua nhảy lại trên miệng bình. Đưa tay thử vỗ nhẹ một cái, thoạt tan biến đâu mất cả.

Cao ngạc nhiên hồi lâu, ngồi im nhác thấy con cưỡng (2) đậu trên một cái giá, cất tiếng gọi : « Dọn trà ra. » Chỉ một lát, từ phía đông trái núi xa có con chim phụng (3) ngậm một cái khay bằng mã não đỏ (4), trên để hai cái chén bằng pha lê, đựng trà thơm ngát, cất cao cổ đứng nghiêm trang. Uống xong, đặt chén vào khay, phụng liền ngậm lấy, quạt cánh bay đi.

Cưỡng lại hô lên : « Dọn rượu ra. » Tức thì có loan xanh hạc vàng, (5) từ trên mặt trời loang loáng bay xuống, con ngậm nhạo, con ngậm cốc, bày lẫn lộn trên bàn. Chẳng bao lâu lũ chim bưng thức ăn lại, bay tới bay lui, cánh vỗ xào xạc không ngớt. Món ngon vật lạ bày ngổn ngang, trong nháy mắt đầy cả bàn. Thức ăn thơm phức, rượu tăm nồng ngát, đều là những vật phẩm phi thường.

Trần thấy Cao uống rất hào hứng, bèn nói : « Bác tửu lượng không xoàng. Phải thứ cốc lớn mới được. » Cưỡng liền gọi : « Đem cốc lớn ra đây. » Bỗng thấy vành mặt trời lấp lánh, rồi có đàn bướm to, chân bấu một cái cốc, thứ cốc hiếm có làm bằng vỏ ốc mỏ kéc (6), sức chứa độ một đấu (= 1 táu = 10,354 lít), khe khẽ đáp xuống bàn. Cao nhận thấy bướm lớn hơn ngỗng trời (7), hai cánh phảy dịu dàng, màu sắc xán lạn, cứ trầm trồ không ngớt miệng.

Trần gọi : « Bướm kèo rượu coi nào ! » Bướm liền xoè cánh, hóa thành giai nhân, áo dài thêu hoa bay phơ phất, bước tới dâng rượu.

Trần nói : « Chẳng lẽ không có gì trợ cái hứng uống rượu sao ? » Dứt lời, ả tha thướt đi quanh và bắt đầu múa. Múa đến lúc say mê, bàn chân hỏng mặt đất hơn một thước (= 0,32m), đầu ngửa ra đằng sau, uốn cong xuống đụng gót, rồi bật cả mình cho xuôi chiều với đầu mà đứng lên, toàn thân không hề dính một chút bụi, cất tiếng hát rằng :

Nói cười lướt khóm hoa xuân,
Cành tơ quấn ngọn, nầy mơn má đào.
Thoa vàng rơi mất hồi nào :
Mải mê theo bướm sang rào vườn đông.

Dư âm uốn éo, tưởng chừng như vấn vít triền miên.

Cao rất hứng thú, kéo lại cùng uống. Trần bảo ngồi, lại rót rượu cho ả uống. Sau cuộc rượu, Cao thấy lòng xao xuyến, thoát đứng lên lơi ả ôm choàng. Nhìn lại, thì đã biến thành quỷ Dạ-xa, mắt lộ ngoài mí nhíu, răng vẩu hở môi dày, da đen chỗ lồi chỗ lõm, xấu xí không thể tả được.

Cao kinh hãi, buông tay ra, nấp dưới ghế mà run bây bẩy. Trần cầm dùa đánh vào mồm nó, nạt rằng : « Đi cho mau. » Đùa vừa dụng, thì liền biến hóa trở lại thành bướm, phơi phới vụt bay đi.

Cao hoàn hồn, cáo biệt, thấy bóng trăng trong vắt, nói dùa với Trần rằng : « Rượu ngon thịt béo của bác đều tự không trung đưa xuống, thì nhà bác hẳn ở tận trên trời. Đã là tri kỉ, bác thử đưa đi chơi một chuyến được chăng ? » Trần đáp : « Được chớ ».

Liền dắt tay nhảy vọt lên, nhận thấy mình ở giữa khoảng mông lung bát ngát, tiến dần tới trời. Ngẩng thấy cửa cao, khung tròn như miệng giếng, bước vào, sáng vằng vặc như ban ngày. Thềm nhà đường sá đều lót đá xanh thẳm, sạch bóng không một mảy trần ai. Có một cây to cao mấy trượng (1 trượng = 3, 2 m), trên cành nở hoa đỏ, lớn bằng hoa sen, chi chít đầy cây.

Dưới gốc, một cô gái đương đập áo đỏ, giặt trên phiến đá, diễm lệ vô song. Cao đứng sững lại, mắt trân trân, mải nhìn quên bước chân đi. Cô gái thấy thế, giận nói : « Người cuồng ở xứ nào mà dám lại đây », vớ lấy chiếc nắm gỗ để đập áo ném tới trúng lưng Cao. Trần vội tiến đến nơi ả ngồi, hết lời trách ả.

Cao bị chiếc nắm, chợt thấy tan hơi rượu tỉnh hẳn, nghĩ lấy làm xấu hổ đến mướt mồ hôi, bèn theo Trần đi trở ra. Mây trắng dùn lên dưới bàn chân. Trần nói : « Từ nay xin biệt nhau. Duy có một điều dặn dò, bác để ý cho, đừng quên. Thọ mệnh của bác không dài mấy. Mai này hãy đi thật xa, vào tận Tây-Sơn (tức núi Thú-dương, ở phía tây nam huyện Lũng-tây thuộc tỉnh Cam-túc) mà ẩn náu, mới có thể khỏi họa được. » Cao muốn kéo giữ lại, y đã quay mình đi mất.

Cao thấy vầng mây dần dần hạ thấp, mình lọt xuống giữa vườn, cảnh vật hoàn toàn đổi khác. Về kể chuyện cho vợ con nghe, cùng nhau kinh ngạc. Nhìn chỗ chiếc nằm liệng trúng phía sau áo, thấy ngời đỏ như gấm, lại phưởng phất mùi hương lạ.

Sáng dậy sớm, y lời Trần chỉ bảo, gói lương khô đi vào núi. Sa mù giăng màn dày đặc khắp trời, mang mang chẳng dò được đường lối nào cả. Tất tả đi càn trong vùng hoang vắng, bất thình lình sẩy chân, rơi tòm vào một cái hang mây mù mịt, nghe chừng sâu lắm không thể ước lượng được. May không sây sát gì cả. Định tĩnh hồi lâu, ngẩng nhìn mây mù như lưới bủa tư bề, cất tiếng kêu than : « Thần nhân đã bảo mình trốn tránh, nhưng rốt cuộc số trời thoát chẳng khỏi. Biết bao giờ mới ra khỏi hang này. »

Lại ngồi nán một lát, nhác thấy nẻo xa thấp thoáng có ánh sáng, bèn đứng lên mà đi sâu vào. Thì ra một cõi trời đất riêng biệt. Có ba ông lão họp nhau đánh cờ tướng, sực thấy Cao đến, cũng không màng nhìn, hỏi han gì cả, cứ mải đánh không ngừng. Cao ngồi chồm hổm xem chơi. Xong cuộc, lượm con cờ bỏ vào hộp tất cả, rồi mới hỏi : « Bác làm sao đến đây ? » Cao đáp : « Tôi lạc đường mới lọt vào đây. » Ông lão nói : « Chốn này chẳng phải là nhân gian, không nên ở lâu. Để tôi đưa anh về. »

Bèn dắt ra miệng hang. Thấy mây mù vây bọc mà đưa mình lên, rồi dừng lại một chỗ đất bằng. Ngoảnh lại thấy trong núi sắc cây vàng úa, xào xạc lá

rơi nhánh gãy, giống như cuối thu. Kinh ngạc thốt lên : « Mình ra đi giữa mùa đông, cớ sao giờ lại biến thành cuối thu chớ. »

Lật đật chạy về nhà. Vợ con thảy đều kinh dị vô cùng, quây quần nhau lại mà khóc òa. Cao lấy làm lạ hỏi lý do, vợ nói : « Mình đi ba năm không về, cả nhà ai nấy tưởng đâu đã thành người thiên cổ. » Cao nói : « Có lạ chưa ! Vừa mới ra khỏi nhà có bao lâu đâu. » Lấy lương khô buộc ngang lưng dở ra xem, thì đã ải, nát ra như tro bụi. Cùng nhìn nhau mà ngạc nhiên.

Vợ nói : « Mình đi khỏi, tôi nằm mộng thấy có hai người nào, y phục đen mà đai sáng lập loè, trông như các quan viên đi đòi thuế, ồn ào bước vào phòng, nhìn ngang nhìn ngửa rồi nói : « Ông ấy đi đâu rồi ? » Tôi cự lại : « Nhà tôi vừa đi vắng nhà. Hai ông chắc là quan sai, thì lý đâu lại đột nhập chỗ buồng kín thế nầy ? Hai người bèn quay ra, vừa đi vừa nói : Uả lạ chưa ! Uả lạ chưa !, rồi rút lui đâu mất. »

Bấy giờ mới ngẫm ra ba ông mình đã gặp là tiên, và hai người mà vợ đã thấy trong chiêm bao, đích là ma quỷ. Lần nào tiếp khách đến nhà, Cao cũng mặc dưới lần áo ngoài, cái áo có dấu chiếc nằm của tiên nữ, thì ai nấy đều nghe mùi hương thoang thoảng, không phải mùi xạ, (8) mà cũng chẳng phải hương lan, (9) hễ thấm mồ hôi lại càng thơm ngát.

BỒ TÙNG LINH
(KIỀU-YIÊU dịch)

PHỤ CHÚ :

1) *Mã não :* Một thứ đá quý, về loại Thạch-Anh (quartz), có vân chạy vòng tròn, nhiều màu khác nhau. Anh văn và Pháp văn đều gọi là Agate.

2) *Cưỡng* : Một thứ chim, thuộc về minh cầm loại ; nếu được lột lưỡi, có thể bắt chước nói tiếng người ta. Trung văn gọi là Cù-Dục hay Bát Ca. Anh văn gọi là Crested Mynah. Học danh là Aethiopsar Cristatellus.

3) *Phụng* : Một giống chim trong thần thoại Trung-hoa. Con trống gọi là Phụng con mái gọi là Hoàng, con tơ gọi là Loan.

4) *Mã Não Đỏ* : Một thứ đá quý, màu đỏ như huyết. Trung văn gọi là Xích Mã Não.

5) *Hạc* : Một thứ chim, thuộc về thiệp cầm loại, thích ăn cá ở các đầm, tới mùa đông thì bay xuống hướng Nam, họp thành bầy rất đông, xếp thành chữ V ; Anh văn gọi là Sacred Crane. Pháp văn gọi là Grue. Học danh là Grus Chinensis.

6) *Ốc Mỏ Kéc :* Một thứ ốc lớn, bên trong ngời bóng như trân chu, như xa cừ, vỏ có thể chứa tới hai lít nước ; có những chỗ xoáy tròn cong vút như mỏ kéc, người ta lấy vỏ làm trang sức phẩm hay tửu khí. Ở quần đảo Tân Ca-lệ-đa-ni, cái đó thành một tiểu công nghiệp khá thịnh hành. Trung văn gọi là Anh Vũ Loa. Anh văn và Pháp văn đều gọi là Nautilus. Học danh là Nautilus Pompilius.

7) *Ngỗng Trời* : Trung văn gọi là Nhạn. Anh văn gọi là Wild Goose. Pháp văn gọi là Oie Sauvage. Học danh là Anser Albifrons. Thứ chim này thuộc về du cầm loại.

Người miền Nam nước ta lại dùng chữ Nhạn để gọi một thứ chim hay ăn cá, có cái đặc tính là lúc rình bắt cá dưới nước, thì lượn qua lượn lại ở không trung, cách mặt nước chừng năm ba thước tây, để chờ khi thấy cá là đáp nhanh xuống. Vì chưa từng thấy gần cho rõ rệt, nên tôi chưa biết nó thuộc về loại chim gì. Xin thỉnh giáo cùng các bạn đọc Bách-Khoa.

8) *Xạ*: Còn gọi là xạ hương, một sản vật của con xạ. Nó là một loài thú giống như hươu con, thường ở miền núi Tây-tạng, Thanh-hải, Bắc-Ấn và Trung-Á. Con đực dễ phân biệt, nhờ có hai cái răng chó hàm trên chìa ra như cặp nanh; phía dưới bụng, gần rún có một cái bọc lớn bằng trứng gà, đựng một chất thơm gọi là xạ hương. Đến mùa rượn cái, chất xạ hương càng tiết thêm nhiều. Người ta dùng nó để làm thuốc hoặc để chế dầu thơm. Con Xạ, Pháp văn gọi là Chevrotain Porte Musc, Anh văn gọi là Musk-Deer. Học danh là Moschus Moschiferus.

9) *Lan*: Loại lan có nhiều thứ khôn kể xiết. Pháp văn gọi là Orchidacées (tên cũ là Orchidées). Có thứ mọc trên mặt đất, nhưng đa số thì sống gởi trên cây, mà không ăn bám. Những thứ phổ thông nhất là:

a) *Thảo Lan*: còn gọi là Xuân Lan, nở hoa vào mùa Xuân; cánh hoa lấm tấm những đốm nhỏ màu tím; nếu không có đốm tím, thì gọi là Tố Tâm Lan.

b) *Kiến Lan*: sanh sản ở tỉnh Phúc-kiến, nở hoa vào mùa thu.

c) *Phong Lan*: thường sống gởi trên thân cây mọc trên núi, nở hoa vào mùa hạ.

d) *Huệ Lan*: còn gọi là Huệ, nở hoa về cuối xuân.

✶ Không có việc hèn, cũng không có người hèn, chỉ hèn là khi nào làm việc quấy quá, bậy bạ. (Péguy).

✶ Chỉ khi nào tin tưởng ở sự cao cả của công việc và ở những khả năng thực hiện của mình, người thủ lãnh mới có đủ nghị lực vươn mình lên và giúp kẻ khác vươn mình lên nữa.

✶ Muốn thắng, trước hết phải tin rằng có thể thắng được (Louis XIV).

✶ Hành động chung, bất luận trong công cuộc nào, cũng đòi người ta phải hy sinh lợi quyền, phát dương năng lực, phục tòng kỷ luật, đến nỗi, nếu không có một tín ngưỡng, một lửa thiêng, người ta khó lòng theo đuổi lâu bền được.

✶ Phàm cái gì sống đều có sinh khí. Phàm sự gì không có sinh khí đều chết cả.

✶ Phàm làm việc có say sưa thì việc mới nên hay, nên đẹp. Kẻ làm việc chỉ cốt để kiếm tiền, mà không phải vì say sưa với việc, quyết không bao giờ trở thành một giá trị và càng không bao giờ trở thành một thủ lãnh.

TỪ ĐIỂN Y NGỮ

VIỆT-NAM

NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

(khởi đăng từ B. K số 39)

A

abrasion :
(T) : Sát phá, — Ma tổn.
(N) : Tao bà, — bác thoát.
(V) : Sự cạo lột, — sự mài, — sự xén hớt.

abréaction : (psychocathársis) :
(T) : Tinh thần phát tiết.
(N) : Trừ phản ứng, — Tái phản ứng.
(V) : Hồi cảm, — hồi giác.

abrine :
a-bơ-ri-nơ một độc tố dùng để chữa bệnh đau mắt hột *(trachome)*.

abruption :
Gẫy ngang (xương).

abscission :
(T) : Thiết khử.
(N) : Thiết đoạn.
(V) : Cắt bỏ.

absence :
(T) : Thất thần.
(N) : Thất thần phát tác.
(V) : Mất trí, — Đãng trí.

absinhthe :
(T) : Khổ ngải.
(V) : Rượu áp xanh.

absorbant :
(T) : Hấp thu tính, — Hấp thu tế.
(N) : Hấp thu tế, — Vị toan trung hòa tế.
(V) Thuốc hút hơi, — hút nước.

absorption :
(T,N) : Hấp thu.
(V) : Sự hấp thu.

absorptivité :
(N) : Hấp thu lực.
(V) : Sức hấp thu.

abstergent (abstergentia) :
(T) : Tẩy dịch tế.

(T) : Tẩy dịch tế, — thanh tịnh tế.
(V) : Thuốc rửa nhọt.

abstersion :
(T, N) : Tẩy dịch.
(V) : Sự rửa nhọt, — rửa mụt.

abstinence :
(T) : Tiết chế, — Cấm giới.
(N) : Cấm đoán, — cấm dục, — cấm yên.
(V) : Sự kiêng khem, — kiêng cữ, — Sự chừa.

abus : Lạm dụng.

abus de purgatifs :
Lạm dụng thuốc tẩy.

acalasie : x.c ; **Achalasie.**

acampsie (acampsia, ankylose) :
(T) Khuất nao bất năng.
(N) : Quan tiết cương trực, — Tứ chi cương trực.
(V) : Bệnh cứng khớp.

acantholyse (acantholysis) :
(T) : Bì phu cức tầng tùng giải.
(N) : phiên âm. (1)
(V) : Trạng rời gai, — Trạng a-căng-tô-ly.

acanthome : (acanthoma, verrue) :
(T) : Cức bì lưu.
(N) : Bì phu nham.
(V) : Bướu ngoài da.

acanthopelvis : (pelvis spinosa) :
(T) : Cức trạng cốt bồn.
(N) : Hữu cức cốt bàn.
(V) : Xương chậu gai.

acanthose : (acanthesis) :
(T) : Cức bì chứng.
(N) : Biểu bì phì hậu.
Biểu bì chủng.
(V) : Bệnh sưng biểu bì.

acanthosis nigricans :
(T) : Hắc cức bì chứng.
(N) : Hắc sắc biểu bì chủng.
(V) : Chứng sưng biểu bì đen.

acapnie : (acapnia) :
(T) : Khuyết thán toan huyết.
(N) : Huyết dịch thán toan giảm thiểu chứng.
(V) : Bệnh bớt thán toan trong máu.

acardiaque (acardia, acardie) :
(T) : Vô tâm kì hình.
(N) : Tâm tạng khiếm tổn.
(V) : Tật thiếu tim.

acare ; (acarid) :
(T) : mãn.
(N) : Giới tiền trùng.
(V) : Cái ghẻ, — trùng ghẻ.

acaricide :
(T) : Sát mãn tế.
(V) : Thuốc trừ ghẻ.

acariose, (acariasis, acarinosis, acaridiasis, mite disease) :
(T) : Mãn bệnh.
(N) : Giới tiền trùng bệnh.
(V) : Bệnh ghẻ.

acarophobie :
(T) : Mãn khủng bố.
(N) : Giới tiền khủng bố chứng.
(V) : Bệnh sợ ghẻ.

acarus : xem chữ acare.

acatalepsie :
(T) : — Chẩn đoán bất minh.
— Lĩnh hội bất năng.
(N) : — Chẩn đoán bất minh.
— Lý giải bất năng.

(1) Xin hiểu là, người Nhật phiên âm, chứ không dịch (Phonétisation).

(V) : Bệnh không hiểu rõ, không hiểu nổi.

acataphasie : (agrammatisme) :
(T) : Ngữ pháp khuyết thất.
(N) : Thất văn pháp chứng.
(V) : Bệnh nói sai mẹo, — chứng nói nhịu, nói chệch,

acatapose :
(T) : Yết hạ khốn nạn.
(N) : Yết hạ bất năng.
(V) : Bệnh khó nuốt.

acatastasie :
(T) : Phản thường, — thất quy.
(N) : Thất điều, — dị thường.
(V) : Sai lạc, — khác thường.

acathectique :
(N) : Phân tiết vật uất trệ chướng ngại.
(V) : Bệnh của tế bào gan không đủ sức giữ nổi các sắc tố của mật.

acathésie, (acathisie, acatisia) :
(T) : Tĩnh tọa bất năng.
(N) : Trường thời gian chính tọa bất năng.
(V) : Bệnh ngồi không được, — bệnh sợ ngồi.

acaudal :
(T, N) : Vô vĩ.
(V) : Tật không có đuôi.

acauliose : bệnh a-cô-li-ô.
Tên một thứ bệnh nấm do loại **acaulium** gây ra.

acc : viết tắt của chữ : **accommodation.**

accablement : Rã rời, — kiệt quệ.

accalmie traitresse : Tạm yên giả trá. (Một thời kỳ trong bệnh sưng màng bụng, péritonite).

accelerans :
(T) : Gia tốc thần kinh.
(N) : Súc tiến thần kinh.
(V) : Thần kinh đẩy mạnh.

accélération :
(T) : Gia tốc.
(N) : Súc tiến.
(V) : Sự thúc đẩy, thúc gấp.

accélération respiratoire :
(N) : Hô hấp súc tiến.
(V) : Hơi thở gấp.

accélérateur:
(T) : Gia tốc khí, — Gia tốc tế.
(V) : — Máy tăng gấp, — máy hối mau.
— Thuốc tăng gấp.

accelerator factor : xem chữ : accélérine.

accélérine, (facteur IV, ou sérum acglobuline) :
(V) : Nhân tố IV, — Súc tiến tố, ắc-xê-lê-ri-nơ

accélérinémie :
(V) : — Súc tiến tố trong máu.
— Có ắc-xê-lê-ri-nơ trong máu.

accentuation :
(T) : Tăng cường.
(N) : Kháng tiến.
(V) : Sự nhấn mạnh, — sự tăng cường.

accepteur :
(T) : Thụ thể.
(N) : Thụ dung thể, — thụ ứng thể.
(V) : Vật thâu nhận, thâu giữ.
Vật tiếp thụ, tiếp nhận.

accepteur d'hydrogène :
(T) : Thụ khinh thể.
(N) : Thủy tố thụ dung thể.
(V) : Vật giữ khinh khí.

accès : (access, accessis) :
(T) : Phát bệnh, — Nhập khẩu.
(N) : Phát tác, — Tiếp cận.
(V) : Một cơn.

accès éclamptique :
(N) : Tử giản phát tác.
(V) : Cơn động kinh.

accès d'étouffement :
(N) : Trất tức kinh luyến.
(V) : Cơn ngột, — cơn bức thở, nghẹt thở.

accès de fièvre : Một cơn sốt, một cữ sốt.

accès de folie furieuse :
(T) : Táo cuồng phát tác.
(N) : Táo bạo trạng thái.
(V) : Cơn điên khùng.

accès de fureur :
(N) : Phẫn nộ phát tác.
(V) : Cơn phẫn nộ.

accès de vertige :
(N) : Huyễn vựng phát tác.
(V) : Cơn chóng mặt, — cơn xây xẩm.

accès maniaque :
(N) : Táo bệnh phát tác.
(V) : Cơn điên, — cơn dở người, — cơn dại.

accessoire :
(T) : Phó đích, — phụ thuộc đích, — Linh kiện.
(N) : Phó, — Phó thuộc vật.
(V) : Đồ phụ, vật phụ.

accident :
(T) : Sự cố, — Ngoại ý thương hại.
(N) : Sự cố, — Tai hại, — Thương hại.
(V) : Sự rủi, — sự bất kỳ, — Tai nạn.

accident professionnel :
(N) : Chức nghiệp thương sự cố.
(V) : Sự rủi ro về nghề nghiệp, — Tai nạn nghề nghiệp.

accident du travail : Tai nạn lao động.

accidentalisme :
(N) : Ngẫu phát thuyết.
(V) : Thuyết ngẫu phát.

accidentel :
(N) : Ngẫu phát tính.
(V) : Tình cờ, — ngẫu nhiên.

accidents sériques :
(N) : Huyết thanh bệnh.
(V) : Bệnh huyết thanh.

acclimatation (acclimation) :
(T) Phong thổ thuần hóa, — phục thủy thổ.
(N) : — Khí hậu thuận ứng.
— Thuần hóa.
(V) : Sự quen phong thổ, phục thủy thổ.

acclimatement : Sự thích ứng hoàn toàn và mãi mãi với một thủy thổ hay một hoàn cảnh mới.

acclimater : Làm cho quen thủy thổ. Tập quen thủy thổ, khí hậu.
(**S'acclimater :** Phục thủy thổ.)

(Còn nữa)

KHÓI LỬA KINH THÀNH

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG
(VI-HUYỀN-ĐẮC dịch)

Ở trong cái hoàn cảnh mới, lạ, ở Diêu-phủ, Man-Ni mải làm quen, mải chuyện trò với San-Thư, Mạc-Sầu, Diêu-thái-thái, mà cơ hồ như quên bẵng hẳn Bân-a. Một lúc sau, các người đi cả, chỉ còn lại có nàng và thân mẫu nàng, thì một người vú già bưng lên cho tân-nương một bát canh đương quy nấu với nước dùng gà ; nàng ăn xong, liền sang phòng ngủ để cởi bớt đồ nữ trang ra, cho đỡ vướng vất, thì bác bỗ già là La-Đại, vén rèm bước vào phòng khách và thưa rằng, có Tưởng-thái-y đến chơi. Nguyên-lai, bác La-Đại vừa đi xa, có việc, mới trở về, không được biết là cái thư trai này đã dành riêng cho hai mẫu nữ Man-Ni tạm trú, nên cứ dẫn khách vào đây như thường lệ.

Nghe thấy thế, Man-Ni vội vàng bước ra phòng khách. Quan thái y lại tưởng nàng là một chị a hoàn, nên hỏi Diêu-lão-gia có nhà hay không, nàng trả lời có. Nàng nói xong, cứ đứng yên, quan thái y cũng không hiểu ra sao nữa, nếu nàng cũng là khách lạ, thì sao lại ra thừa tiếp, mà nếu là người nhà, thì sao không đi mời ngay ông chủ nhà ? Ông phân vân giây lát rồi cứ ung dung vào ngồi ở cái ghế về hướng tây, để khỏi phải giao đàm với đàn bà, con gái. Nhưng, sau khi ông an vị, người thiếu nữ đó liền hướng về phía ông, mà hỏi :

« Thưa thái y, chúng tôi xin mạn phép thái y để thỉnh giáo thái y một việc ».

Ông hết đỗi kinh ngạc, khi nhìn qua cặp nhãn kính ông, nhận thấy rõ rằng ông thường lui tới đây, mà chưa hề thấy cô này bao giờ.

« Được, được chứ... » rồi, đứng về lập trường, chức nghiệp của ông, ông hỏi tiếp : « Ở đây, có người nhà không được thư phục hay sao ? »

« Thưa không phải người nhà đây, mà, thưa, chính là thiếu gia bên Tăng-phủ kia, đấy ạ... »

Ông thái-y lại càng lấy làm lạ hơn nữa, vì ông đã được biết, người vợ chưa cưới của Tăng-thiếu-gia đã tới Bắc-kinh, nhưng, người ấy ở bên Tăng-phủ kia mà... Nếu vậy, người này là ai, một chị a-hoàn, hay một người thế nào của Bân-a ?

« Thưa ngài, bệnh tình của cậu ấy, hiện ra sao, kia ạ ? Theo ý kiến của ngài, thì bệnh của cậu ấy có thuyên dũ được phần nào không ạ ? » Man-Ni hỏi tiếp như vậy.

— Cậu ấy đã khá nhiều lắm và hiện tại, đương lần lần đi đến chỗ phục nguyên và có thể khỏi hẳn được lắm... » Vị thái-y đáp một cách chắc chắn như thế.

« Bẩm, thực như thế ạ ? » Man-Ni hỏi, giọng hơi run run vì cảm động. Ông thái-y vẫn thấy khó hiểu quá, một thiếu nữ mà dám đường đường hỏi thăm một cách mật thiết tới bệnh trạng của một người con trai, thời thiệt là không hợp lễ một tí, một ly nào cả. Nhưng, đối với một cô nương đẹp như thơ, như mộng, thế này, ông không thể không hỉ hoan tiếp chuyện, ông mới thử dọ thám xem sao :

« Nói thiệt ra, cứ theo bệnh trạng, sự thuyên dũ, cũng là sự phục nguyên, thì, một phần, nhờ ở sức người, một phần nhờ ở lòng trời, một phần nhờ ở thuốc thang, một phần nữa, nhờ ở cái hoạt lực của bệnh nhân... cậu ấy bị bệnh cũng đã khá lâu mà... » Cứ xem cái thần sắc và dáng điệu thì dần dần, vị thái-y đoán ra, nhất định người thiếu nữ này, chính là cái vị tân nương đây. Bởi nghĩ vậy, nên ông hỏi thẳng ngay :

« Tôi hỏi khí không phải, cô có phải là thân thích của Tăng - thiếu - gia không ? »

Ông hỏi xong thì nhích mép, cười.

Man-Ni đỏ bừng cả mặt lên, rồi ấp úng đáp : « Thưa, chúng tôi là... là... »

Nàng còn đương lúng túng thì vừa vặn bác La-Đại bưng khay trà lên ; bác chợt thấy Man-Ni đương ngồi tiếp chuyện vị Thái-y thì rất đỗi kinh nghi, bác hỏi ngay : « Thưa, chúng tôi xin mạn phép tiểu thư có phải tiểu thư là Tôn-tiểu-thư không ạ ? Chết chửa ! Tiểu thư đã qua bên Diêu-phủ của chúng tôi, lúc nào mà chúng tôi không được rõ... vì chúng tôi vừa đi có việc về, nên không hay biết gì cả... xin tiểu thư xá lỗi cho và tiện đây, chúng tôi xin cung hỉ tiểu thư ! »

Vị Thái-y rất đỗi hứng phấn, ông đứng lên và nói bằng một giọng vui vẻ :

« À ra đây là Tôn-tiểu-thư !... Ở đây, chúng tôi hết sức mong đợi tiểu thư... Nếu tiểu-thư đến, thì bệnh tình của biểu huynh của tiểu thư, nhất định sẽ thuyên dũ... chúng tôi vẫn nói : tiểu thư có một hiệu lực chẳng kém y sinh !... mà như vậy, có lẽ hôn kỳ cũng tới nay mai, có phải không à ? »

Man-Ni đảm luống cuống, không còn biết làm thế nào nữa, nàng vội hướng về phía buồng của thân mẫu nàng mà gọi : « Thưa mẹ, mời mẹ ra, có Tưởng-y-sinh đến đấy ạ... » Nói xong, nàng hớt hoải chạy biến về phía buồng mình.

★

Đến sáng sớm ngày hôm sau, San-thư, Mộc-Lan, và Mạc-Sầu, đều kéo tới phòng của hai mẫu nữ Man-Ni, để bàn tính và sửa soạn việc hôn giá.

Thoạt đầu tiên, San-thư giúp Man-Ni để sửa cái bộ mặt trước đã. Cô không dùng dao cạo để cạo mặt, vì sợ rát và làm sần da lên, nên cô dùng một sợi dây bện bằng chỉ vải, đã xấp qua nước, một đầu dây thì cắn vào răng để giữ chặt lấy ; còn đầu kia, cô dùng hai ngón tay, ngón trỏ và ngón cái, của tay hữu, mà, vừa xoe, vừa rê lần lần ở trên má, trên trán, trên cằm, của Man-Ni, để cuộn và nhổ cho sạch hết các lông tơ đi. Cô có một kỹ xảo tuyệt vời nên chỉ một thoáng là đã xong xuôi, mà Man-Ni không thấy mảy may đau, rát, gì cả. Đây là một cái thói tục riêng biệt của người Trung-hoa. Họ nhổ lông tơ ở mặt đi, có lẽ để đánh phấn cho nó dễ ăn, nhưng, làm như vậy, rất có hại, vì lâu dần, da nó bị trơ ra khô đi. Vả những

lông tơ ở mặt không khác gì những cái lông tơ trên quả đào, nó có cái công dụng làm cho da dẻ có cái vẻ mơn mởn và mịn màng như tuyết nhung vậy. Ở một vài miền, người Việt ta cũng có dùng cách này, nhưng, thường thường người ta chỉ dùng dao cạo để cạo sơ sơ đi thôi. Nói tóm lại, nhổ hay cạo, đều có hại, như trên đã nói, nó làm cho da trơ ra rồi khô đi, tuy, lúc đầu, đánh phấn, nó rất ăn phấn.

Tôn-thái-thái phu nhân hết sức ưu tư, phiền muộn. Nào y phục, nào nữ trang, rồi chăn, màn, gối, đệm, giày dép, rương hộp, bao nhiêu là thức, để làm thành một « tư trang » cho một cô dâu hôm về nhà chồng. Tuy bên nhà trai có hứa, sẽ chu biện hết, nhưng bà vẫn lo ngay ngáy; không biết, liệu có cái gì thiếu sót không; mà nếu xảy ra thiếu sót thì làm thế nào? Bà cứ lẩn mẩn, nghĩ quanh, tính quẩn, cho đến rối cả trí lên.

Nhưng, bà không nhờ tới sự sốt sắng và sự tận tâm của Mộc-Lan và gia đình cô. Ngay sáng hôm sau, Mộc-Lan cùng với cô em, cứ kìn kìn đem bao nhiêu là lễ vật sang buồng của Man-Ni, và bày, xếp, la liệt, đầy cả giường, tủ, bàn, ghế, không còn một chỗ nào hở; cái phòng của Man-Ni bỗng trở thành một hiệu kim hoàn. Thôi thì, trân châu, bảo thạch, xích kim cử sáng rực, đỏ ối cả phòng lên. Chính Man-Ni xưa này nàng có rất ít đồ nữ trang, nên nàng không thể nào tưởng tượng được rằng, với ngần ấy thứ, thì dùng làm sao, đeo làm sao và gài vào đâu cho hết. Nàng rất cảm động khi thấy Mộc-Lan và cả Diêu-gia đối đãi với mình quá nhân ái, quá hậu tình, như vậy.

Mộc-Lan và Mạc-Sầu, mỗi người mừng Man-Ni một đôi hoa tai, một cái trâm vàng có nạm trân châu, một đôi hoãn bằng bạch kim có khảm phỉ thúy mầu thiên lam; San-thư mừng một sợi dây truyền có một chữ « hỉ » bằng vàng, trên có đính toàn ngọc thạch lựu, đỏ ối. Chỉ những dở ra, gói vào các vật, mà, đánh loáng một cái, đã hết cả buổi sáng; tất cả mới kéo nhau đi ăn cơm trưa, người nào, người ấy, có vẻ thấu khoái như vừa đi xem một vở hát hay về; riêng Man-Ni, nàng có cái cảm giác, nàng đột nhiên thành một người giàu có, sang trọng.

Cơm, vừa xong được một lát, thì bên Tăng-phủ phái Quế-Cô sang. Quế-Cô có dắt theo cả Ái-Liên, cùng con bé a-hoàn Hương-Vi, và một người đầy tớ trai. Họ đem sang bốn cái rương da, mầu đỏ, có rắc kim sa, với những cái khóa đồng bóng lọng. Đó là lễ phẩm của nhà trai.

Quế-Cô nói: « Thái-thái của chúng tôi cho chúng tôi sang thưa rằng, vì thời giờ cấp xúc, không sao chu biện kịp, nên thái-thái chúng tôi chỉ mới cho đưa sang có một vài cặp y thường cần nhất, cùng là một số ít đồ nữ trang; còn thì, xin để bồ túc sau... » Nói xong, Quế-Cô lấy ra một cái gói, đưa cho thân mẫu của Man-Ni và nói: « Thưa đây là gói « Môn bao » để tặng các dung nhân của nhà gái, ạ... » Trong trường hợp này, dung nhân của nhà gái, tức là tất cả bộc dịch của Diêu-gia vậy. Sau, Quế-Cô lại đưa ra một bao giấy đỏ, trong đó có một tờ ngân phiếu là sáu trăm lạng bạc; đây là tiền dẫn cưới mà theo như thường lệ, bên nhà trai đã phải đưa sang bên nhà gái, từ mấy tháng trước ngày cưới, kia đấy, để bên nhà gái sắm sửa « tư trang » cho cô dâu. Sau, Quế-Cô lại bảo Hương-Vi, đem cái gói bọc bằng vóc điều ra;

đó là một cái hộp đựng toàn đồ nữ trang để tặng cô dâu. Lúc ấy, Man-Ni đương lần ở bên phòng ngủ. Trước mặt Tôn phu nhân và Diêu phu nhân, Quế Cô bầy ra bàn ; các đồ trang sức, gồm có : một đôi vòng vàng nạm kim cương ; một đôi vòng bằng ngọc phí thúy, sáng rực ; một cái nhẫn mặt kim cương ; một cái nhẫn mặt ngọc Ba Tư mầu lục ; một cái nhẫn bằng ngọc lam ; một đôi hoa tai mà mặt hình sinh lê bằng ngọc hỏa lựu ; một đôi hoa tai bằng trân châu ; một bộ trâm để gài đầu, gồm có hai quả tim trạm nổi, dịu vào nhau, có dát ngọc phí thúy và một đôi vòng chân có đính những cái tiểu linh, mà mỗi khi cử động, nó rung lên lanh tanh, linh tinh ; Nói tóm lại, đó toàn là đồ quý giá, đã trọn lựa rất công phu. Mộc Lan chạy sang bên buồng, nắm tay Man-Ni lôi sang bên phòng khách, để cho nàng đích thân nhận lấy những thứ lễ vật đó, nó tỏ rõ sự yêu quý « tân nương » đến tột mực ; ngoài ra, nó là một cái nhã ý của « càn gia » đối với « khôn gia », để khôn gia khỏi phải bận tâm, vì khôn gia ở đây chỉ là « khách », không thể nào lo liệu được.

Trên đây là đồ nữ trang. Bây giờ tới y phục. Quế-Cô dở cái tráp, cũng bao bằng giấy đỏ, và lấy ra một cái « phượng quan », thứ mũ phượng của cô dâu đội, và một cái đỉnh mũ gọi là « miện », hai cái đều nạm toàn hạt ngọc trai ; phía dưới của quan, miện, có những chuỗi ngọc đủ các mầu, rủ xuống, trông rất yểu điệu. Lại còn có cả một bộ « phi thúy như ý », một thứ vật phẩm tuy chỉ dùng đến khi rước dâu thôi, nhưng cho được đúng với nghi thức, không thể nào, không có được. Quế-Cô để nó lên bàn cho cả nhà xem ; nó là tượng trưng của hạnh vận và có tự bao giờ, nguyên ủy ra sao, không ai biết rõ nữa.

Trong rương, lại cũng còn có : một cái áo ngắn bằng đại hồng đoạn, trên thêu toàn những đóa hoa sen, mỗi đóa to bằng bàn tay ; một cái khăn để khoác vai, bằng vóc thêu hoa văn, ngũ sắc, rất rực rỡ ; một bức xiêm bằng đoạn mầu lam thẫm, có chếp rất nhiều nếp mà trên có « thủy ba sóng gợn », mầu lục, lẫn với mầu lam, trông cực đẹp mắt. Cả cái chị Tiểu-Lạc đi theo hầu tân nương, cũng được cả một bộ xiêm áo mới tinh.

Cứ theo thường lệ, thì các đồ tư trang cùng bộ « như ý » và các rương đồ đều được mở ra, và để vào những cái « quầy » cho người dẫn cưới rước đi, diễu ở đường phố, để cho thiên hạ xem, khi rước dâu từ nhà gái tới nhà trai ; nhưng, trong trường hợp này, vì Tăng gia muốn giữ kín đám cưới, nên mới cho đưa cả sang bên Diêu-gia, một cách lặng lẽ, không dẫn rượu, phô trương.

Man-Ni, sau mấy phút cao hứng thì đứng lên ; lấy cớ rằng muốn cho Ái-Liên xem các đồ mừng của Mộc-Lan và Mạc-Sầu, nàng xin lỗi Diêu-phu-nhân và thân mẫu cô, rồi dắt tay Ái-Liên cùng về phòng mình.

Cô hỏi Ái-Liên : « Bân-kha hiện giờ ra sao, hả em ? »

Ái-Liên đáp : « Em nghe thấy, đâu Bân-kha lại mệt hơn, nên thái-thái phải cho đi mời ngay quan thái y... »

— « Thế quan thái-y bảo thế nào ? »

— « Em cũng không biết nữa... »

Quế-Cô đương bàn soạn với bà thân mẫu của Man-Ni và Diêu-phu-nhân về

thể thức cử hành lễ cưới ra sao; đám cưới sẽ rước dâu vào buổi chiều ngày mai, hồi năm, sáu giờ... Về cách phục sức cho cô dâu, Quế-Cô nói, tân nương vóc người hơi thấp nên sẽ vấn tóc theo kiểu « bàn long »; Tiểu-Lạc là người hầu cận của cô dâu, thì để nó đi kèm với cô dâu và có Tuyết-Hoa giúp sức. Kế tiếp, mới tính tới việc mẫu thân của cô dâu. Quế-Cô nói:

« Theo thiển ý của chúng tôi, thì, trong trường hợp này, ta có thể không theo đúng tục lệ. . Mẫu-thân của cô dâu có thể cũng cùng đi với cô dâu...

San-Thư vội nói: « Có thể như vậy, được sao?... Bà mẹ vợ, có thể cùng có mặt, ở một nhà với cô dâu hôm rước dâu, được như?»

Mộc-Lan nói xen vào: « Có thể được chứ, là vì, Tôn, Tăng, hai họ vốn dĩ vẫn là thân thích kia mà... nay, lại thành thân gia, thì ta cứ làm thế nào cho tiện nghi thì thôi...chứ, việc gì mà cứ quá câu nệ, kia chứ!...»

« Ứ, ừ! thế thì ra, bà mẹ vợ, lại tiếp cô dâu ở trên kiệu hoa bước xuống, hay sao?!» Mạc-Sầu bình phẩm một cách gắt gao cái ý kiến quá ư tiệp diệp của cô chị.

Tôn phu nhân cũng nối lời Mạc-Sầu, mà bảo: « Cô Mạc-Sầu nói đúng đấy... Nếu tôi không đi theo Man-Ni mà ở lại đây, thì tôi không thể an tâm được... mà đi, chỉ có một mình tôi thôi, thì bất tiện... tôi nghĩ như vầy, hôn sự của Man-Ni quả còn thiếu một « mối nhân », âu là, xin Diêu-phu-nhân, vì chúng tôi, mà nhận cho cái chức vụ dẫn đạo đó cho, thì thật là hoàn hảo cả.... »

Diêu phu nhân nói: « Được lắm!... được lắm!... tôi xin vui lòng... nhưng, không biết mấy bữa sau, thì Tôn-thái thái mới sang được bên Tăng-phủ, cái đó còn tùy ở bệnh trạng của chú rể, kia... »

Tôn-phu-nhân liền hỏi Quế-Cô:

« Thế thưa cô, Bân-nhi hôm nay thế nào? Có khá hơn không, thưa cô?»

Tất cả đều chăm chú đợi câu trả lời của Quế-Cô.

« Thưa, hình như không được tốt lắm...» Quế-Cô trì nghi đôi phút, rồi mới đáp như vậy. Trong thâm tâm cô, cô không muốn nói dối, để giấu giếm, nhưng cô cũng không muốn gieo một mối lo âu vào lòng các người đương cục. Cô lại nói tiếp: « Nguyên, đêm hôm qua, cậu nó không ngủ được yên giấc, nên đến sáng ngày, cậu nó lại kêu cổ họng và miệng khô ráo... mắt cậu nó lại có vẻ trì độn, không được tinh nhanh như bữa trước... bởi vậy, chúng tôi đã phải cho đi mời ngay quan thái y, để xem mạch cho cậu nó...»

Tất cả đều im lặng. Quế-Cô nói: « Có lẽ, tốt hơn hết là ta chớ nên để cho Man-Ni biết cái tin này...»

Thân-mẫu Man-Ni nói: « Riêng phần tôi, tôi nghĩ, trong lúc này, ta cũng chớ nên quá câu nệ và lễ tiết... Tôi nhất định cùng đi với con em Man-Ni và ở bên Tăng-phủ ngay với nó, để cho nó vững tâm, nhưng, trước hết ta cũng nên bảo cho nó rõ xem nó nghĩ sao, có phải không ạ?...»

Tiểu-Lạc được sai đi gọi Man-Ni sang; Man-Ni, hai mắt đỏ hoe, nên không một ai nỡ nói tới bệnh trạng của Bân-A. Man-Ni đồng ý, mới mẹ cùng đi với mình, khi rước dâu, và để cho

hợp tục lệ, thì bà mẹ, hoặc đi trước, hoặc đi sau một tý cũng không sao.

Diêu-phu-nhân lại nói thêm : « Mới lại, cũng là họ hàng, thân thích cả, thì làm như vậy, cũng là được, chẳng ngại. »

Như thế là các việc đã được quyết định ổn thỏa cả.

— Chiều hôm đó, Man-Ni rất đỗi lo âu, buồn bã. Bao nhiêu tình cảm, bao nhiêu dự tưởng đã dồn dập đến xâm chiếm tâm não cô, làm cho cô nhận thấy rõ là cô đã bị vận mệnh nó chi phối và không còn cách gì, thế gì, để gỡ nổi ; rồi, mai đây, cô chỉ còn có việc là nhận lấy tất cả những việc mà các người khác đã bố trí sẵn sàng. Thế là cô đã quên lãng tất cả châu báu, ngọc ngà, vành cánh ; mà, đối với việc hôn nhân của cô, cô có cái cảm giác như cô bị người ta bắt cóc làm tân nương, chứ, cô không thấy có cái hứng phấn của một cô dâu mới ; tuy vậy, cô không thấy run sợ một tí nào.

Đêm hôm đó, Mộc-Lan nhất định bắt Man-Ni phải sang ngủ cùng giường với mình. Khi hai người đã lên giường nằm, Man-Ni mới nói với Mộc-Lan rằng : « Muội muội ơi ! Thiệt là muội muội đã hết lòng với Man-Ni ; nếu không có Mộc-Lan và song thân của Mộc-Lan đã tận lực giúp đỡ, thì, thật tình, hai mẫu nữ Man-Ni, cũng không còn biết làm thế nào, cho chu đáo được... Ở đời, người thanh niên nam nữ nào chẳng ước ao một hôn lễ long trọng, rỡ ràng... nhưng riêng về Man-Ni, cái số phận của Man-Ni nó bắt phải như vậy, cả ngay đến sự hoan lạc cũng phải đợi ở tương lai. Mộc-Lan ạ, Man-Ni không thể nào, theo thông lệ, lúc nào cũng xúng xính trang điểm và thắng cái bộ hỉ phục vào, trong ròng rã ba ngày trời, để cho thiên hạ ngắm, xem, và trầm trồ khen ngợi... Không đâu, Mộc-Lan ơi !... Làm lễ xong, là Man-Ni phải lập tức trút bỏ bộ áo cưới để phục thị Bân-Kha, trông nom thuốc thang cho anh... ấy cũng vì vậy mà Man-Ni phải cố nài cho thân mẫu Man-Ni cùng sang bên Tăng-phủ ngay với Man-Ni... Man-Ni đã nghĩ kỹ rồi, phải có cả mẹ mới được, và đệ, cùng với Tuyết-Hoa Và Tiểu-Lạc, bốn người luân lưu nhau, mà săn sóc Bân-Kha, cho tới khi anh ấy khỏi bệnh... Lúc ấy mới là lúc hoan lạc... » Nàng nói tới đó thì thở dài, rồi nói tiếp : « ... Mà, vạn nhất có xảy tới việc bất hạnh, thì Man-Ni chỉ có việc, trường trai, niệm Phật, tụng kinh... và ngồi thêu những bức tượng Phật, để tiêu ma cho hết những ngày sống thừa mà thôi !... Chắc cha mẹ chồng của Man-Ni cũng chẳng nỡ để đến nỗi Man-Ni phải đói, rét !... »

Quả thật, từ khi lớn lên và cũng đã nhiều lần dự các lễ cưới, Mộc-Lan chưa hề nghe thấy một tân nương nào thốt ra những lời « kinh nhân » như vậy. Mộc-Lan thấy vô cùng bội phục người bạn lòng tuy chẳng được số phận ưu đãi, mà vẫn cam tâm nhận lãnh lấy vận mệnh của mình một cách can đảm !

Đến ngày hôm sau, chính là ngày hai mươi lăm tháng năm, thị cử hành hôn lễ của Man-Ni.

Thân-mẫu Man-Ni, nhờ sự giúp đỡ của San-Thư và Mộc-Lan. đã sắp đặt và dự bị đủ cả, nên chỉ việc ngồi đợi kiệu hoa.

(còn nữa)

LÂM-NGỮ-ĐƯỜNG

TIN MỪNG CHO PHỤ-HUYNH HỌC-SINH

GIA-ĐỊNH — GÒ-VẤP — PHÚ-NHUẬN

Một nhóm giáo sư có uy tín ở Thủ-đô, *từng nghiên cứu và thực hành Tân giáo dục*, đã chung sức mở một trường Trung-Tiểu-học, dạy từ Mẫu-giáo đến Tú-tài, tại số 341 đường Lê-Quang-Định — Gia-định.

☆ **Trường-Sở :** Một biệt thự có lầu đồ sộ, trên một khu đất 6000 m^2, có vườn cây mát, sân chơi thể dục.

☆ **Học phí :** Lấy rẻ hơn mọi trường khác đến 25% vì không có tư bản trung gian.

☆ **Tổng khai giảng :** 1-10-1958, ghi tên từ ngày 15-9-1958.

☆ **Sáng lập viên :**

— Ô. Ô. Nguyễn-Văn-Chữ (nguyên giáo sư Trung-học Khải-Định, *Huế* — Tân-thịnh, *Sàigòn*) ;

— Bùi-Văn-Giai (giáo sư Tân-thịnh, *Sài-gòn*) ;

— Nguyễn-Lương-Hưng (giáo-sư Tân-thịnh, *Sài-gòn* — Cấp tiến, *Gia-định*) ;

— Lê-Văn-Lương (giáo-sư Hoàng-Việt, *Sài-gòn*) ;

— Nguyễn-Hữu-Ngư (giáo-sư Tân-thịnh, *Sài-gòn* ; nguyên giáo sư Cấp-tiến, *Gia-định*).

— Phan-Ngô (giám-đốc, giáo-sư Tân-thịnh, *Sài-gòn*) ;

— Thiên-Giang (giáo-sư Tân-Thịnh, *Sài-gòn* - Cấp-tiến, *Gia-định*).

Đó là trường « **TÂN-PHƯƠNG** ».

Một cái tên, mà cũng là một châm ngôn giáo dục.

Hộp thư Bách-Khoa

Cùng các bạn gửi bài :

Trân trọng xin nhắc lại để quý bạn lưu ý những thể lệ thông thường về việc gửi bài đăng trên Bách-Khoa như sau :

— Bài gửi đăng, xin viết một mặt, và viết rõ ràng.
— Nếu có hình vẽ gửi kèm, xin vẽ bằng mực đen để tiện làm bản kẽm.
— Những bài không đăng, tòa soạn sẽ không trả lại bản thảo.
— Dưới mỗi bài, ngoài bút hiệu, xin viết thêm tên thực cùng địa chỉ hiện tại để tòa báo tiện liên lạc, gửi tiền nhuận bút hoặc báo biếu.

— Mỗi bài gửi đến Bách-Khoa, xin đừng đồng thời gửi tới các báo khác. Nếu thấy Bách-Khoa chậm đăng hoặc vì một lẽ gì mà tác giả đổi ý kiến muốn gửi sang báo khác xin tin lại cho Tòa soạn Bách-Khoa rõ, để Bách-Khoa khỏi đăng trùng bài với các đồng nghiệp, có nhiều điều bất tiện.

— Từ trước đến nay, có nhiều bài các bạn gửi tới, gặp dịp thuận tiện Bách-Khoa đã đăng ngay, nhưng cũng có những bài, vì nhiều lý do chúng tôi đã trả lời quá chậm trễ. Chúng tôi thành thật xin lỗi các bạn đã phải chờ đợi quá lâu. Từ nay, chúng tôi sẽ cố gắng tin các bạn hay ý kiến của Tòa soạn sớm trên mục Hộp thư Bánh-Khoa này.

✶

Bài nhận được, đương xem : *Bài thơ không trọn* (Phong-Sơn) *Hồn-quê* (Từ-Phương) *Sao em chưa về* (Phương-Nguyệt) *Chiêm bao* (Trần-Trọng-Nhụ) *Lời Cảm* (Hàn-San) *Thơ* (Diệu-Thanh) *Thơ* (K.C. Thanh-Trung) *Ước muốn* (Việt-Tử) *Thơ* (Thi-Ngân-Giang-Tử) *Ý thầm* (Nguyễn) *Hoang mang* (Hoài-Khanh) *Ai qua chín đoạn phù kiều* (Cung Hoàng) *Du lịch xứ thơ* (Vũ-Hân) *Thi và thi nhân* (Lương-Tài) *Qua đèo ngang* (Mỹ-Thọ) *Những nền văn minh đã mai một — Kiếp nhân sinh* (Bằng-Khuâng-Tử) *Nên để người trẻ trung hay kẻ có tuổi ở các địa vị quan trọng* (Bảo-Thắng) *Một vài quan niệm về thi ca* (Nguyễn-Quang).

Bài sẽ đăng : *Sử quan trong tư tưởng hiện đại.*

Thơ : *Mưa đêm* (Kim-Thu) *Bài thơ không đề* (Tôn-Nữ Hoàng-Trân) *Thu hờn sông núi* (Nguyễn-Phan-An) *Vời vợi — Biệt* (Diên-Nghị) *Hồn vương tóc mịn* (Ngụy-Tần-Thương) *Đôi mắt* (Lạc-Nông-Điền *Thơ* (Thế-Viên).

Bài không Đăng : *Đứng lên* (thơ của T.T.) *Chiều bệnh viện* (thơ của Đ L.) *Từng nghe máu chảy đầu rơi* (thơ của T.T.L.) *Bến Chương-Dương* (thơ của D.T.) *Ngỡ ngàng* (thơ của B.T.) *Hẹn* (thơ của T.T.)

— *Ông Tô-Mặc-Giang :* Trân trọng cảm ơn nhiệt tình của ông đối với Bách-Khoa. Đã nhận được « Thu phong diệp lạc » và « Người đất loạn » - Đương xem.

— *Ông Lê-Thành-Nhân :* Đã nhận được thư và truyện của ông. Rất tiếc không đăng được « Gánh phở thành phố », bố cục không chặt chẽ và nhiều đoạn không tự nhiên. Mong những sáng tác khác nữa của ông.

— *Ông Ngát-Phủ-Thơ :* Đã nhận được thư và Thơ của ông. Rất tiếc không đăng được các bài ông đã gửi, vì mặc dầu lời thơ lưu loát, nhưng ý xưa và lãng mạn quá.

— *Ông Thạch-Giang :* Đã nhận được thư của ông. Trân trọng cảm ơn ông đã lấy Bách-Khoa làm tri kỷ mà giãi bầy tâm sự !

— *Anh Nguyễn-Văn-Xung :* Đã nhận được « Mụ Quản-gia... » của anh, sẽ xin đăng trong những số tới.

— *Ông Phạm-Công-Thiện :* Đã nhận được thư trả lời của ông. Sẽ xin chuyển cho ông Nguyễn-Chí-Thạnh Đàlạt.

— *Ông Hoàng* — Nguyễn-Văn-Tráng Saigon, - Rất tiếc không đăng được 2 bài ông gửi tới. Mong đợi những bài biên khảo khác của ông.

— *Lạc-Nông Điền :* (Blao) Rất tiếc là truyện ngắn chưa thể đăng được, nhưng sẽ đăng bài thơ « Đôi mắt » trong số tới. Cố gắng viết nữa đi, và chọn đề tài nào mà chính mình hiểu rõ, nắm vững nhất.

HỘP THƯ ĐỘC GIẢ

Ông Hoàng-Văn-Quáng, *tòa T.T. Quảng-Nam (Hội-An).*— Báo gửi tới ông vẫn đều. Đã gửi B.K. số 38.

Ông Nguyễn-Xuân-Lan (*Phú-yên*) Đã gửi tới ông B.K. số 36.

Ông Phùng-Văn-Hoanh (*Giáo viên*) số 37/5 xã An-phước. - Xin cảm ơn ông về những ý kiến xây dựng đối với B.K. Chúng tôi sẽ tùy nghi thay đổi các mục theo lời ông góp ý kiến. Đã gửi tới ông tập Mục lục Bộ môn Bách-Khoa.

★ Kẻ nhút nhát thiếu khí lực không bao giờ lôi cuốn được người ; song trái lại, kẻ can đảm mà thiếu lý tưởng cũng không bao giờ trở thành một thủ lãnh xứng đáng.

★ Người kém thông minh nhưng say sưa với công việc, tiến mạnh và xa hơn người cực thông minh mà lãnh đạm với công việc. (Maurois)

Quân tử có ba điều phải nghĩ.

Khổng Tử nói : — Người quân tử có ba điều phải nghĩ, ta không thể không xét tới vậy. Trẻ mà không học thì lớn lên không làm gì được. Già mà không dạy bảo người thì chết đi không ai còn nhớ tưởng tới nữa. Lúc giầu có mà không biết bố thí thì khi cùng quẫn không ai cứu mình. Cho nên người quân tử, lúc nhỏ mà nghĩ tới khi lớn thì phải học ; lúc già mà nghĩ tới chết thì phải dạy người ; lúc có mà nghĩ tới khi cùng quẫn thì phải chăm việc làm ơn cho người.

KHỔNG-TỬ GIA NGỮ

Đính chính

✱ Bài **NGUYỄN-HUỆ** của *Nguiễn-Ngu-Í*, « Bách-Khoa » số 39, trang 32, chú thích cuối cột 2, xin đặt vào cột 1, dưới câu : « *Anh hùng dáng mặt sử minh đó* ».

— trang 30, cột 1, dòng 5d : « *Lệ-Thần* Trần-Trọng-Kim ».

— trang 29, cột 2, dòng 4 : « vì bợ *đỡ* mà gán cân cho ».

✱ Bài « **TIẾNG ĐỊA-PHƯƠNG** » của *Bình-Nguyên-Lộc và Nguiễn-Ngu-Í* :

— trang 48, cột 1, về danh từ *nó* : đồ bắt cá, làm bằng tre đan. (xin bỏ đoạn sau).

✱ Bài « **MỘT NGƯỜI MẸ** » của *Mạc-ly-Châu* Bách-Khoa số 38, trang 58, cột 1, xin bỏ dòng 33, *Thếmà giờ nó đối xử mụ ?* »

✱ Bài « **TIẾNG ĐỊA PHƯƠNG** » của *Bình-Nguyên-Lộc* và *Nguiễn-Ngu-Í* Bách Khoa số 40 :

— trang 58, cột 1, dòng 16 : « Còm-mi » xin sửa lại *Cù-mi* »

— trang 62, cột 2, dòng 29 : « ốp vô », xin sửa : « *áp vô, a vô.* »

— Trong bài « Thương » thơ Phan-Lạc-Tuyên trang 69 dòng 13 có khúc *nhại* xin đọc : *nhạc.*

✱ Bài « **TRƯƠNG-VĨNH-KÝ** » của *Viên-Đài* và *Nguyễn-Đồng* Bách-Khoa số 40 (1-9-58), vì sự sơ xuất của Tòa soạn và của ấn công nên đã có những chỗ sai lầm sau đây, mong các bạn đọc và sửa chữa giúp lại cho :

— trang 46, cột 2, dòng 11, 12 : Cuộc thương thuyết thành công - Xin sửa là : *Sau cuộc thương thuyết, các sứ thần vui vẻ...*

— trang 48, cột 1, dòng 32 : 60 năm, nước ta không có giặc giã - Xin sửa là : *60 năm, đã bớt được nhiều sự va chạm giữa hai bên .*

✱ Bài « **VIỆC GIỮ CỬA HÀN NĂM MẬU NGỌ** » trang 20 dòng 15 xin đọc Quốc triều chánh *biên.*

— trang 23 dòng 29 xin đọc : một cái trồng đằng trước, ở trên, giữa hai chữ đặt sau.

Bách-Khoa số này 41, bài *Suối nước nóng*, trang 46, dòng 17 suối Cù-mỹ xin đọc *Cù-my.*

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do ấn-chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 4.400.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 5.700.000 Anh-kim

Luân-Đôn Tổng-Cục

38, Bishopsgate, London E.C.2

Saigon Chi-cục

CHI-CỤC CHÁNH : 3 Đường Võ-Di-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại-lộ Thống-Nhứt

(Nhà dầu Standard Vacuum Oil Co.)

Nam-Vang Chi-Cục

10, Phlauv Preah Kossamac

Chi-nhánh thành-lập tại các nước Viễn-Đông

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Vespa

1958

Ráp tại Việt-Nam

TỔNG PHÁT - HÀNH

CÔNG-TY VẬN-TẢI PHI-MÃ

9, Phạm - hồng - Thái — SAIGON

Điện-thoại : 21.670

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SAIGON
36, Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
(ex. Chaigneau)
Téléphone : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P. 49

PHNOM-PENH
26, Moha Vithei Preah Bat Norodom
(Ex. Doudart de Lagrée)
Téléphone : 385 et 543
B. P. 122

La B.N.C.I. et ses filiale possèdent plus de 1.000 sièges en France, dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F., A.E.F. Antilles, Colombie, Congo Belge, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCÉAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kano, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à lMexico (Banco del Atlantico) ; à Panama(Panama Trust Co. Inc.), au Caire et à Aexandrie (Crédit d'Orient).

VIENTIANE SAIGON VIENTIANE
QUADRIMOTEUR
BOEING STRATOLINER
DIMANCHE — VOL DIRECT
MARDI — JEUDI — VENDREDI — Via PAKSE & SENO

ลายลาว AIR LAOS

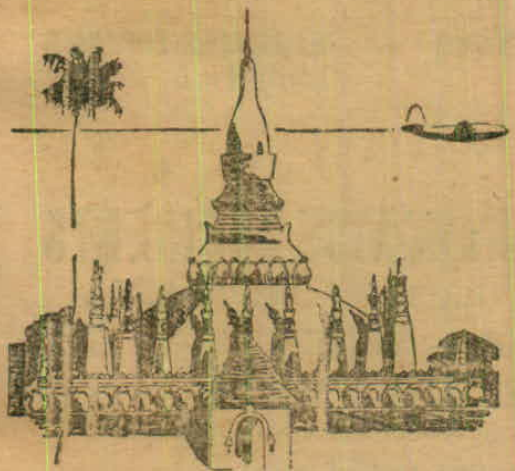

VIENTIANE

BANGKOK	HONGKONG
PHNOMPENH	SIEMREAP
PHONGSAVANH	LUANGPRABANG
LUONGNAMTHA	MUONGSING
THAKHEK	SAMNEUA

AIRLAOS
Renseignements & Reservations
65, Rue Lê-Thanh-Tôn -:- SAIGON
Tél. 22102 et Cardi 34

ENCORE UNE FOIS... 1958 - 1959

M. G. M. AU SOMMET

Avec joie et fierté
nous vous présentons
notre production 1958 - 59

1°/ **LE FOU DU CIRQUE** — Danny Kaye, Pier Angeli
MERRY ANDREW — *Baccaloni, Robert Coote*

2°/ **L'ARBRE DE VIE** — Montgomery Clift, Elisabeth
RAINTRÉE COUNTY — *Eva Marie Saint-Taylor*

3°/ **GIGI** — Leslie Caron, Maurice Chevalier
Louis Jourdan

4°/ **LIBRE COMME LE VENT** — Robert Taylor, Julie London
SADDLE THE WIND — *John Cassavetes, Donald Crisp*

5°/ **LA VALLÉE DE LA POUDRE** — Glenn Ford, Shirley Maclaine
THE SHEEPMAN — *Leslie Nielsen, Mickey Shaughnessy*

(À SUIVRE)

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN »

DESCOURS ET CABAUD

Bảo-Hiểm

1-3-5 Bến Chương-Dương — Saigon
Điện-Thoại : 20114 — 20115 — 20116 — 23739

ACCIDENTS — Tai-nạn
INCENDIE — Hỏa-Hoạn
TRANSPORTS — Hàng-Hải
RISQUES DIVERS — Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ
của

MUTUELLE GENERALE FRANCAISE ACCIDENTS

L'OCEAN — CENTRALE — HAVRAISE — PROVIDENCE
— RHONE MEDITERRANEE — L'INTEROCEANE
LA MUTUELLE DU MANS

Chi Ngánh : PARIS - TOURANE - CHOLON - DALAT - CANTHO - VIENTIANE
HONGKONG TANANARIVE - TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

BANQUE FRANCO-CHINOISE
POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

SIÈGE SOCIAL : 74 Rue St-LAZARE — PARIS

AGENCE de SAIGON

32, Đại-lộ HAM-NGHI (R.C. Saigon N° 272)

Tél : 20.065 — 20.066 — 20.067. — Boite Postale N° 40 — SAIGON

BUREAUX AUXILIAIRES

SAIGON-MARCHÉ : 178, đường Lê-thánh-Tôn
Tél. : 22.142

CHOLON : 386, Đại-Lộ Đồng-Khánh.
Tél. : 621

AGENCES :

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE
VIETNAM : SAIGON
CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM
MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

Location de Coffres-forts par l'Agence de Saigon
Toutes Opérations de Banque et de Change.

SHELL

Để dùng vào

KỸ-NGHỆ

NÔNG-NGHIỆP

và **TRONG NHÀ**

CÔNG-TY SHELL VIỆT-NAM

xin giới thiệu cùng

Quý Ngài những hoá-phẩm do dầu hoả chế ra.

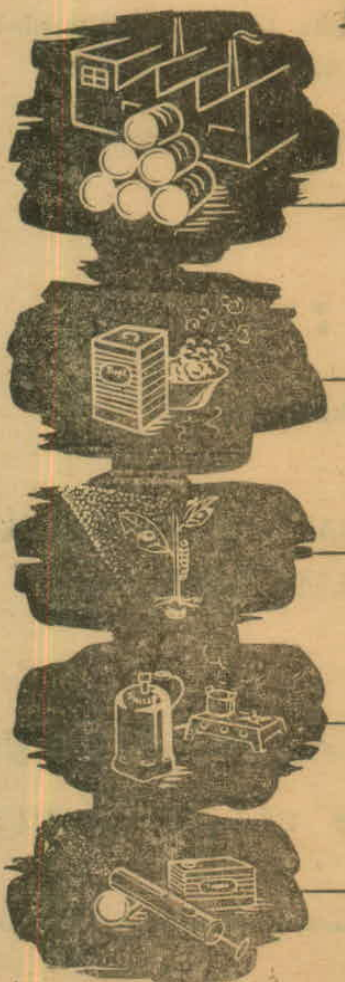

Chất để pha trộn, Acétone, glycérine, toluène

Xà-bông nước hoá-học

Thuốc sát-trùng bột như Dieldrin, Aldrin, Endrin, trừ các loài sâu bọ cắn hại mùa màng

Hơi Butagaz để đun bếp vừa sạch-sẻ, vừa tiện lợi

Thuốc sát trùng Shelltox, mùi dễ ngửi, giết ruồi, muỗi... rất nhậy

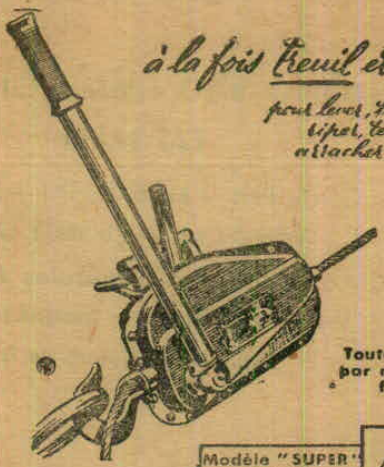

à la fois treuil et palan!

pour lever, tirer, riper, tendre, arracher etc...

6 avantages du TIRFOR

1) Portatif.
2) Mise en batterie rapide.
3) Course de câble illimitée.
4) Toutes orientations et positions
5) Précision millimétrique de manœuvre.
6) Sécurité : organes essentiels doublés

Toutes forces par mouflage facile

Modèle "SUPER" (Universel) Force : 1.500 kgs Poids : 18 kgs

Modèle "MINES" (Traction seule) Forces : 1500 et 3000 kgs Poids : 18 et 21 kgs

Tirfor rend 1000 services! Demandez-nous la brochure

Denis Frères

Số 4 đường Tự-do Sàigòn — Đại lý độc quyền tại Việt-Nam

Dùng Hộp Quẹt BLUE BIRD là phụng-sự nền kinh-tế Quốc-Gia

Sté Indochinoise Forestière
et des Allumettes
(SIFA)
346, Bến Vân-Đồn
Đ. Thoại 21.950
Đ. Tín Forestière

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1 Milliard de Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY
TAI NẠN

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO

VỐN : 1.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 1 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 105.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Assiatique

Assurances Toutes Branches

Capital : 105.000.000 Frs.

**NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP**

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 — 23.913

Compagnie Générale de Commerce
(L. RONDON & C° LTD)

30-32, Đường Pasteur
– SAIGON –

Tél. : 21.081/82 B.P. 318

★

Son service

MATÉRIEL AGRICOLE, GÉNIE CIVIL et INDUSTRIEL

FIAT	Tracteurs à Chenilles et à Roues	LETOURNEAU	Engins de terrassement
		KOEHRING	Matériel T.P.
SEVITA	Matériel agricole	GRAY MARINE	Moteurs marins
RUSTON & HORNSBY	Moteurs verticaux et horizontaux	BERGEAUD	Concasseurs fixes et mobiles
DOG-IRAT	Moteurs industriels	LE ROI	Compresseurs
ALBARET	Rouleaux compresseurs	CULLIER	Perçeuses
LEON HURE	Fraiseuses	BERNADOU	

MULLER et PESANT Tours à métaux et à bois

★

Son service

IMPORTATION GÉNÉRALE

MARTELL	Cognac	BARDINET	Rhum NEGRITA
GRANTS	Whisky (Scotch)	FERREIRA'S	Porto
NEGRITA	Rhum	SEAGRAM'S	Gin
BOLLINGER	Champagne	SEAGRAM'S	Whiskk V.O. (Canadian)
NOILLY PRAT		FOUR ROSES	Bourbon
			Vermouth

★

COTY	Parfumerie	GOUVY	Houes
OREAL	Produits capillaires	PROUVOST	Laine «les Deux Béliers»
CHIRIS	Huiles essentielles Essences synthétiques	VILLARDERE	Tondeuses AVENIR ETOILE

J. THIRIEZ PÈRE & FILS & CARTIER BRESSON :
Fil à Coudre, à Broder et à Tricoter

★

DISTRIBUTEUR GÉNÉRAL

de la Manufacture Indochinoise de Tabac et Cigarettes (MITAC)

« MÉLIA »

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

(HỘI NẶC DANH VỚI SỐ VỐN 400.000.000 QUAN)

Chi-nhánh tại SAIGON

29, Bến Chương-Dương

Điện thoại: 23.434/35/36 — Địa-chỉ Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh phụ : Hẽm Eden, Saigon

☆

TẤT CẢ CÔNG VIỆC NGÂN - HÀNG

☆

Đại-diện các Ngân-Hàng trên thế-giới

☆

Ngân-Hàng thừa nhận do Viện Hối-Đoái Quốc - Gia Việt - Nam

Mở các khoản tín-dụng về

Xuất-cảng — Nhập-cảng

MÁY ĐÁNH CHỮ ĐỂ BÀN GIẤY VÀ XÁCH TAY
HIỆU « **HERMÈS** »

ĐÃ RẺ LẠI TỐT — BÁN SỈ VÀ LẺ
Tại NHÀ IN I.N.D.E.O
(IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME - ORIENT)
SỐ 1, ĐƯỜNG NGUYỄN-SIÊU — SAIGON
Điện Thoại Số 20.821

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

☆

DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742

☆

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane — Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudure oxy-acétylénique et électrique.
Installations de gazothérapie.
Notre service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Codes : Peterson International 3rd Edition

Bentley's Second Phrase

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES LES GRANDES VILLES DU MONDE

Succursale de Saigon :

11, Bến Chương Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphone : 21.632 - 21.633

Agence à Cholon :

448-450, Bến Hàm Tử (ancien 16-18 Boulevard Gaudot)

Téléphone : 396

Agence à Phnom-Penh :

20. Boulevard Norodom (Ex 20. Bd Doudart de Lagrée)

Téléphone : 323

AGENCE DE LA

CHINA INSURANCES COMPANY LTD.

Maritimes — Incendies — Automobiles et Divers

GIAO - THÔNG NGÂN - HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng Chính (Siège Social)

ĐÀI - BẮC — TRUNG - QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện-thoại 21.549 — Cardi 55

AGENCE DE CHOLON

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện-Thoại : 904

Danh sách điện báo : COMMUBANK

Các hãng Đại - lý thiết lập trên các thành thị lớn khắp thế giới, chuyên doanh tất cả các nghiệp vụ ngân hàng : và có tủ bảo hiểm cho thuê, mỗi tủ tiền thuê mỗi năm từ 300$ đồng trở lên.

Golden Club

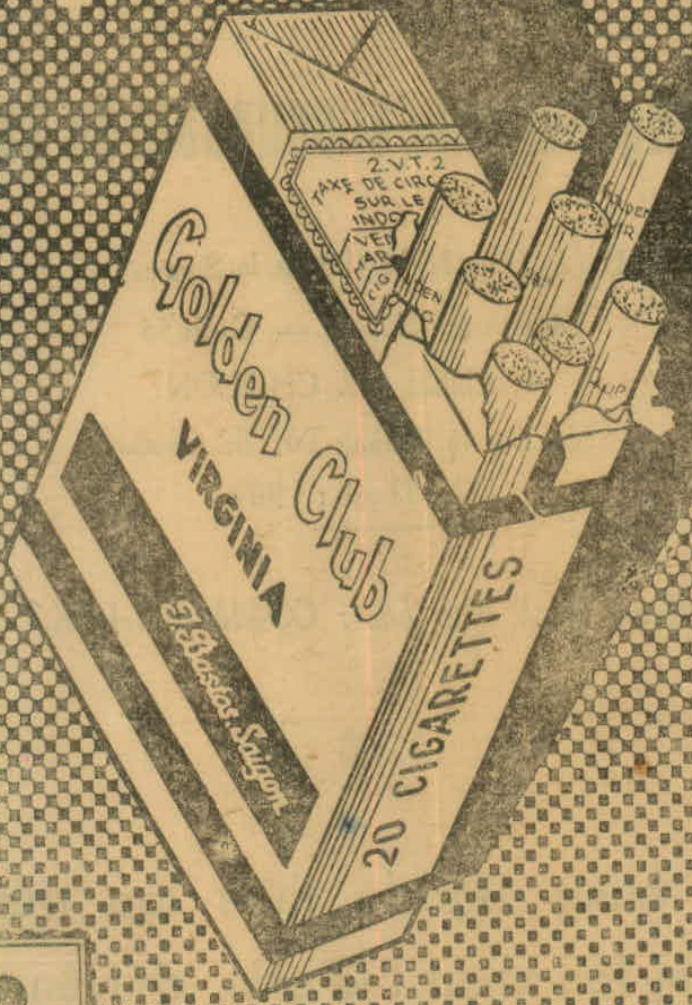

Một gói thuốc Thơm thượng hảo hạng

CIGARETTES

MÉLIA

MITAC

BACHKHOABACHKHOABACHKHOA

BACHKHOABACHKHOABACHKHOABACHKHOA

BÁCH-KHOA TẠP CHÍ

GIÁ : 10$00